

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS YÊN ĐỨC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

QUẢNG NINH – NĂM 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS YÊN ĐỨC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Bà Lê Thị Kim Oanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Bà Nguyễn Thúy Hiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Bà Phạm Thị Kim Nhung	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Bà Vũ Thị Bình Ngọc	Tổ trưởng tổ KHXH	Ủy viên	
5	Bà Vũ Thị Hoài	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên	
6	Bà Nguyễn Thị Huệ	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên	
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	4
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	19
Tiêu chí 1.1	20
Tiêu chí 1.2	24
Tiêu chí 1.3	29
Tiêu chí 1.4	33
Tiêu chí 1.5	37
Tiêu chí 1.6	39
Tiêu chí 1.7	43
Tiêu chí 1.8	46
Tiêu chí 1.9	49
Tiêu chí 1.10	52
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 1</i>	56
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	57
Tiêu chí 2.1	58
Tiêu chí 2.2	61
Tiêu chí 2.3	66
Tiêu chí 2.4	69
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 2</i>	72
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	73
Tiêu chí 3.1	73
Tiêu chí 3.2	76
Tiêu chí 3.3	78
Tiêu chí 3.4	80
Tiêu chí 3.5	82
Tiêu chí 3.6	85
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 3</i>	88
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	89

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 4.1	89
Tiêu chí 4.2	94
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 4</i>	96
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	97
Tiêu chí 5.1	98
Tiêu chí 5.2	104
Tiêu chí 5.3	107
Tiêu chí 5.4	111
Tiêu chí 5.5	115
Tiêu chí 5.6	119
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 5</i>	123
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	125
Tiêu chí 1	125
Tiêu chí 2	125
Tiêu chí 3	126
Tiêu chí 4	127
Tiêu chí 5	128
Tiêu chí 6	129
<i>Kết luận tiêu chí mức 4</i>	129
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	130
PHỤ LỤC	132

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Nội dung
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	CSVC	Cơ sở vật chất
3	CMHS	Cha mẹ học sinh
4	CSTĐ	Chiến sĩ thi đua
5	CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
6	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
7	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
8	GVCNG	Giáo viên chủ nhiệm giỏi
9	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
10	KHKT	Khoa học kĩ thuật
11	TĐG	Tự đánh giá
12	TNCS	Thanh niên cộng sản
13	TNTP	Thiếu niên tiên phong
14	THCS	Trung học cơ sở
15	THPT	Trung học phổ thông
16	UBND	Ủy ban nhân dân
17	TTNNĐ	Thanh thiếu niên nhi đồng
18	PGD	Phòng giáo dục
19	BCH	Ban chấp hành
20	TDTT	Thể dục thể thao
21	CBQL	Cán bộ quản lý
22	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
23	TH&THCS	Tiểu học và Trung học cơ sở
24	HCV	Huy chương vàng
25	HCB	Huy chương bạc
26	HCD	Huy chương đồng
27	GDPT	Giáo dục phổ thông
28	PCGD	Phổ cập giáo dục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá: Đánh giá tiêu chí Mức 1,2,3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá các tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Tiêu chí 5.6		x	x	x
--------------	--	---	---	---

Kết quả: Đạt mức 3

1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Điều 22			
Khoản 1		x	
Khoản 2		x	
Khoản 3	x		
Khoản 4		x	
Khoản 5		x	
Khoản 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRƯỜNG THCS YÊN ĐỨC

Tên trước đây: TRƯỜNG THCS YÊN ĐỨC

Cơ quan chủ quản: UBND THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Tỉnh	Quảng Ninh	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Thị Kim Oanh
Thị xã	Đông Triều	Điện thoại	0904295697
Xã	Yên Đức	Fax	
Đạt CQG	x	Website	https://thcsyenduc.dongtrieu.edu.vn

Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	05/9/1994	Số điểm trường	
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học :

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 6	2	2	2	2	3
Khối lớp 7	2	2	2	2	2
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
Cộng	8	8	8	8	9

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	14	14	14	14	20	
1	Phòng học	08	08	08	08	06	
a	Phòng kiên cố	08	08	08	08	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	04	04	04	04	09	
a	Phòng kiên cố	04	04	04	04	09	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	02	02	02	02	05	
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	05	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính – quản trị	05	05	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
	Phòng đọc	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	02	02	02	02	02	
1	Nhà đa năng	01	01	01	01	01	
2	Sân cỏ nhân tạo	01	01	01	01	01	
	Cộng	22	22	22	21	28	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Phó Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Giáo viên	16	15	0	0	16	0	
Nhân viên	02	02	0	0	02	0	
Cộng	20	19	0	0	20	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	14	14	14	15	16
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,75	1,75	1,75	1,88	1,78
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,59	0,51	0,48	0,49	0,48
4	Tổng số GVDG cấp thị xã và tương đương	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	10	10 GVDG (bảo lưu) 06 GVCNG	Không tổ chức thi
5	Tổng số GVDG cấp tỉnh trở lên	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	02

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	236	274	289	309	330	
	Nữ	107	133	135	146	158	
	Dân tộc thiểu số	2	2	3	3	6	
	Khối lớp 6	71	86	74	79	97	
	Khối lớp 7	56	71	84	72	79	
	Khối lớp 8	61	56	73	84	71	
	Khối lớp 9	48	62	58	74	83	
2	Tổng số tuyển mới	71	86	74	79	97	
3	Học 2 buổi/ ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp	29,5	34,25	36,1	38,6	36,7	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	236 (100%)	274 (100%)	289 (100%)	309 (100%)	330 (100%)	
	Nữ	107 (45,3%)	133 (48,5%)	135 (46,7%)	146 (47,2%)	158 (47,6%)	
	Dân tộc thiểu số	2 (0,85%)	2 (0,73%)	3 1,03%	3 (0,97%)	6 (1,8%)	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh (nếu có)	14/0	11/5	9/1	2/1	8/0	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	13	11	13	11	14	
	Nữ	5	6	6	5	7	
	Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	20	16	16	21	19	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực Giỏi/xếp loại học tập Tốt	26,7%	25,91%	22,5%	22,98%	28,04%	Tổng tỉ lệ
	26,7%	25,91%	24,19%	20,25%	25,3%	2006
			17,57%	25,83%	30,77%	2018
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực Khá/xếp loại học tập Khá	43,6%	46,72%	52,6%	39,8%	46,54%	Tổng tỉ lệ
	43,6%	46,72%	53,49%	43,04%	53,01%	2006
			50%	36,42%	40,08%	2018
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực trung bình/xếp loại học tập Đạt	29,7%	27,37%	24,9%	37,22%	25,42%	Tổng tỉ lệ
	29,7%	27,37%	36,7%	22,32%	21,69%	2006
			37,74%	32,43%	29,15%	2018
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực yếu,kém/xếp loại học tập Chưa đạt	0%	0%	0%	0%	0%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt/Xếp loại rèn luyện Tốt	94,1%	95,99%	96,9%	93,9%	93,34%	Tổng tỉ lệ
	94,1%	95,99%	96,74%	94,3%	95,18%	2006
			97,29%	93,37%	91,5%	2018
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá/Xếp loại rèn luyện Khá	5,9%	4,01%	3,1%	6,1%	6,66%	Tổng tỉ lệ
	5,9%	4,01%	3,25%	5,7%	4,82%	2006
			2,7%	6,62%	8,5%	2018
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình/Xếp loại rèn luyện Đạt	0%	0%	0%	0%	0%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu/xếp loại hạnh kiểm Chưa đạt	0%	0%	0%	0%	0%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Nhà trường thành lập từ năm 1994 theo Quyết định số 53/KHTV ngày 05/9/1994 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh và có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường THCS Yên Đức từ khi thành lập đến nay không ngừng phát triển, ngày một đi lên về mọi mặt. Chi bộ Đảng của nhà trường trực thuộc Đảng bộ xã Yên Đức. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường 100% đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đồng bộ về các bộ môn, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết luôn giúp nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc; đội ngũ giáo viên ý thức trách nhiệm cao, có tay nghề đồng đều, vững vàng. Nhà trường xác định hướng đi trọng tâm là: phát huy yếu tố nội lực là động lực thúc đẩy, phát triển, xây dựng nề nếp giáo dục toàn diện. Từ nhiều năm nay đội ngũ CB, GV, NV nhà trường đã phấn đấu, nỗ lực nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm phù hợp với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Đến nay, đội ngũ giáo viên của trường đã tiếp cận tương đối tốt những đổi mới của ngành.

Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng một nâng cao: tỉ lệ lên lớp thẳng hàng năm đạt từ 99,58% đến 100%, tỉ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%, có nhiều học sinh đạt học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh. Chất lượng thi vào các trường THPT công lập hàng năm đạt tỷ lệ từ 59,2% đến 88,63%. Nhiều thầy cô đạt danh hiệu GVDG, CSTĐ các cấp, được Sở GD&ĐT và UBND tỉnh, thị xã tặng giấy khen, bằng khen. Nhà trường liên tục nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc. Chi bộ Đảng nhà trường liên tục nhiều năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh nhiều năm liền đạt danh hiệu “Vững mạnh xuất sắc” và có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Nhà trường có cảnh quan đẹp, môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, có môi trường sư phạm rất thuận lợi. đáp ứng được các tiêu chí “Trường học thân thiện

- Học sinh tích cực”. Có thể nói thầy và trò trường THCS Yên Đức luôn là niềm tin yêu, niềm tự hào của cán bộ, nhân dân và CMHS xã Yên Đức.

* Chất lượng xếp loại học lực/học tập và hạnh kiểm/rèn luyện trong 5 năm sau khi kiểm tra lại:

- Kết quả xếp loại theo chương trình 2006

Năm học	Xếp loại học lực/học tập				Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện			
	Giỏi %	Khá %	TB %	Yếu %	Tốt %	Khá %	TB %	Yếu %
2019-2020	26,7	43,6	29,7	0	94,1	5,9	0	0
2020-2021	25,91	46,72	27,37	0	95,99	4,01	0	0
2021-2022	24,19	53,49	22,32	0	96,74	3,25	0	0
2022-2023	20,25	43,04	36,7	0	94,3	5,7	0	0
2023-2024	25,3	53,01	21,69	0	95,18	4,82	0	0

- Kết quả xếp loại theo chương trình GDPT 2018

Năm học	Xếp loại học lực/học tập				Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện			
	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %
2021-2022	17,57	50	32,43	0	97,29	2,7	0	0
2022-2023	25,83	36,42	37,74	0	93,37	6,62	0	0
2023-2024	30,77	40,08	29,15	0	91,5	8,5	0	0

* Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã đạt trong 5 năm

Năm học	Thành tích của nhà trường
2019 - 2020	- Tập thể Lao động xuất sắc - UBND tỉnh tặng Bằng khen
2020-2021	- Tập thể Lao động xuất sắc - UBND thị xã tặng Giấy khen
2021 - 2022	- Tập thể Lao động tiên tiến - Sở GD&ĐT tặng Giấy khen

1.2. Cơ cấu tổ chức của nhà trường

Tổng số CB, GV, NV: 20 (18 biên chế, 02 hợp đồng). Trong đó: CBQL: 02; Tổng phụ trách đội: 01; Giáo viên: 15; Nhân viên: 02.

Chất lượng đội ngũ: 100% đạt chuẩn.

Trường có Chi bộ Đảng gồm 15 đảng viên chiếm 83,3%.

Tổ chức công đoàn cơ sở có 18 đoàn viên.

Biên chế tổ gồm 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, tập thể nhà trường là một khối đoàn kết luôn giúp nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc. Có nhiều giáo viên đạt danh hiệu GVDG cấp tỉnh, cấp thị xã, CSTĐ cấp cơ sở được tặng thưởng giấy khen, bằng khen của các cấp.

Tổng hợp số liệu về đội ngũ trong 5 năm:

Năm học	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Tổng số CB, GV, NV	18	18	18	19	20
Trình độ chuyên môn đạt chuẩn	15 (83,3%)	15 (83,3%)	15 (83,3%)	17 (89,5%)	20 (100%)
Trình độ chuyên môn trên chuẩn (%)	0	0	0	0	0
GVDG cấp thị xã	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	10	10 GVDG (bảo lưu) 06 GVCNG	Không tổ chức thi
GVDG cấp tỉnh	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	02
CSTĐ cấp thị xã	03	03	02	02	
CSTĐ cấp tỉnh	0	0	0	0	

1.3. Cơ sở vật chất

Khuôn viên nhà trường là một khu riêng biệt, có tường rào bảo vệ, cổng trường, biển trường, tất cả các công trình trong trường đều được sắp xếp hợp lý, luôn sạch đẹp. Tổng diện tích của trường 10.510 m², bình quân 31,84 m²/ học sinh.

Các công trình được bố trí hợp lý, hệ thống cây bóng mát xung quanh sân trường tạo cảnh quan nhà trường khang trang, xanh, sạch, đẹp.

Có đầy đủ khu phòng học, phòng bộ môn; khu phục vụ học tập; khu giáo dục thể chất; khu văn phòng; khu sân chơi; khu vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh; khu để xe dành riêng cho giáo viên và học sinh.

1.4. Học sinh

Tổng số học sinh nhà trường trong các năm học có từ 236 đến 330 em. Học sinh của nhà trường trong các năm luôn đảm bảo về độ tuổi học sinh trung học theo Điều lệ trường trung học: đều từ 11 đến 15 tuổi. Đa số các em có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của người học sinh, các em đều có ý thức tốt trong các hoạt động giáo dục toàn diện, lực học của các em tương đối đồng đều.

Nhà trường thường xuyên tư vấn cho học sinh về các kỹ năng sống. Học sinh của nhà trường được học tập và thực hiện nhiệm vụ của người học sinh, được giáo dục đạo đức toàn diện của người công dân mới thông qua các hoạt động giáo dục. Các em luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều lệ trường trung học.

Trong các năm học, học sinh nhà trường được học tập đầy đủ các bộ môn văn hóa và tham gia các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT. Học sinh được đảm bảo các quyền theo Điều lệ trường trung học và các quyền khác theo quy định của pháp luật. Học sinh được giáo dục, rèn luyện những kỹ năng sống, các em đã có thói quen giao tiếp với thầy cô giáo, người lớn tuổi, bạn bè đúng mực, nói năng lễ phép, không có hiện tượng bạo lực học đường.

1.5. Các tổ chức đoàn thể

Chi bộ Đảng luôn đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động trong nhà trường, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của ngành, Chi bộ nhà trường, trong năm 2020 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm 2019, 2021, 2022 hoàn thành tốt nhiệm vụ, riêng năm 2023, chi bộ hoàn thành nhiệm vụ do đảng viên vi phạm chính sách dân số (sinh con thứ 3).

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật hoạt động có hiệu quả, tích cực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Hàng năm, các đoàn thể của nhà trường luôn giữ vững danh hiệu tiên tiến.

1.6. Địa phương

Xã Yên Đức là một xã nông thôn với 05 thôn hành chính; các điều kiện kinh tế, xã hội phát triển chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có một vài doanh nghiệp kinh doanh than, gạch và dịch vụ.

Xã Yên Đức là một trong những xã có hệ thống chính trị ổn định, các đồng chí cán bộ cốt cán của địa phương có năng lực lãnh đạo, rất coi trọng công tác giáo dục, luôn quan tâm đầu tư cho giáo dục. Đây cũng là một trong những địa phương có truyền thống hiếu học, nhân dân nhận thức đúng về mục đích giáo dục, vai trò trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ tương lai của đất nước.

Trình độ dân trí ngày một được nâng cao tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của nhà trường.

Công tác giáo dục của địa phương được quan tâm đúng mức, tổng số trường học từ cấp học mầm non trên địa bàn xã là 03 trường gồm: 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS. Đảng bộ và chính quyền địa phương luôn chăm lo đến công tác giáo dục, tạo mọi điều kiện thuận lợi để công tác giáo dục phát triển

bền vững. Hiện tại, 100% các trường Mầm non, Tiểu học, THCS đã đạt chuẩn quốc gia.

2. Mục đích tự đánh giá

Trong công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần trong việc xây dựng một nền kinh tế trí thức. Tuy nhiên, giáo dục ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, nhất là trong tình trạng hiện nay, khi chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Luật Giáo dục năm 2019 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 14/6/2019, Bộ GD&ĐT đang triển khai đổi mới mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, cách đánh giá xếp loại học sinh... nên việc tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên, tăng cường CSVC, đẩy mạnh công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cấp học nhằm nhanh chóng tạo bước chuyển hướng lớn về chất lượng giáo dục. Việc triển khai đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cấp đã có những tác động tích cực đến hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh, Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, trường THCS Yên Đức đã tiến hành TĐG chất lượng của nhà trường với mục đích là làm rõ thực trạng về quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục; xác định và so sánh theo các tiêu chuẩn của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS xem nhà trường đã đạt đến mức nào của tiêu chuẩn đòi hỏi. Thông qua đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức và đề xuất các chiến lược, kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; tiếp tục kiến nghị với địa phương, với các cấp lãnh đạo các biện pháp để nhà trường không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đó cũng là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ cơ sở giáo dục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Thông qua TĐG, đề nghị các cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt chuẩn chất lượng trường THCS.

Việc đánh giá giúp xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận cơ sở GDPT đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Tóm tắt quá trình tự đánh giá

*** Công cụ đánh giá:**

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo: Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn CSVN các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở GDPT; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS; Luật giáo dục số 38/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13 và Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020; Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở GDPT công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2021/TT-BTC, 12/7/2021 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở GDPT và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên;

Hướng dẫn số 3106/HD-SGDĐT ngày 23/11/2018 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Công văn số 1816/SGDĐT-GDTrH ngày 26/7/2019 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá, TĐG và đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn quốc gia trường trung học từ năm học 2019 - 2020;

Công văn số 1263/HD-PGD&ĐT ngày 05/12/2018 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều về việc hướng dẫn thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công

nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT;

Kế hoạch số 258/KH-PGD&ĐT ngày 28/02/2024 của Phòng GD&ĐT Đông Triều về việc đánh giá ngoài để công nhận cơ sở giáo dục đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia năm 2024;

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 29/03/2024 của UBND thị xã về thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024 trên địa bàn thị xã Đông Triều;

Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

*** Các bước tiến hành:**

- Thành lập Hội đồng TĐG.
- Xây dựng kế hoạch TĐG.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo TĐG.
- Công bố báo cáo TĐG.

*** Trong quá trình TĐG, Hội đồng TĐG đã vận dụng linh hoạt các phương pháp như:**

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các Chỉ thị, Quyết định của Bộ GD&ĐT về công tác kiểm định chất lượng và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS.
- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình TĐG.
- Phương pháp điều tra, khảo sát; điều tra, phỏng vấn những người có liên quan.
- Phương pháp thảo luận: trao đổi, bàn bạc các nội dung TĐG.
- Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác TĐG.
- Phương pháp phân tích: tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.
- Phương pháp tự luận: viết báo cáo TĐG.

3.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện quá trình TĐG, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường THCS. Thông qua quá trình TĐG, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, nhà trường đã xác định những mặt mạnh nổi bật và những mặt hạn chế. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

- Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các trường trên địa phương làm tốt công tác phổ cập giáo dục. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định vững chắc. Đạt phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, hằng năm huy động 100% học sinh ra lớp. Tổ chức hiệu quả ngày toàn dân đưa trẻ đến trường.

- Chỉ đạo chủ động các hoạt động giáo dục của nhà trường về quản lý tài chính, quản lý hành chính, thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai trong trường học.

- Đội ngũ CB, GV, NV chủ động, nhiệt tình tâm huyết, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ. Nhà trường chủ động, tích cực và linh hoạt trong đổi mới phương pháp dạy học theo mô hình trường học mới.

- Đầu tư CSVC đáp ứng yêu cầu tối thiểu trong dạy và học, lắp đặt thiết bị phục vụ cho dạy học kết nối, hội nhập.

- Ban đại diện CMHS trong nhà trường hoạt động tích cực, cùng nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo chủ động các hoạt động giáo dục của nhà trường về quản lý tài chính, quản lý hành chính.

- Nhà trường thực hiện tốt các chế độ, chính sách và có biện pháp linh hoạt để hỗ trợ học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh hàng năm đều đảm bảo chỉ tiêu đề ra, đáp ứng được mục tiêu giáo dục. Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học và các hoạt động giáo dục hàng năm luôn ổn định và phát triển. Có học sinh đạt giải ở một số cuộc thi, giao lưu cấp thị xã và học sinh dự thi đạt giải cấp tỉnh, tham gia các cuộc thi do ngành tổ chức. Việc chỉ đạo tăng cường các hoạt động chuyên môn, hoạt động của các câu lạc bộ trong trường học, hoạt động giáo dục STEM, các cuộc thi KHKT, sáng tạo TTNND được tổ chức và tạo động lực tốt.

Quá trình TĐG là một cơ hội để nhà trường nhìn lại chặng đường đã qua; thấy rõ được sự trưởng thành và phát triển, để tập thể cán bộ, giáo viên trong trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại. Thực hiện TĐG chất lượng nhà trường đã góp phần thắng lợi với mục tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành giai đoạn 2015-2020; giai đoạn 2020-2025 và hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược của nhà trường đã đề ra.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở cho những mục tiêu, quyết sách của nhà trường góp phần phát triển giáo dục theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của trường THCS do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành thì việc quan trọng hàng đầu là xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học. Theo đó, nhà trường có đội ngũ CBQL và giáo viên đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình GDPT, phân công giảng dạy hợp lý nên đã phát huy được năng lực chuyên môn. Nhà trường có đầy đủ Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Liên đội, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS, Chi hội Chữ thập đỏ. Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường THCS và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế, góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với CB, GV, NV và học sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành. Đó là những cơ sở nền tảng cho quá trình phấn đấu trưởng thành đi lên của nhà trường, góp phần tích cực vào hoạt động toàn diện của nhà trường.

Nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà trường là quản lý đội ngũ để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục; quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định và các văn bản hướng dẫn hiện hành phù hợp với tình hình nhà trường. Song song với đó là tổ chức có hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở để mọi quyền lợi hợp pháp và chính đáng của CB, GV, NV và học sinh được đáp ứng đầy đủ, kịp thời; thực hiện đảm bảo an ninh trật tự trong trường học để mọi hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường được diễn ra an toàn, hiệu quả.

Nhiệm vụ quan trọng nữa trong việc tổ chức và quản lý nhà trường là quản lý hành chính; thực hiện các phong trào thi đua; quản lý các hoạt động giáo dục; quản lý CB, GV, NV, học sinh; quản lý tài chính, tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho CB, GV, NV; phòng chống bạo lực học đường; phòng chống dịch bệnh; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường học. Đây là nhiệm vụ đồng thời cũng là quyền hạn của trường THCS theo Điều lệ trường trung học đã ban hành.

Các hoạt động giáo dục được Chi bộ và CBQL chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá theo quy chế của Bộ GD&ĐT ban hành, kịp thời điều chỉnh và cải tiến các biện pháp quản lý hiệu quả hơn.

1.1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT, sở GD&ĐT.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường với mục tiêu tổng quát là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam. Đồng thời, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Yên Đức. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường THCS Yên Đức được xây dựng dựa trên mục tiêu cấp học được quy định tại Luật Giáo dục, được gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của UBND thị xã Đông Triều, UBND tỉnh Quảng Ninh, của xã Yên Đức theo giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025 và các nguồn lực của nhà trường. Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, tháng 10 năm 2019, nhà trường đã xây dựng “Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Yên Đức giai đoạn 2019-2024 theo văn bản số 86/KHCL-THCSYĐ ngày 24/10/2019 [H1-1.1-01]; đến tháng 8/2021 tiếp tục thực hiện điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024

theo văn bản số 124/KHCL-THCSYĐ ngày 26/8/2021 [H1-1.1-08]; do có sự thay đổi về thực hiện Điều lệ trường học theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ, Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đảng bộ hàng năm của Đảng bộ xã và Hội đồng nhân dân xã về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [H1-1.1-02]; Việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV, NV nhà trường. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội và thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2019-2024, qua đó nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của toàn thể CB, GV, NV và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường THCS Yên Đức là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của các cấp về đổi mới GDPT. Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp mục tiêu GDPT cấp THCS được quy định tại Điều 29 Luật Giáo dục năm 2019. Mục tiêu là xây dựng nhà trường thành trường có chất lượng đạt chuẩn quốc gia và được kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2019-2024 đã được Hội đồng trường THCS Yên Đức phê duyệt trong chu kỳ 05 năm (văn bản số 86/KHCL-THCSYĐ, ngày 24/10/2019), Nghị quyết số 86a/NQ-HĐT, ngày 24/10/2019; trong giai đoạn đó có sự điều chỉnh và được phê duyệt của Hội đồng trường (văn bản số 124/KHCL-THCSYĐ ngày 26/8/2021) theo Nghị quyết số 126/NQ-THCSYĐ, ngày 26/8/2021 của Hội đồng trường THCS Yên Đức. Với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV, NV nhà trường, nội dung chiến lược phát triển của nhà trường thể hiện thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội và thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2019-2024 [H1-1.1-01]; [H1-1.1-08].

c) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đã được thông báo công khai tới toàn thể CB, GV, NV, CMHS, học sinh được biết và đã được niêm yết tại văn phòng nhà trường. Được tải lên trên trang thông tin điện tử của nhà trường địa chỉ: <https://thcsyenduc.edu.vn> [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, Hội đồng trường đều thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, cùng với đó nhà trường được các cơ quan quản lý cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-09].

Hội đồng trường có các giải pháp thực hiện tự giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường 1 lần/năm học tại phiên họp cuối năm của hội đồng trường, sinh hoạt chi bộ. Các cơ quan quản lý cấp trên giám sát việc thực hiện thông qua các thông báo kết luận kiểm tra, thanh tra hàng năm.

Mức 3:

Để đảm bảo sự phát triển của nhà trường phù hợp với chiến lược xây dựng và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, định kỳ nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng. Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường khi điều chỉnh được thông qua toàn thể CB, GV, NV, được Hội đồng trường phê duyệt và công khai kịp thời tới toàn thể CB, GV, NV nhà trường [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08].

Việc triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được Hội đồng trường quyết nghị trong các kỳ họp. Trên cơ sở đó, nhà trường triển khai thực hiện trong các hội nghị toàn thể CB, GV, NV nhà trường, được thể hiện rõ trong nghị quyết Hội đồng sư phạm và Nghị quyết Hội đồng trường hàng năm [H1-1.1-03]; [H1-1.1-07] .

Kết thúc mỗi năm học nhà trường đều thực hiện đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển trong năm, đồng thời xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo [H1-1.1-06]; [H1-1.1-10].

1.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện theo phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường.

Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu của GDPT được quy định tại Luật giáo dục với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Yên Đức và thị xã Đông Triều; phù hợp với nguồn lực của nhà trường và được Hội đồng trường phê duyệt.

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được tổ chức lấy ý kiến, niêm yết công khai và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, CMHS và học sinh nhà trường nên các mục tiêu trong kế hoạch chiến lược phát triển đều phù hợp với mục tiêu giáo dục, các nguồn lực của nhà trường và tình hình thực tế của địa phương.

Nhà trường có những điều kiện thuận lợi về môi trường, đội ngũ và CSVC, có truyền thống học tập tốt, chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn luôn được ổn định và nâng cao để hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Việc ứng dụng CNTT trong công khai đã thực hiện thường xuyên, liên tục trên website nhà trường.

1.1.3. Điểm yếu

Chiến lược phát triển của nhà trường chưa được đăng tải rộng rãi nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Vì vậy chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của CMHS, các tổ chức và các tầng lớp nhân dân địa phương.

Nguồn lực mà nhà trường có được cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và một phần nhỏ từ sự ủng hộ của CMHS, các nhà hảo tâm nên chưa đủ để thực hiện kế hoạch chiến lược nhà trường vượt trội các chỉ tiêu.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong quá trình thực hiện chiến lược, Hiệu trưởng rà soát, rút ra những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển của nhà trường.

Thực hiện đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học; bồi dưỡng CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu thay sách giáo khoa GDPT mới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đánh giá điều chỉnh các mục tiêu giải pháp chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2019 - 2024.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
- Tiếp tục qua trang Website của nhà trường công bố rộng rãi Kế hoạch chiến lược.	Phó hiệu trưởng, Ban CNTT chuyển đổi số	Đăng tải Kế hoạch lên trang Website	Trong các năm học	Không
- Thông báo Kế hoạch chiến lược trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương, bảng tin; , khích lệ các tổ chức, tầng lớp nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng chiến lược nhà trường	Phó hiệu trưởng, văn phòng phối hợp với Ban văn hóa-thông tin của xã	Gửi văn bản sang Đài phát thanh xã, treo bảng tin nhà trường	Đầu năm học 2023-2024	Không
- Thông báo Kế hoạch chiến lược trong các cuộc họp CMHS, cựu học sinh các năm học tiếp theo.	CBQL, GVCN phối hợp với CMHS	Tổ chức các cuộc họp CMHS, gặp gỡ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm,..	Trong các năm học	Không
- Làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa	CBQL	Báo cáo bằng văn bản	Trong các năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
phương, tiếp tục huy động sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân; sự ủng hộ của chính quyền địa phương, của PGD, UBND thị xã đầu tư kinh phí cho nhà trường hoàn thành kế hoạch chiến lược				

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

1.2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến, Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, Hội đồng tư vấn. Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều lệ trường trung học và tình hình thực tế, nhà trường đã thực hiện quy trình đề nghị PGD và UBND thị xã ban hành quyết định thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng trường khi có sự thay đổi về nhân sự. Hội đồng trường trường THCS Yên Đức được kiện toàn theo Quyết định số 4511/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 1275/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2016-2021; Quyết định số 166/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027; Quyết định số 1771/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 09 thành viên do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và các thành viên theo quy định tại Điều lệ trường THCS [H2-1.2-01].

Vào đầu mỗi năm học, hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng để giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua

trong CB, GV, NV, học sinh trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường có cơ cấu đảm bảo đúng quy định tại Điều lệ trường THCS: Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Tổng phụ trách Đội, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Bí thư Đoàn thanh niên, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Thư ký [H2-1.2-02].

Mỗi năm học, căn cứ tình hình thực tế, hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các hội đồng để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục toàn diện gồm: Hội đồng tư vấn, Hội đồng chăm sóc sức khỏe, Hội đồng thi GVDG, Hội đồng thi GVCNG [H2-1.2-03]; [H2-1.2-04]; [H2-1.2-05].

b) Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 20 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT, Điều 10 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và tổ chức các kỳ họp để quyết nghị các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường, quyết nghị kế hoạch giáo dục và các kế hoạch khác của nhà trường, quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường đồng thời quyết nghị kết quả hoạt động hằng năm của nhà trường. Hằng năm, hội đồng trường họp ít nhất 03 lần: Lần thứ nhất họp vào đầu năm học để quyết nghị các chỉ tiêu của năm học; Lần thứ hai họp vào đầu học kỳ II để quyết nghị kết quả học kỳ I và xây dựng phương hướng hoạt động cho học kỳ II; Lần thứ ba cuộc họp được tổ chức vào cuối năm học để quyết nghị kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học, đồng thời định hướng các hoạt động cho năm học sau [H2-1.2-01]; [H2-1.2-06]; [H1-1.1-05].

Hội đồng thi đua, khen thưởng của nhà trường đã căn cứ hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng hàng năm để xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Đầu năm học, căn cứ kết quả đăng ký thi đua, khen thưởng của các cá nhân từ các tổ, Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp để tổng hợp đăng ký thi đua đồng thời tạo điều kiện để các cá nhân hoàn thành chỉ tiêu đăng ký của mình. Cuối năm học, căn cứ kết quả bình xét từ các tổ, Hội đồng thi đua, khen thưởng họp để bình xét thi đua đồng thời đề nghị cấp trên công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân của nhà trường [H2-1.2-02].

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục hàng năm của nhà trường, hội đồng chăm SKKN, chăm thi GVDG, GVCNG cấp trường đều xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định. Tổ tư vấn tâm lý của nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động với các nội dung thiết thực nhằm hỗ trợ học sinh giải quyết các khó khăn trong đời sống tâm lý một cách hiệu quả. Đồng thời giúp phòng ngừa kịp thời những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và học tập của

học sinh. Công tác tư vấn trường học cũng đã góp phần thực hiện phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. [H2-1.2-03]; [H2-1.2-04]; [H2-1.2-05].

Trong năm học 2022-2023, nhà trường đã họp, ra quyết định kỉ luật mức “*khiểm trách*” đối với 01 viên chức vi phạm chính sách dân số (sinh con thứ 3) [H2-1.2-07].

c) Nhà trường thực hiện định kỳ rà soát, đánh giá các hoạt động của các hội đồng phù hợp với tình hình nhà trường đáp ứng nhiệm vụ giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Hoạt động của các hội đồng trong nhà trường thực sự có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường những năm qua. Trong báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động có hiệu quả của Hội đồng trường [H1-1.1-06].

Mức 2:

Hội đồng trường đã thực hiện các nghị quyết, các quy chế và có đánh giá nhận xét theo từng kỳ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H2-1.2-01].

Hội đồng thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng phát động phong trào thi đua trong từng năm học; lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng, từ đó động viên CBQL, GV, NV, học sinh hăng say làm việc, chất lượng đội ngũ, chất lượng các hội thi và kết quả học tập của học sinh được nâng lên rõ nét và được các cấp ghi nhận [H2-1.2-02].

Hội đồng chấm sáng kiến đã khích lệ được CBQL, giáo viên, nhân viên viết sáng kiến hàng năm, lựa chọn nhiều sáng kiến tiêu biểu gửi lên Hội đồng khoa học các cấp. Các sáng kiến được áp dụng rộng rãi trong nhà trường [H2-1.2-04].

Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi đã khích lệ phong trào thi đua dạy tốt của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, lựa chọn những giáo viên tiêu biểu dự thi các cấp. Kết quả trong các năm học nhà trường có nhiều giáo viên đạt GVDG, GVCNG cấp trường, cấp thị xã và GVDG cấp tỉnh [H2-1.2-05].

Hội đồng tư vấn tâm lí được thành lập nhằm tư vấn tâm lí cho học sinh, qua đó hỗ trợ cho học sinh giải quyết các khó khăn trong đời sống tâm lí một cách hiệu quả đồng thời cũng giúp phòng ngừa một cách hiệu quả và kịp thời đến chất lượng cuộc sống và học tập của học sinh [H2-1.2-03]. Tuy nhiên, hoạt động của hội đồng tư vấn tâm lý đôi lúc còn gặp khó khăn trong việc phối kết hợp với một số CMHS không đóng trên địa bàn của địa phương.

1.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hội đồng trường và các hội đồng khác, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định của ngành và các quy định của pháp luật.

Nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu chung về cơ cấu tổ chức bộ máy của các trường phổ thông có nhiều cấp học trong giai đoạn hiện nay. Người phụ trách đứng đầu các Hội đồng đều là những cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, uy tín với tập thể, tận tụy trong công việc.

Hội đồng trường đảm bảo cơ cấu, số lượng theo quy định. Đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; quyết nghị các kế hoạch, quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, quyết nghị chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập từ đầu các năm học đảm bảo cơ cấu, thành phần theo quy định, đồng thời quy định rõ, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng, các thành viên Hội đồng. Các Hội đồng đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo đúng quy định, dân chủ và hiệu quả.

Nhà trường đã đạt nhiều thành tích như: 02 đồng chí đạt GVĐG cấp tỉnh, 01 đồng chí giáo viên được UBND tỉnh tặng Bằng khen, nhiều đồng chí đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở và được Sở GD&ĐT, UBND thị xã tặng Giấy khen.

1.2.3. Điểm yếu

Các thành viên do kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên chưa thật sâu sát với trách nhiệm. Chất lượng hoạt động của một vài thành viên còn hạn chế một số mặt.

Việc xây dựng, bồi dưỡng nhân rộng điển hình tiên tiến, đề nghị tuyên dương khen thưởng ở cấp cao (Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ...) của Hội đồng thi đua và khen thưởng và các Hội đồng tư vấn đối với cá nhân chưa được kịp thời.

Tổ tư vấn tâm lý làm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu có liên quan, tìm hiểu những diễn biến về tâm sinh lý học sinh để phục vụ cho công việc. Nhiều khi việc tư vấn còn chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, còn hiện tượng học sinh chậm tiến bộ, mãi chơi, lười học.

1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường sẽ quan tâm làm tốt công tác bồi	CBQL, Tổ chuyên	Tạo điều kiện cho CB, GV,	Thực hiện trong các năm	

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
duỡng nâng cao trình độ, năng lực cho các thành viên Hội đồng trường và các hội đồng khác (Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn)	môn	NV học hỏi kinh nghiệm ở các trường bạn, được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác.	học	
Tiếp tục bổ sung xây dựng quy chế thi đua khen thưởng, quan tâm đến các chế độ, cũng như các khen thưởng xứng đáng cho những tấm gương thầy, cô có thành tích xuất sắc trong trong năm học từ các nguồn xã hội hóa và ngân sách, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến	CBQL, BCH Công đoàn	Điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý, tiết kiệm chi tiêu, tạo nguồn kinh phí cho việc động viên khen thưởng CB, GV, NV	Năm 2024	Từ 3 đến 8 triệu đồng/năm
Tiếp tục bồi dưỡng, chỉ đạo sát sao các Hội đồng về xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ trong năm học.	CBQL	Các thành viên trong các Hội đồng nêu cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng kế hoạch hoạt động tư vấn phù hợp với đơn vị	Trong các năm học	
Chủ tịch Hội đồng trường cần xây dựng kế hoạch giám sát kịp thời, giúp các thành viên hoàn thành nhiệm vụ.	Chủ tịch hội đồng trường	Chủ tịch hội đồng trường bám sát tình hình thực tế của nhà	Trong các năm học	

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
		trường.		

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

1.3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường gồm: Công đoàn, Đoàn TNCS, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Chi hội Chữ thập đỏ.

Công đoàn cơ sở trường THCS Yên Đức thuộc Liên đoàn lao động thị xã Đông Triều. Sau Đại hội, công đoàn nhà trường có tờ trình đề nghị Liên đoàn lao động thị xã ra quyết định chuẩn y BCH công đoàn cơ sở. BCH công đoàn gồm 03 đồng chí trong đó cử ra 01 đồng chí thực hiện công tác kiểm tra công đoàn, 01 đồng chí phụ trách ban nữ công [H3-1.3-01].

Trong mỗi năm học, Đội TNTP Hồ Chí Minh đều tổ chức Đại hội theo quy định. Tại Đại hội đã bầu ra Ban Chỉ huy Liên đội [H3-1.3-02].

Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của nhà trường gồm 03 đoàn viên thuộc Liên chi đoàn TH&THCS được chuẩn y theo quyết định của BCH Đoàn xã Yên Đức [H3-1.3-03].

Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường thuộc Hội Chữ thập đỏ xã Yên Đức. Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Chi hội chữ thập đỏ của nhà trường và đề

ng nghị Hội Chữ thập đỏ xã ra Quyết định công nhận chức danh Chi hội trưởng Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường [H3-1.3- 04];

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 15 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Yên Đức. Định kỳ, Chi bộ tiến hành Đại hội theo đúng điều lệ Đảng và theo hướng dẫn của Đảng bộ xã Yên Đức. Ban Chi ủy gồm 03 đồng chí theo quyết định chuẩn y Ban Chi ủy của Đảng ủy xã, trong đó Bí thư chi bộ là Hiệu trưởng, Phó Bí thư chi bộ là Phó Hiệu trưởng. Chi bộ nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, lãnh đạo toàn diện các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-1.3-05].

b) Công đoàn cơ sở [H3-1.3- 01], Chi hội Chữ thập đỏ [H3-1.3- 04], Chi đoàn [H3-1.3- 03], Đội TNTP Hồ Chí Minh của nhà trường [H3-1.3- 02] hoạt động theo đúng Điều lệ của tổ chức và các văn bản pháp luật hiện hành. Mỗi năm học, các tổ chức, đoàn thể của nhà trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của tổ chức và phù hợp với tình hình nhà trường.

c) Trong quá trình hoạt động tổ chức Công đoàn [H3-1.3- 01], Chi hội Chữ thập đỏ [H3-1.3- 04], Đoàn TNCS [H3-1.3- 03], Đội TNTP Hồ Chí Minh [H3-1.3- 02] luôn thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động qua từng học kỳ, từng năm học nhằm rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ phù hợp với từng thời điểm. Nhà trường thực hiện đánh giá các tổ chức thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có Chi bộ sinh hoạt độc lập, trực thuộc Đảng ủy xã Yên Đức. Ban Chi ủy có 03 đồng chí, có quyết định chuẩn y của Đảng ủy xã Yên Đức. Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng, lãnh chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị [H3-1.3- 05];

Hàng tháng, Chi bộ đều tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra kế hoạch tháng tiếp theo. Kết quả hoạt động của Chi bộ hằng năm đều được đánh giá cụ thể trong báo cáo của Chi bộ. Hàng năm, Chi bộ nhà trường được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên: năm 2020 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm 2019, 2021, 2022 hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2023 hoàn thành nhiệm vụ do có đảng viên vi phạm chính sách dân số (sinh con thứ 3) [H3-1.3- 05];

b) Các đoàn thể, tổ chức đều có những đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Công đoàn thực hiện đúng chức năng, thật sự làm nòng cốt trong phong trào thi đua "Hai tốt" trong nhà trường. Công đoàn được đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo năm học. [H3-1.3- 01]. Các đoàn viên của Chi đoàn nhà trường tham gia tốt các phong trào thi đua dạy tốt, là hạt nhân tiên phong trong các hoạt động giáo dục [H3-1.3- 02]. Đội TNTP Hồ Chí Minh làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức học sinh, từ đó nâng cao chất lượng giáo

dục toàn diện [H3-1.3- 03]. Chi hội Chữ thập đỏ làm tốt công tác từ thiện, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa... [H3-1.3-04].

Mức 3:

a) Trong các năm, Chi bộ nhà trường được Đảng bộ xã Yên Đức đánh giá, xếp loại Chi bộ hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2023 chi bộ được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H3-1.3- 05];

b) Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường. Công đoàn cơ sở trường THCS Yên Đức gồm 18 công đoàn viên chia làm 03 tổ. BCH Công đoàn gồm 03 đồng chí trong đó cử ra 01 đồng chí thực hiện công tác kiểm tra công đoàn, 01 đồng chí phụ trách ban nữ công. Năm học 2021-2022, Công đoàn trường đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của cán bộ, viên chức, người lao động và hoạt động Công đoàn được Ban chấp hành Liên đoàn lao động thị xã Đông Triều tặng Giấy khen [H3-1.3- 01]; Đội TNTP Hồ Chí Minh luôn đạt danh hiệu xuất sắc, được Hội đồng Đội thị xã Đông Triều tặng Giấy khen [H3-1.3- 02]. Chi đoàn TNCS hoạt động tích cực, đạt nhiều thành tích xuất sắc trong nhiệm kỳ 2017-2022 được thị Đoàn tặng Giấy khen [H3-1.3- 03]. Chi hội chữ thập đỏ nhà trường hàng năm hoạt động hiệu quả, đã tổ chức tốt công tác vận động, quyên góp và hỗ trợ tặng quà các em học sinh hộ cận nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác đền ơn đáp nghĩa [H3-1.3- 04].

1.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể theo quy định.

Chi bộ thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện nhà trường. Các tổ chức đoàn thể thực hiện các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi và hiệu quả, tạo được môi trường sư phạm thân thiện và an toàn theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò phối hợp, tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Liên đội nhà trường tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, thúc đẩy công tác giáo dục đạo đức, pháp luật, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Vận động học sinh đăng ký học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Nhờ đó, liên đội không có đội viên vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội.

1.3.3. Điểm yếu

Lực lượng đoàn viên trong chi đoàn nhà trường ít (03 đồng chí), cuối năm có kết nạp Đội viên ưu tú vào Đoàn TNCS nhưng chỉ thời gian ngắn lượng đoàn viên học sinh này chuyển cấp do đó hiệu quả trong một số hoạt động chưa thực sự đa dạng và chuyên sâu.

Năm học 2022-2023 có 01 Đảng viên – Đoàn viên Công đoàn vi phạm chính sách dân số bị kỷ luật ở mức khiển trách.

Các hình thức khen thưởng đối với Công đoàn và Đoàn TNCS chưa nhiều do hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên đầy đủ nhưng hiệu quả chưa đều ở các năm.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học, Chi bộ, Công đoàn, chi Hội Chữ Thập Đỏ, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động; phát huy những mặt mạnh và xây dựng kế hoạch hoạt động sát thực tế và có tính khả thi cao; thực hiện tốt công tác đánh giá, rút kinh nghiệm sau từng hoạt động.

Đổi mới hình thức tổ chức và nội dung các hoạt động Đoàn, Công đoàn để cuốn hút đoàn viên công đoàn tham gia nhiệt tình hơn, cuối mỗi kỳ có đánh giá, rút kinh nghiệm cụ thể để nâng cao chất lượng các hoạt động.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Ban hành các nghị quyết, kế hoạch, chương trình, kiểm tra, giám sát các tổ chức, đoàn thể.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Chủ tịch Công đoàn	Soạn thảo, lấy ý kiến của CB, GV, NV	Trong các năm học	Không
Ban hành quy chế phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể Ký cam kết thực hiện chính sách dân số	Trưởng các đoàn thể	Soạn thảo quy chế, lấy ý kiến	Đầu năm học	Không
Cải tiến nội dung hoạt động, xây dựng cụ thể các chương trình hoạt động. Hướng dẫn, tổ chức cho các học sinh lớp 9 đã trưởng thành Đội tham gia các hoạt động, thực hiện phong trào thi đua, tạo nguồn đoàn viên tương lai.	Bí thư chi bộ, BCH Đoàn	Sự chỉ đạo của Chi bộ	Theo Kế hoạch	Theo dự trù
Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, phát hiện nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình	BCH Công đoàn cơ	Phù hợp với Kế hoạch công tác của	20/10; 8/3; 20/11...	Quỹ công đoàn

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
hoạt động hiệu quả.	sở	nhà trường và nguồn kinh phí cho phép.	Đại hội; tổng kết các đợt thi đua	

1.3.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

1.4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định.
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THCS Yên Đức là trường công lập, hạng III. Nhà trường có đủ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Điều 18 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Điều 11 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT gồm 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng do Chủ tịch UBND thị xã Đông Triều ra quyết định bổ nhiệm. Các đồng chí CBQL đều đạt trình độ chuẩn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, được tập thể nhà trường tín nhiệm [\[H4-1.4-01\]](#).

b) Trường có 02 tổ chuyên môn (Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội) và 01 tổ Văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó chịu sự quản lý, chỉ đạo của Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [\[H4-1.4-02\]](#).

c) Hai tổ chuyên môn có nhiệm vụ: chủ động xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; phối hợp với các tổ chuyên môn khác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; đề xuất lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường (hai tổ chuyên môn đã tiến hành lựa chọn sách giáo khoa từ lớp 6 đến lớp 9 theo chương trình GDPT 2018; nhà trường tiến hành công khai kết quả lựa chọn sách giáo khoa đến toàn thể CB, GV, NV, CMHS và học sinh...); thực hiện kế hoạch giáo dục cho tổ chuyên môn theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được hội đồng trường phê duyệt; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ chuyên môn và của nhà trường; thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công [H4-1.4-02].

Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ văn phòng có nhiệm vụ xây dựng, giải trình và quyết định kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thống kê và bảo vệ trong nhà trường theo quy định; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ văn phòng và của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường và thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công. Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế, hiệu trưởng ban hành quyết định biên chế giáo viên, nhân viên sinh hoạt tại mỗi đảm bảo cơ cấu theo quy định tại Điều lệ trường trung học và phù hợp với chuyên môn được đào tạo [H4-1.4-03].

Trong năm học, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần. Dựa trên kế hoạch xây dựng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16, Điều 17 tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cuối năm có kiểm kê lại tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường hàng năm [H4-1.4-02]; [H4-1.4-03].

Mức 2:

a) Hàng năm, các tổ chuyên môn đều thực hiện được từ 01 đến 02 chuyên đề cấp tổ có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Ngoài ra các tổ chuyên môn còn tích cực tham gia các nội dung trong chuyên đề cấp trường, tham gia có hiệu quả các chuyên đề cấp cụm trường và cấp thị xã. Thông qua

sinh hoạt chuyên đề giúp cho giáo viên được trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H4-1.4-02].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được đánh giá cụ thể trong báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của nhà trường [H1-1.1-06].

Mức 3:

a) Trong năm học, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ năm học của nhà trường và các văn bản chỉ đạo của ngành. Kế hoạch năm học và kế hoạch hàng tháng của các tổ đều được nhà trường góp ý, phê duyệt. Trong báo cáo tổng kết của nhà trường luôn đánh giá cao kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của các tổ chuyên môn [H4-1.4-02]; [H1-1.1-06].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn vào các tuần hai và tuần bốn hàng tháng. Tại mỗi buổi sinh hoạt, các đồng chí tổ trưởng đã đổi mới nội dung, hình thức theo nghiên cứu bài học. Nội dung các cuộc họp chuyên môn tập trung vào việc rà soát thực hiện tiến độ giảng dạy theo phân phối chương trình, kế hoạch dạy học để đưa ra phương án điều chỉnh kịp thời; thống nhất nội dung, phương pháp dạy các bài khó, rút kinh nghiệm đối với các tiết dự giờ, triển khai kế hoạch hoạt động tiếp theo của tổ. Kết thúc mỗi buổi họp đều kết luận, thống nhất các nội dung để ghi nghị quyết tổ. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có các sáng kiến, các hoạt động đổi mới chất lượng sinh hoạt tổ [H4-1.4-02]; [H4-1.4-03].

b) Các tổ chuyên môn khi thực hiện chuyên đề đều chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thảo luận báo cáo, đánh giá rút kinh nghiệm sau khi thực hiện mỗi chuyên đề. Kết quả thực hiện chuyên đề qua các năm thay đổi rõ rệt, đội ngũ giáo viên trẻ mạnh dạn tự tin, tham gia giảng dạy, đội ngũ giáo viên cốt cán, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn tham gia góp ý, chỉ bảo tận tình cho giáo viên trẻ. Phương pháp nội dung dạy học được thống nhất, phát huy sự sáng tạo của mỗi giáo viên trong giảng dạy, học sinh tham gia học tập tích cực, sôi nổi, tiếp thu bài tốt góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H4-1.4-02].

1.4.2. Điểm mạnh

CBQL đảm bảo được các tiêu chuẩn về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ. Các thành viên trong tổ văn phòng nắm chắc chuyên môn, nghiệp vụ được phân công; thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ

được giao và luôn có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Các tổ chuyên môn thường xuyên chú trọng vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của học sinh, các hoạt động ngoại khoá, đặc biệt chú trọng giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu, các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường.

1.4.3. Điểm yếu

Việc cải tiến hình thức sinh hoạt chuyên môn đôi khi còn chưa linh hoạt. Việc sinh hoạt chuyên môn theo hình thức nghiên cứu bài học chưa sâu.

1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh, ưu điểm, nền nếp sinh hoạt tổ chuyên môn hiện có, tăng cường chỉ đạo các tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, tích cực đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho Tổ trưởng, tổ phó, tổ viên bằng các hình thức: dự buổi sinh hoạt tổ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn qua “nghiên cứu bài học”, tăng cường sinh hoạt chuyên môn liên trường,..	Tổ trưởng chuyên môn, tổ phó, các tổ viên.	- Lập kế hoạch hoạt động của tổ triển khai hoạt động cụ thể, có giải pháp, thời gian thực hiện, đánh giá sau mỗi hoạt động.	Trong các năm học	Không
Căn cứ vào thực tế các tổ chuyên môn tìm biện pháp đổi mới, cải tiến sinh hoạt chuyên môn, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tăng cường khai thác hiệu quả việc ứng dụng CNTT và sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học .	Mỗi nhóm chuyên môn đăng ký ít nhất 01 chuyên đề/ học kỳ/năm học về đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT trong dạy học.	Chuyên môn xây dựng kế hoạch	Trong các năm học	Nguồn chi thường xuyên

1.4.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

1.5. Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học.
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định.
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp THCS và THPT có không quá 40 (bốn mươi) học sinh. Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong các năm học, nhà trường luôn có đủ 04 khối lớp gồm khối 6, khối 7, khối 8 và khối 9. Tổng số lớp có từ 8 đến 9 lớp với học sinh dao động từ 236 đến 330 em. [H5-1.5-01];[H5-1.5-03]. Quy mô, cơ cấu tổ chức lớp học được thể hiện đầy đủ trong báo cáo sơ kết, tổng kết. [H1-1.1-06].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học, lớp học được đặt tên gồm số và chữ cái theo A, B. Biên chế số học sinh/lớp đảm bảo số lượng theo quy định không quá 45 học sinh/lớp. Cơ cấu, tổ chức hoạt động của tổ chức lớp trong mỗi lớp có 01 lớp trưởng và 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học (gồm 01 lớp phó phụ trách học tập, 01 lớp phó phụ trách văn thể). Mỗi lớp được chia thành 3 đến 4 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, do học sinh trong tổ bầu ra, số học sinh trong mỗi tổ không quá 12 học sinh. Tinh thần tự quản của học sinh là tiêu chí được đặt lên hàng đầu. Học sinh thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ và quyền của học sinh quy định theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi lớp có 01 giáo viên làm công tác chủ nhiệm cũng là phụ trách Chi đội [H5-1.5-02]; [H5-1.5-04].

c) Trong năm, GVCN lớp luôn bám sát kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của lớp phù hợp với đặc điểm của lớp mình. Bên cạnh đó, GVCN luôn chú trọng việc xây dựng và duy trì khả năng tự quản của học sinh. Học sinh trong lớp có quyền dân chủ bình bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó được thể hiện cụ thể ở biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng của các lớp. Dựa trên kết quả bầu chọn cán bộ lớp, GVCN phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ lớp xây dựng lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Trong quá trình sinh hoạt, học tập, học sinh có quyền nêu lên ý kiến nguyện vọng của mình, các đề xuất với lớp. GVCN thường xuyên theo

đôi giúp đỡ và tạo điều kiện để từng học sinh phát huy được năng lực sở trường của cá nhân [H5-1.5-02]; [H5-1.5-04].

Mức 2:

Nhà trường có từ 8 đến 9 lớp của cấp học gồm các khối lớp 6,7,8,9; trường có sĩ số học sinh được phân theo lớp đảm bảo quy định, sĩ số học sinh ở mỗi lớp dao động từ 24 đến 43 em[H5-1.5-01];[H5-1.5-03].

Số học sinh trong một lớp không quá 45 em, bình quân học sinh/lớp mỗi năm khoảng 35 em [H5-1.5-03].

Mức 3:

Nhà trường trong các năm có từ 8 đến 9 lớp học đảm bảo theo quy định, sĩ số học sinh đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Trung học không quá 40 học sinh/lớp [H5-1.5-01];[H5-1.5-03].

1.5.2. Điểm mạnh

Lớp học được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Các lớp học của nhà trường được duy trì sĩ số học sinh, không có học sinh bỏ học, học sinh là những em chăm ngoan, học giỏi, ý thức tự quản tốt. Đội ngũ cán bộ lớp nhiệt tình, có uy tín và năng lực tổ chức các hoạt động và phong trào, giúp GVCN ổn định và duy trì nền nếp tốt, tích cực tham gia các phong trào của nhà trường góp phần nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong nhà trường.

GVCN ở các lớp cũng là giáo viên giảng dạy chuyên môn tại lớp đó nên có thể theo dõi sát sao học sinh và cập nhật tình hình học tập của các em thông qua đội ngũ cán bộ lớp. Các hoạt động như học tập, lao động, văn nghệ, TDTT, công tác đội đều có các cán sự lớp và chi đội đảm nhiệm, đôn đốc các bạn thực hiện. Từ đó, giúp cho hoạt động học tập và các phong trào hoạt động đội đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

1.5.3. Điểm yếu

Một số lớp, công tác tự quản còn hạn chế.

Giáo viên chủ nhiệm các lớp chưa có biện pháp khắc phục tình trạng: học sinh còn thiếu tự tin, nhút nhát trong sinh hoạt tập thể lớp, chưa thể hiện ý kiến của bản thân trong thảo luận, bình bầu và các hoạt động của lớp.

1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ lớp, cải tiến công tác quản lý	Giáo viên chủ nhiệm,	Sau khi bầu ban cán sự	Trong năm học.	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
học sinh một cách khoa học hiệu quả hơn nữa thông qua việc phối hợp hoạt động ngoại khóa của lớp với hoạt động của tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.	cán bộ lớp, Tổng phụ trách Đội.	lớp đầu năm học.		
Tăng cường hơn nữa việc phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp trao đổi về việc học tập và rèn luyện của các học sinh để tìm hiểu rõ nguyên nhân và đưa ra biện pháp cụ thể để giáo dục các em học sinh học tập tiến bộ.	Nhà trường, Giáo viên chủ nhiệm, Phụ huynh học sinh	Phân công xong lớp chủ nhiệm	Trong năm học.	Không
Xây dựng cụ thể kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với thực tế của địa phương	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Kết quả điều tra PCGD	Trong năm học.	Không
Bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên chủ nhiệm, năng lực giáo viên bộ môn nhằm phát huy năng lực cho học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.	Tổ chuyên môn, giáo viên	Phù hợp với Kế hoạch công tác của nhà trường.	Trong các năm học	Không
Tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm tạo sự hứng thú cho học sinh tham gia, tạo cơ hội cho học sinh không tự tin được hoà đồng, thể hiện bản thân.	Ban giám hiệu Đoàn thanh niên, tổng phụ trách Đội, giáo viên.	Phù hợp với Kế hoạch công tác của nhà trường.	1 hoạt động /Học kì	Không

1.5.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

1.6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy

chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động quản lý tài chính, tài sản hàng năm và được lưu trữ theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Các loại hồ sơ liên quan đến tài sản, tài chính được sắp xếp ngăn nắp tại phòng kế toán; được lưu trữ trên các phần mềm quản lý tài chính, tài sản. Hiệu trưởng nhà trường thường xuyên theo dõi, chỉ đạo sát sao và quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; có sổ quản lý tài sản, tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong năm học, có tổng hợp và báo cáo kinh phí ngân sách nhà nước. Cuối năm có tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính theo quy định [H6-1.6-01], [H6-1.6-02].

Nhà trường tích cực ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hiện nhà trường đang sử dụng phần mềm quản lý tài chính và phần mềm quản lý tài sản [H6-1.6-01], [H6-1.6-02].

Sổ quản lý công văn đi, công văn đến được lưu trữ đầy đủ tại phòng hành chính. Nhân viên hành chính có trách nhiệm tập hợp, rà soát, kiểm kê sau mỗi năm và sắp xếp một cách khoa học, thuận lợi cho việc quản lý, theo dõi [H6-1.6-03].

b) Trong năm học, nhà trường thực hiện lập dự toán, quyết toán thu chi, thống kê báo cáo và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về tài chính và tài sản theo quy định [H6-1.6-01].

Nhà trường định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính để kịp thời rút kinh nghiệm, thực hiện công khai tài chính theo quy định. Các nội dung về quản lý tài chính, hành chính được thực hiện triển khai cụ thể và đánh giá chi tiết tại Hội đồng trường [H1-1.1-05] và các hội nghị toàn thể CB, GV, NV [H1-1.1-04] và được đánh giá cụ thể trong báo cáo tổng kết của nhà trường [H1-1.1-06].

Trong năm, nhà trường điều hoàn thiện các báo cáo đề nghị phòng Tài chính thị xã Đông Triều thẩm tra và phê duyệt[H6-1.6-01].

Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến của toàn thể CB, GV, NV từ hội nghị cấp tổ đến hội nghị cán bộ, viên chức, lao động nhà trường, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành [H6-1.6-01].

c) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền để mỗi CB, GV, NV nêu cao ý thức, trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trong dự toán, kế hoạch chi tiêu hàng năm của nhà trường luôn tính đến sự tiết kiệm, ưu tiên cho hoạt động dạy và học như: mua trang thiết bị và đồ dùng dạy học, nâng cấp, sửa chữa thiết bị hiện có tạo điều kiện cho giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy. Việc thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được nhà trường thực hiện theo đúng qui chế, quy định của nhà nước, chi theo kế hoạch, quyết định, giấy đề nghị đã duyệt, có hóa đơn rõ ràng. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành kiểm kê tài sản, CSVC và được ghi biên bản đầy đủ. [H6-1.6-01]; [H6-1.6-02];

Mức 2:

a) Nhà trường đã ứng dụng các phần mềm vào quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Việc cập nhật công văn đến, công văn đi, sổ quản lý tài sản nhà trường, sổ quản lý thiết bị dạy học của nhà trường được thực hiện và bảo quản đầy đủ, đúng danh mục theo các phần mềm quản lý được trang bị [H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H6-1.6-03].

b) Trong 5 năm liên tiếp, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Điều này được thể hiện đầy đủ trong các báo cáo tổng kết của nhà trường và qua kết luận kiểm tra của các cấp có thẩm quyền trong đó có nội dung đánh giá về kết quả thực hiện công tác quản lý tài chính và tài sản [H1-1.1-06]; [H1-1.2-06].

Nhà trường đã thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định của ngành, cập nhật đầy đủ trong sổ theo dõi công văn đi của nhà trường các báo cáo định kỳ, đột xuất về các hoạt động giáo dục với các cơ quan chức năng đã phản ánh đầy đủ, chính xác các nội dung, yêu cầu của báo cáo [H6-1.6-01].

Mức 3:

Nhà trường căn cứ tình hình thực tế xây dựng kế hoạch giai đoạn 2019-2024 tạo nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, địa phương, từ xã hội, CMHS, cá nhân, doanh nghiệp..., nguồn nhân lực, vật chất và tinh thần để đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị và các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H6-1.6-01].

1.6.2. Điểm mạnh

Nhà trường thu thập đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Công tác quản lý tài sản, tài chính được số hóa.

Nhân viên kế toán ứng dụng các phần mềm tài chính tốt.

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm trong chi tiêu.

Nhà trường đã chủ động trong việc huy động nguồn nhân lực, vật chất, tinh thần góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.6.3. Điểm yếu

Một số hồ sơ sổ sách của nhà trường lưu trữ chưa khoa học.

Nhân viên kế toán nhà trường thực hiện kiêm nhiệm nên có lúc, có việc cập nhật chưa kịp thời.

Công tác xã hội hóa phục vụ các hoạt động dạy học và bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường còn hạn chế.

Chưa huy động được nhiều nguồn tài chính hợp pháp để bổ sung CSVC cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Quan tâm đến công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên kế toán, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia tập huấn và sử dụng phần mềm trong công tác quản lý hồ sơ và tài chính, tài sản. Yêu cầu nhân viên văn thư sắp xếp công văn đến một cách khoa học, thực hiện phân loại công văn đến, lưu theo mảng công tác quản lý để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý.

Đưa nội dung công tác tự kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản vào kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường để kịp thời phát hiện và điều chỉnh những biểu hiện vi phạm để ngăn chặn kịp thời.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư phát triển nhà trường	CBQL, giáo viên, nhân viên	Đề nghị PGD, UBND thị xã và các nhà tài trợ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, CMHS	Thường xuyên	Chưa xác định
Nhà trường thực hiện rà soát, theo dõi quản lý tài sản và tổng hợp khấu hao. Trên cơ sở đó, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác	CBQL, kế toán	Rà soát thường xuyên	Năm học 2023-2024	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
tham mưu đề đầu tư nâng cấp sửa chữa CSVN của nhà trường				
Tăng cường ứng dụng CNTT, giảm thiểu các thủ tục hành chính để lưu trữ thông tin về hồ sơ sổ sách, và quản lý tài sản, tài chính.	CBQL, tổ văn phòng	Đăng kí dự các lớp tập huấn	Năm học 2023-2024	10 triệu đồng/năm
Tham mưu với địa phương, với UBND thị xã, Phòng GD&ĐT thị xã để có thể huy động được các nguồn lực khác của xã hội phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường	CBQL	Được cấp có thẩm quyền chấp thuận	Trong các năm học	Không
Tham mưu với lãnh đạo cấp trên để bố trí kế toán thực hiện nhiệm vụ một trường và kiêm nhiệm công tác văn thư để thuận lợi hơn trong công việc tại đơn vị.	Hiệu trưởng	Phòng GD&ĐT tham mưu cấp thị xã	Năm học 2023-2024	Không

1.6.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

1.7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) CBQL, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1.7.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, dựa vào tình hình thực tế và nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV sát với thực trạng của đơn vị sau đó đề xuất với PGD, sau khi nhận được chỉ đạo của PGD nhà trường triển khai tới cán bộ giáo viên. Mỗi cán bộ giáo viên tiến hành rà soát, điều chỉnh và thực hiện. Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cụ thể hằng năm và giai đoạn 2020-2025 theo kế hoạch số 90A/KH-THCSYĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CB, GV, NV tham gia tập huấn đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do ngành triển khai và tổ chức [H7-1.7-01];

Việc thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo được triển khai cụ thể trong các kỳ họp của Hội đồng trường và Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05], tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động của nhà trường, đồng thời được đánh giá trong báo cáo tổng kết của nhà trường, của công đoàn hàng năm [H1-1.1-06]; [H3-1.3-01].

b) Đầu mỗi năm học, căn cứ nhiệm vụ năm học và thực trạng về đội ngũ, nhà trường tiến hành phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV rõ ràng, hợp lý theo đúng trình độ chuyên môn đào tạo, đúng năng lực, sở trường, đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường. [H7-1.7-03]. Trong mỗi năm học nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá, nhận xét, tư vấn, thúc đẩy để mỗi CB, GV, NV phát huy năng lực, tự học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội [H1-1.7-02].

c) CB, GV, NV của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định, được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính Phủ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường [H6-1.6-01]. Báo cáo tổng kết Công đoàn có đánh giá đảm bảo các quyền cho giáo viên theo quy định Điều lệ trường trung học [H3-1.3-01].

Mức 2:

Trong các năm học nhà trường luôn quan tâm, áp dụng nhiều biện pháp để phát hiện và bồi dưỡng CB, GV, NV có năng lực. Tạo điều kiện cho các đồng chí này tham gia các lớp tự bồi dưỡng. Nhà trường có 100% CB, GV, NV tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo quy định và hoàn thành chương trình theo các modul trên hệ thống thông tin quản lý bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục phổ thông <https://taphuanquangninh.lms.vn.edu.vn>. Nhà trường luôn có biện pháp phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và

nâng cao chất lượng giáo dục: cử CBQL và giáo viên tham gia các lớp tập huấn sách giáo khoa, tập huấn đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh đáp ứng việc thực hiện chương trình GDPT 2018; tổ chức công tác nghiên cứu khoa học và tham gia cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học; đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn dựa trên cơ sở nghiên cứu bài học, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn tại các trường và cụm trường. Trong năm 2023 nhà trường tạo điều kiện cho 09 đồng chí cán bộ, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp đối với các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý [H7-1.7-01]. Chất lượng đội ngũ đạt được trong báo cáo tổng kết của nhà trường [H1-1.1-06], của công đoàn hằng năm có nội dung đánh giá biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV [H3-1.3-01].

1.7.2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV.

Nhà trường phân công, sử dụng đội ngũ rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực, sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

CBQL, GV, NV được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 29 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT.

1.7.3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa chủ động, đầu tư cho công tác nâng chuẩn và công tác tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt trong việc bồi dưỡng năng lực sử dụng ngoại ngữ.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, từ nhu cầu bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên, từ tình hình thực tế, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên đề xuất với cấp trên và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời phân công nhiệm vụ công bằng, phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi cá nhân đồng thời tạo điều kiện để các đồng chí giáo viên nâng chuẩn.

Nhà trường tuyên truyền, vận động, hỗ trợ giáo viên trong công tác tự bồi dưỡng, động viên, khuyến khích, tạo mọi điều kiện để giáo viên nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh). Đối với đội ngũ giáo viên trẻ, cần khuyến khích tinh thần tự học, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng bổ sung cho đội ngũ giáo viên trẻ.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tích cực tham mưu với các cấp có thẩm quyền sắp xếp đảm bảo đủ cơ cấu giáo viên tạo điều kiện thuận lợi trong công tác phân công nhiệm vụ.	Hiệu trưởng	Gắn với tình hình thực tế và chất lượng giáo dục nhà trường	Trong năm học	Không
Duy trì điểm mạnh trong công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV, NV, phân công nhân sự hợp lý, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho đội ngũ. Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc học tập, bồi dưỡng; động viên khuyến khích giáo viên lớn tuổi tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo hình thức bồi dưỡng ở tổ chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên cá nhân đảm bảo về thời gian, nội dung bồi dưỡng hợp lý.	CBQL, Tổ chuyên môn, Giáo viên	- Nhà trường tạo điều kiện thời gian, kinh phí cho các hoạt động tập huấn - Giáo viên có trách nhiệm trong công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Bồi dưỡng theo lịch của Sở giáo dục, PGD, nhà trường	Ngân sách nhà nước

1.7.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

1.8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1.8.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đã xây dựng đầy đủ Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định, luôn coi trọng công tác chỉ đạo việc xây dựng Kế hoạch giáo dục và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Từ năm học 2021-2022 nhà trường bám sát các văn bản chỉ đạo việc thực hiện chương trình GDPT 2018 như: Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018; Hướng dẫn số 4612/HD-BGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017 – 2018... Việc xây dựng các kế hoạch giáo dục và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường đều căn cứ cụ thể các văn bản hướng dẫn của các cấp, tình hình thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Khi có dịch Covid-19 xảy ra căn cứ vào tình hình thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp [H8-1.8-01]; [H8-1.8-03]. Hàng năm, Hội đồng trường đều ban hành nghị quyết về các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ năm học để Hiệu trưởng nhà trường làm căn cứ triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên nhà trường [H1-1.5.-05]. Mọi thành viên trong nhà trường đều được tham gia góp ý xây dựng kế hoạch một cách dân chủ và thực hiện nghiêm túc [H1-1.1-04].

b, Hàng năm nhà trường thực hiện tốt Kế hoạch giáo dục đã được Hội đồng trường phê duyệt. Cụ thể:

Năm học 2019-2020, năm học 2020-2021 nhà trường xây dựng, thực hiện Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2006 đối với khối lớp 6, 7, 8, 9.

Năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng, thực hiện Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2006 đối với khối lớp 7, 8, 9 và xây dựng Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 6.

Năm học 2022-2023 nhà trường xây dựng, thực hiện Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2006 đối với khối lớp 8, 9 và xây dựng Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 6,7.

Năm học 2023-2024 nhà trường xây dựng, thực hiện Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2006 đối với khối lớp 9 và xây dựng Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 6,7,8.

Để triển khai các hoạt động giáo dục khoa học, hiệu quả, nhà trường đã triển khai, phổ biến các kế hoạch đến từng CB, GV, NV trong nhà trường, giao nhiệm vụ cho từng cá nhân, tổ chức trong nhà trường thông qua các kỳ họp toàn thể [H1-1.1-04].

Nhà trường hướng dẫn tổ chuyên môn, cá nhân xây dựng kế hoạch và duyệt kế hoạch các tổ chuyên môn, sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch giảng dạy. Thực hiện giảng dạy các bộ môn văn hóa và các hoạt động giáo dục

đầy đủ theo phân phối chương trình của năm học thể hiện trong thời khóa biểu [H8-1.8-04], sổ đầu bài của các lớp [H8-1.8-05].

c, Kết quả thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá cụ thể sau mỗi kỳ học để điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được thể hiện cụ thể tại báo cáo tổng kết và được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.1-06]; [H7-1.7-02].

Mức 2:

Mỗi năm, nhà trường đều tổ chức, thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục. Để thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường khoa học, hiệu quả, nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục [H7-1.7-02], tại báo cáo tổng kết [H1-1.1-06].

Từ năm học 2021-2022 căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh "Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"; Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh "Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"; Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT về việc công bố hết hiệu lực các điều 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17; Công văn 1296/SGD&ĐT ngày 13/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Các hướng dẫn chỉ đạo thực hiện khung thời gian năm học và nhiệm vụ năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch dạy thêm, học thêm số 143/KH-THCSYĐ ngày 15/9/2021 cho năm học 2021-2022; Kế hoạch số 303/KH-THCSYĐ ngày 29/9/2022 cho năm học 2022-2023; Kế hoạch số 291/KH-THCSYĐ ngày 25/9/2023 cho năm học 2023-2024 [H8-1.8-06]. Thông qua các văn bản chỉ đạo của cấp trên về dạy thêm, học thêm nhà trường đã điều chỉnh cách thức ôn tập sao cho hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Tổ chức cho CB, GV, NV, học sinh, CMHS kí cam kết thực hiện nghiêm túc do đó hàng năm không có hiện tượng CB, GV, NV tổ chức dạy thêm, học thêm sai quy định.

1.8.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và quản lý tốt các hoạt động giáo dục. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Nhà trường đã có các biện pháp quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý CB, GV, NV, học sinh.

1.8.3. Điểm yếu

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn với việc định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS còn ít dẫn đến tỉ lệ học sinh vào học trường nghề sau tốt nghiệp THCS còn thấp (10,8%).

Tổ chuyên môn chưa có biện pháp hiệu quả bồi dưỡng cho các nhóm chuyên môn về kỹ năng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường (Kế hoạch giáo dục các môn học và các hoạt động giáo dục).

1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả tự chủ trong việc xây dựng các kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhà trường chủ động lập chiến lược phát triển giáo dục, kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Phối hợp với các trường dạy nghề, các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp tổ chức cho học sinh trải nghiệm gắn với việc định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.	CBQL, Đội ngũ cốt cán	Cuối năm học	Các năm học	Không
Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục bám sát văn bản hướng dẫn, phù hợp thực tế nhà trường, địa phương.	CBQL	Đầu năm học, khi có các văn bản hướng dẫn của các cấp	Các năm học	Không
Rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo chỉ đạo của các cấp và tình hình thực tiễn.	CBQL, Tổ chuyên môn	Theo văn bản hướng dẫn và tình hình thực tế	Các năm học	Không
Nghiên cứu công văn chỉ đạo,	CBQL, Đội	Khi có tình	Các năm	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
tham mưu với lãnh đạo nhà trường đưa ra phương án thực hiện. Tổ chức tập huấn phương án cho toàn thể giáo viên.	ngũ cốt cán	huống bắt thường	học	

1.8.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

1.9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1.9.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, CBQL, giáo viên, nhân viên nhà trường cùng tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua hội nghị cấp tổ. Trên cơ sở các ý kiến thảo luận đóng góp của các thành viên trong nhà trường; Mặt khác cũng có thể lấy ý kiến qua nhiều hình thức như trực tiếp gặp gỡ trao đổi với học sinh, giáo viên, CMHS, hoặc lấy ý kiến gián tiếp thông qua “Hòm thư góp ý” của nhà trường... để từ đó tổng hợp các ý kiến đóng góp về nội quy, quy chế dân chủ. Hiệu trưởng ban hành quyết định thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động trường học theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Quy chế dân chủ của nhà trường được công khai và có sự đóng góp của cán bộ, viên chức tại Hội nghị viên chức, người lao động vào đầu năm học. Quy chế dân chủ nêu rõ trách nhiệm từng thành viên trong nhà trường, trách nhiệm và quyền lợi của người dạy và người học [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02]; [H9-1.9-03].

Việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được Hội đồng trường quyết nghị trong các kỳ họp, được nhà trường triển khai trong các hội nghị toàn thể **[H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]**.

Ban thanh tra nhân dân được bầu 02 năm/lần và hoạt động theo chức năng nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ và có báo cáo cụ thể công khai, minh bạch tại Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động. Hàng năm Công đoàn tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ và báo cáo về cấp trên theo đúng quy định **[H9-1.9-01]; [H9-1.9-04]; [H3-1.3-01]**.

b, Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Do thực hiện tốt quy chế dân chủ và cơ chế giám sát việc thực hiện nên nhiều năm qua đơn vị không có hiện tượng đơn thư khiếu nại. Các hoạt động của nhà trường được bàn bạc thông qua công khai dân chủ, minh bạch nên đã thúc đẩy chất lượng hoạt động của nhà trường ngày càng phát triển **[H9-1.9-03]; [H9-1.9-04]; [H9-1.9-05]**.

c) Hàng năm nhà trường thực hiện đầy đủ việc đánh giá kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Kết quả thể hiện rõ trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường **[H9-1.9-02]; [H1-1.1-06]**.

Mức 2:

Công đoàn Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả **[H9-1.9-03]**.

Do thực hiện tốt quy chế dân chủ và cơ chế giám sát việc thực hiện nên nhiều năm qua nhà trường không có hiện tượng đơn thư khiếu nại, tố cáo. Các hoạt động của nhà trường được bàn bạc dân chủ, minh bạch nên đã thúc đẩy chất lượng hoạt động của nhà trường ngày càng phát triển **[H9-1.9-03]; [H9-1.9-04]**.

Công đoàn báo cáo việc giám sát thực hiện Quy chế dân chủ tại đơn vị trước Hội nghị nhà giáo, CBQL, người lao động hàng năm. BCH Công đoàn hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách cho đội ngũ, công khai minh bạch trong các hoạt động của nhà trường và báo cáo kết quả trước Hội nghị viên chức hàng năm. Việc thực hiện giải quyết các đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được ghi nhận xem xét xử lý đúng quy định theo đúng chức năng quyền hạn. Hàng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ việc đánh giá kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường **[H9-1.9-04]**.

Việc tự kiểm tra dân chủ của nhà trường được thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả cao. Kết quả thể hiện rõ trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường **[H9-1.9-02]; [H1-1.1-06]**.

1.9.2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường đều xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường đầy đủ, đúng quy trình và tổ chức thực hiện tốt, do đó dân chủ trong nhà

trường được phát huy, từ đó các hoạt động của nhà trường cũng đạt hiệu quả cao hơn, tập thể luôn giữ được mối đoàn kết và xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh.

Có đủ hệ thống văn bản hiện hành. Các Quy chế, chỉ tiêu được công khai minh bạch. Đa số CB, GV, NV của nhà trường nhiệt tình xây dựng để đồng bộ hóa các loại quy chế. Hầu hết các quy chế đều có tác dụng trong việc thực hiện tính dân chủ trong nhà trường.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường phát huy quyền làm chủ của CB, GV, NV, học sinh. Qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác trong công việc đồng thời xây dựng được mối đoàn kết nội bộ, phát huy được sức mạnh tập thể trong thực hiện nhiệm vụ.

1.9.3. Điểm yếu

Do tâm lý e ngại nên một vài cá nhân (nhất là các giáo viên trẻ) chưa mạnh dạn trong việc thảo luận, tham góp ý kiến xây dựng các quy chế, kế hoạch, hoạt động... của nhà trường.

1.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn tuyên truyền triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.	CB, GV, NV	- Tuyên truyền, sử dụng hòm thư điện tử; công khai trên trang Web của nhà trường; trang zalo của trường. - Hiệu trưởng chủ động, tích cực xây dựng và thực hiện kế hoạch để đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ tại đơn vị.	Trong các năm học	Không
Tổ chức đa dạng các hình thức để tạo điều kiện cho CB, GV, NV (đặc biệt là giáo viên trẻ) tích cực trao đổi, đóng góp ý	CBQL; Chủ tịch Công đoàn; Ban thanh tra nhân dân.	Xây dựng kế hoạch giám sát; tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với CB, GV, NV; với CMHS; với học sinh để đưa ra các giải pháp để	Trong các năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
kiến xây dựng nhà trường.		nâng cao chất lượng giáo dục.		

1.9.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

1.10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1.10.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống các dịch bệnh cho học sinh và CB, GV, NV [H10-1.10-01]. Nhà trường nghiêm túc chấp hành các qui định về phòng chống cháy nổ, trang bị đủ những phương tiện phòng cháy, chữa cháy theo qui định, bố trí các bình chữa cháy ở những khu vực hợp lý, dễ thấy như: dãy phòng học, thư viện, thiết bị, chân cầu thang. Định kỳ kiểm tra và thay thế những bình đã hết thời hạn sử dụng. [H10-1.10-07]. Kiểm tra hệ thống điện sử dụng trong nhà trường như đường dây, hệ thống đèn, quạt... Trang bị thiết bị an toàn điện ở các lớp học, phòng làm việc. Xây dựng ý thức tiết kiệm điện trong CB, GV, NV. Khuôn viên trường có xây dựng cổng trường, hàng rào bảo vệ, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự. Đầu năm nhà trường

có xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và có tổ chức tuyên truyền cho tất cả phụ huynh và học sinh hiểu và cam kết thực hiện phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch giáo dục An toàn giao thông và kế hoạch phối hợp giáo dục học sinh [H10-1.10-02].

Nhà trường phối hợp với công an xã thực hiện phương án tốt nhất đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường [H10-1.10-03].

Hàng năm, nhà trường đều được công nhận trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích và trường học an toàn an ninh trật tự [H10-1.10-01].

b) Nhà trường có 01 hộp thư góp ý trên trường để CB, GV, NV và học sinh, CMHS dễ dàng phản ánh thông tin. Ngoài ra nhà trường còn cung cấp đầy đủ số điện thoại của lãnh đạo nhà trường cho tất cả CMHS và giáo viên trong đơn vị, sẵn sàng tiếp nhận và xử lý thông tin khi được cung cấp [H10-1.10-04].

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục sức khỏe và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học nhằm bảo vệ sức khỏe, sinh mạng và tài sản của CB, GV, NV và học sinh; đảm bảo các điều kiện để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc giám sát, nhắc nhở học sinh thực hiện các hoạt động trong nhà trường đảm bảo an toàn được thực hiện thường xuyên, có ghi chép cụ thể trong sổ trực ban của nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường về công tác Giáo dục chính trị tư tưởng, công tác học sinh, y tế trường học, thể dục thể thao [H1-1.1-06].

c) Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được phổ biến kiến thức về bình đẳng giới. Học sinh được hưởng và bảo vệ các quyền lợi của trẻ em theo Luật Trẻ em. Trường không có các tệ nạn xã hội, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới cũng như bạo lực học đường trong nhà trường. Các bài viết tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực xâm hại trên đường link đến Website [H10-1.10-05]. Cuối mỗi năm học nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Hàng năm, tất cả các CB, GV, NV và học sinh nhà trường được giáo dục về kỹ năng sống thông qua các chương trình chính khóa và các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tuyên truyền thông qua tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, chương trình phát thanh măng non cho học sinh hiểu và nắm bắt được những biện pháp phòng ngừa, phòng chống tai nạn, thương tích có thể xảy ra. Công tác tuyên truyền đã thực hiện thường xuyên trong năm học và được xác định rõ mục đích tuyên truyền để phòng chống và ngăn ngừa [H10-1.10-02].

Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự được đăng tải trên trang Website trường, Facebook THCS Yên Đức; trang Youtube THCS Yên Đức [H10-1.10-06].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục sức khỏe và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học nhằm bảo vệ sức khỏe, sinh mạng và tài sản của CB, GV, NV và học sinh; đảm bảo các điều kiện để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H10-1.10-01]; [H1-1.1-06].

1.10.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tai nạn, thương tích, bảo đảm an toàn chất nổ, phòng tránh ngộ độc thực phẩm và các tệ nạn xã hội, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Nhà trường nhận được sự ủng hộ, tạo điều kiện, phối kết hợp của các cơ quan chức năng và sự quan tâm đầu tư kinh phí của UBND thị xã.

CSVC khang trang, đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ, bảo đảm an toàn.

Trong 5 năm qua nhà trường không để xảy ra các vi phạm nào về an ninh trật tự, tai nạn, hiểm họa, dịch bệnh, tệ nạn xã hội, cháy nổ, tai nạn thương tích trong trường; đặc biệt không có sự kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường.

1.10.3. Điểm yếu

Việc triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học thường thông qua hình thức tuyên truyền, chưa có nhiều buổi tập huấn hoặc diễn tập như: phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống bạo lực trong nhà trường. Thời gian và kinh phí để tổ chức hoạt động này còn hạn chế.

1.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục giữ mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương, Ban đại diện CMHS vận động sự ủng hộ về thời gian và kinh phí làm tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Nhà trường tiếp tục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, “An toàn, phòng chống tai nạn thương tích”. Tổ chức hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, các chương trình văn nghệ, thể thao và các hoạt động bổ ích khác thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoại khóa, tham quan học tập, giúp các em có các kỹ năng phòng tránh các tệ nạn xã hội, các hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường tiếp tục giữ mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương làm tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.	Nhà trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Liên đội.	Bám sát vào tình hình thực tế để nhà trường thực hiện	Đầu các năm học, trong các tiết sinh hoạt dưới cờ	Không
Phối hợp với Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Công an xã, trung tâm kỹ năng sống xây dựng kế hoạch tập huấn	Nhà trường	Chuẩn bị về CSVC và kinh phí	Đầu các năm học, trong các tiết sinh hoạt dưới cờ	2 triệu đồng/năm
Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh trường học và phòng chống dịch bệnh	Hiệu trưởng; Bộ phận y tế, CSVC	Căn cứ hướng dẫn và bộ tiêu chí đánh giá	Đầu các năm học	Không
Tổ chức ngoại khóa tuyên truyền Luật giao thông đường bộ, an ninh nội bộ.	Hiệu trưởng; Bộ phận Công tác HS	Kế hoạch nhiệm vụ năm học	Trong các năm học	Theo dự trù kinh phí
Giám sát, đôn đốc, nhắc nhở nhân viên bảo vệ thực hiện đúng nhiệm vụ	Phó hiệu trưởng, giáo viên trực ban	Kế hoạch công tác tháng	Trong các năm học	Không
Tổ chức cho CB, GV, NV và học sinh ký cam kết thực hiện các Nội quy, Quy chế và xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”	Tổng phụ trách Đội	Kế hoạch nhiệm vụ năm học	Trong các năm học	Không

1.10.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

Kết luận Tiêu chuẩn 1

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường xây dựng được kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương, nguồn lực của nhà trường giai đoạn 2019-2024. Nhà trường đã thực hiện rà soát điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển năm 2021.

Các hội đồng, tổ chức, đoàn thể, tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành. Các tổ chức trong nhà trường hoạt động có nền nếp tốt, đạt hiệu quả cao. Chi bộ Đảng và các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động tích cực đóng góp hiệu quả trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

CBQL của trường nhiệt tình, gương mẫu và có tinh thần trách nhiệm cao. Các đồng chí tổ trưởng giàu kinh nghiệm, trình độ chuyên môn vững vàng. Giáo viên nhà trường tâm huyết nhiệt tình tiếp cận nhanh với các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới. Hồ sơ sổ sách, nền nếp sinh hoạt chuyên môn của nhà trường được thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường có các biện pháp phù hợp để phát huy năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng khoa học, phù hợp với tình hình thực tế. Kết quả thực hiện hằng năm đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Quy chế dân chủ trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường có môi trường làm việc, học tập an toàn, thân thiện, cởi mở, bình đẳng. CB, GV, NV luôn tôn trọng lẫn nhau, có sự đồng cảm thấu hiểu sẻ chia trong công việc để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục.

Tuy nhiên, cùng với những điểm mạnh nổi bật trên còn một số tồn tại cần được khắc phục đó là chiến lược phát triển của nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của CMHS, các tổ chức và các tầng lớp nhân dân địa phương; Chưa huy động được nhiều nguồn tài chính hợp pháp để bổ sung CSVC cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường sẽ tiếp tục khắc phục trong thời gian tới để nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo an toàn cho học sinh, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xứng đáng là ngôi trường tin cậy của nhân dân địa phương.

- Số tiêu chí TĐG đạt: 10/10, số tiêu chí TĐG không đạt: 0. Trong đó:

TĐG tiêu chí Mức 1:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 2:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 3:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 05/05 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/05 - Tỉ lệ: 0%

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy và học, đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra, công tác xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên đóng vai trò rất quan trọng.

CBQL, giáo viên, nhân viên nhà trường có đủ mọi điều kiện và năng lực để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, luôn tận tụy, tâm huyết với công việc. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường có đủ và đảm bảo đồng bộ về cơ cấu, đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt. Nhà trường có đội ngũ GVDG đã được cấp trường, cấp thị xã, cấp tỉnh công nhận qua mỗi năm học. Tập thể CB, GV, NV trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Giáo viên, nhân viên nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Đa số học sinh của nhà trường chăm ngoan, có nề nếp tốt, nghiêm túc chấp hành các nội quy, quy định của nhà trường. Các em được bình đẳng trong các hoạt động giáo dục toàn diện, được tôn trọng và bảo vệ quyền lợi theo quy định.

2.1. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đội ngũ CBQL của trường THCS Yên Đức gồm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Khoản 3, Điều 11 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT. Đội ngũ lãnh đạo nhà trường có trình độ đào tạo và thời gian tham gia giảng dạy trước khi làm quản lý theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Đồng chí Lê Thị Kim Oanh được phân công nhiệm vụ giữ chức Hiệu trưởng nhà trường từ năm học 2019-2020, có trình độ chuyên môn Đại học sư phạm Hóa, Trung cấp Lý luận chính trị. Đồng chí Hiệu trưởng đã hoàn thành và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương năm 2022. Đồng chí Hiệu trưởng có nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; được nhận Giấy khen của Sở GD&ĐT, UBND thị xã [\[H11-2.1-02\]](#).

Đồng chí Đặng Minh Đức được phân công giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng từ năm học 2014-2015 đến hết năm học 2021-2022 (tháng 8/2022), có trình độ chuyên môn Đại học sư phạm Toán- Tin, Trung cấp Lý luận chính trị, đã hoàn thành lớp bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương năm 2022. Đồng chí Phó Hiệu trưởng Đặng Minh Đức có nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được UBND TX tặng giấy khen [\[H11-2.1-02\]](#).

Từ năm học 2022-2023, đồng chí Nguyễn Thúy Hiền giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn Đại học sư phạm Hóa, Trung cấp lý luận chính trị, đã hoàn thành lớp bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương năm 2022. Đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thúy Hiền có nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được Sở GD&ĐT, UBND thị xã tặng Giấy khen [\[H11-2.1-02\]](#).

b) Trong những năm qua, các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường luôn được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ở mức tốt theo quy định Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT [\[H11-2.1-01\]](#). Hằng năm các đồng chí đều được tín nhiệm của tập thể CBGVNV nhà trường và được đánh giá xếp loại viên chức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [\[H11-2.1-05\]](#); [\[H1-1.1-06\]](#).

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Sở GD&ĐT, UBND thị xã Đông Triều tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác [\[H11-2.1-02\]](#).

c) Các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều tham dự các lớp tập huấn về công tác quản lý, quản trị trường học; các lớp bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (dạy học theo chủ đề và phương pháp hướng dẫn học sinh tự học; dạy học theo định hướng phát triển năng lực học

sinh, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật ...), bồi dưỡng lý luận chính trị do các cấp tổ chức [H11-2.1-03]; thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là năng lực sử dụng, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành; các đồng chí đã vận dụng các kết quả học tập trong điều hành, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả [H11-2.1-04].

Mức 2:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, các đồng chí cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó Hiệu trưởng ở mức tốt. Số năm dạy học của các đồng chí cán bộ quản lý đều đạt theo quy định của Điều lệ trường trung học [H11-2.1-01]; [H7-1.7-02]. Trong những năm qua, các đồng chí cán bộ quản lý của nhà trường đều phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong các năm học 2019 - 2020 đến nay, các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Sở GD&ĐT, UBND thị xã Đông Triều tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác [H11-2.1-01]; [H11-2.1-02].

b) Các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định: đồng chí Hiệu trưởng Lê Thị Kim Oanh tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính năm 2013; đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thúy Hiền tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính năm 2015; Các đồng chí cán bộ quản lý nhà trường đều hoàn thành và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương năm 2022 đều có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững vàng, có năng lực quản lý nhà trường và được tập thể giáo viên nhà trường tín nhiệm [H11-2.1-04]. Cuối mỗi năm học tiến hành tổ chức lấy phiếu tín nhiệm cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo theo quy định, quy trình, khách quan, công tâm. Kết quả tín nhiệm của đội ngũ, người lao động đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có số phiếu tín nhiệm luôn đạt 100% [H11-2.1-05]. Kết quả công tác quản lý của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường. Đồng thời, hàng năm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được các cấp khen thưởng [H11-2.1-02]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, có tầm nhìn chiến lược, tinh thần đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý. Với năng lực tốt, sự tín nhiệm cao từ đồng nghiệp nên trong 05 năm qua, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng ở mức tốt [H11-2.1-01].

Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

STT	Năm học	Kết quả xếp loại chuẩn	
		Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
1	2019 - 2020	Tốt	Tốt
2	2020 - 2021	Tốt	Tốt
3	2021-2022	Tốt	Tốt
4	2022-2023	Tốt	Tốt
5	2023-2024	Tốt	Tốt

2.1.2. Điểm mạnh

Các đồng chí CBQL nhà trường đều năng động, sáng tạo, luôn đi đầu trong đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường để đạt kết quả tốt được các cấp lãnh đạo tin tưởng, phụ huynh, đồng nghiệp, học sinh, quần chúng nhân dân tin yêu.

Trong công tác quản lý luôn bao quát một cách toàn diện các hoạt động nên thực hiện có hiệu quả, đưa chất lượng nhà trường ngày một được nâng lên. Tích cực tham mưu với các cấp do đó đã nhận được sự chỉ đạo sâu sát, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành đối với các hoạt động của nhà trường.

2.1.3. Điểm yếu

Nội dung bồi dưỡng về ngoại ngữ (tiếng Anh) của đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa liên tục dẫn đến năng lực sử dụng ngoại ngữ trong công việc của các đồng chí chưa vượt trội.

Việc sắp xếp công việc và lưu trữ hồ sơ công tác quản lý còn có lúc chưa được khoa học.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tích cực tự học để bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh).	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Tự học	Trong các năm học	Tự túc
Vận dụng các kiến thức quản lý đã được bồi dưỡng vào xử lý công việc cho thật phù hợp, cần sắp xếp công việc khoa học hơn, kịp thời triển khai và chỉ đạo công việc, phân công, giao trách nhiệm cụ thể đến các đầu mối công	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Đội ngũ tham mưu, giúp việc kịp thời	Trong các năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
việc, đồng thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá sát sao.				

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

2.2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 40% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong 5 năm học qua, tổng số giáo viên nhà trường đến thời điểm đánh giá là 16 giáo viên (14 giáo viên biên chế, 02 giáo viên hợp đồng). Tổ Khoa học xã hội có 07 giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục công dân, Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. Tổ Khoa học tự nhiên có 9

giáo viên giảng dạy môn Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên. Như vậy số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện nội dung giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H12-2.2-01].

b) Theo Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về “Ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành” (Thông tư 29) tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định [H12-2.2-02].

Biểu: Số liệu về trình độ giáo viên trong nhà trường từ năm 2019 - 2024

STT	Năm học	Tổng số GV	Cao đẳng		Đại học		Tỉ lệ GV trên chuẩn
			SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	
1	2019-2020	14	3	21,4	11	78,6	0
2	2020-2021	14	3	21,4	11	78,6	0
3	2021-2022	14	4	28,57	10	71,43	0
4	2022-2023	15	2	13,33	13	86,67	0
5	2023-2024	16	0	0	16	100	0

Biểu: Số liệu giáo viên theo cơ cấu bộ môn

STT	Môn học	Số lượng GV	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Toán	3	Đại học	
2	Lý	1	Đại học	
3	Văn	4	Đại học	
4	Sử	0		Cao đẳng: 03
5	Giáo dục công dân	0		Cao đẳng: 01
6	Sinh	1	Đại học	
7	Hóa	1	Đại học	
8	Tiếng Anh	2	Đại học	
9	Mỹ thuật	1	Đại học	
10	Âm nhạc	0		Hợp đồng GV thỉnh giảng

STT	Môn học	Số lượng GV	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
11	Thể dục	1	Đại học	
12	Địa	1	Đại học	
13	Công nghệ	0		
14	Tin	1	Đại học	
Tổng số		16		

c) Trong 5 năm liên tiếp tính đến hết năm học 2023-2024, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên là 100%, trong đó có số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt từ 71,4% đến 100% [H12-2.2-02]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ đào tạo của giáo viên. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành kiểm tra văn bằng, chứng chỉ của CB, GV, NV nhằm rà soát, tổng hợp thông tin đào tạo phục vụ cho công tác chuyên môn và quản lý, lưu trữ hồ sơ giáo viên. Đến nay, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. [H12-2.2-01].

b) Trong 5 năm liên tiếp, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá, tốt là 100%, trong đó có trên 70% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H12-2.2-02]; [H1-1.1-06].

Biểu: Tổng hợp kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên

STT	Năm học	Tổng số GV	Xếp loại chuẩn giáo viên							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2019-2020	13	11	84,6	2	15,4	0	0	0	0
2	2020-2021	14	10	71,43	4	28,57	0	0	0	0
3	2021-2022	14	10	71,43	4	28,57	0	0	0	0
4	2022-2023	15	14	93,3	1	6,7	0	0	0	0
5	2023-2024	14	14	100	0	0	0	0	0	0

c) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch, phân công cho giáo viên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh. Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép trong các tiết học như làm thí nghiệm môn Sinh học, môn Hóa học, môn Vật lý, môn Toán học, giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho

học sinh. Giáo viên trong nhà trường có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tạo ra các sản phẩm tham gia dự thi các cấp và đã có sản phẩm nghiên cứu khoa học của học sinh đạt giải **[H1-1.1-06]**.

Cán bộ, giáo viên nhà trường chấp hành nghiêm túc các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy chế, quy định của ngành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H1-1.1-06] [H3-1.3-01]**.

Mức 3:

a) Việc đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên nhằm giúp giáo viên TĐG phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực nghề nghiệp, từ đó mỗi giáo viên tự xây dựng kế hoạch rèn luyện phẩm chất đạo đức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân. Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp. Từ năm 2019 đến năm 2024, có 100% cán bộ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên **[H12-2.2-02]**.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp sáng tạo cấp trường và có nhiều giáo viên viết sáng kiến kinh nghiệm được cấp thị xã công nhận. Nhiều giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT và sản phẩm TTNNĐ đạt giải cấp thị xã và cấp tỉnh. Đây là cơ sở để đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên, là cơ sở để nghiên cứu, đề xuất và thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên, cung cấp tư liệu cho các hoạt động khác **[H12-2.2-04]**.

Biểu tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên

STT	Năm học	Kết quả		
		Báo cáo SKKN	KHKT	Sáng tạo TTNNĐ
1	2019-2020	14 Báo cáo SKKN cấp thị xã		
2	2020-2021	07 Báo cáo SKKN cấp thị xã	01 giải ba; 01 khuyến khích cấp thị xã; 01 giải ba cấp tỉnh.	01 giải khuyến khích cấp thị xã
3	2021-2022	04 Báo cáo SKKN cấp thị xã	01 giải tư cấp thị xã	01 giải nhì cấp thị xã
4	2022-2023	02 Báo cáo SKKN cấp thị xã	01 giải tư cấp thị xã	01 giải nhì cấp thị xã; 02 giải khuyến khích cấp thị xã
5	2023-2024	01 Báo cáo		01 giải nhì cấp thị xã;

STT	Năm học	Kết quả		
		Báo cáo SKKN	KHKT	Sáng tạo TTNNĐ
		SKKN cấp thị xã		02 giải khuyến khích cấp thị xã

Nhờ làm tốt công tác thi đua, phong trào “Dạy tốt-Học tốt” được giáo viên nhiệt tình hưởng ứng nên chất lượng dạy học ngày càng đi lên. Điều này thể hiện rõ nhất qua cuộc thi giáo viên giỏi các cấp. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, trong hội thi các cấp nhà trường luôn có giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp cơ sở và giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh **[H12-2.2-03]; [H2-1.2-02]**.

2.2.2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên luôn tích cực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường luôn đảm bảo các quyền lợi của giáo viên, đảm bảo được tính công bằng dân chủ trong trường học từ quyền lợi đến chế độ, nghĩa vụ của người lao động.

Các năm học đều có giáo viên tham gia các đợt thi GVDG cấp thị xã, cấp tỉnh; GVCNG cấp thị xã.

2.2.3. Điểm yếu

Có thời điểm chưa phát huy hết tiềm năng của giáo viên trong trường. Số giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và giáo viên tham gia viết đề tài khoa học, SKKN, giải pháp sáng tạo cấp thị xã và cấp tỉnh chưa nhiều.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Khuyến khích đội ngũ giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và tham gia viết đề tài khoa học, SKKN, giải pháp sáng tạo cấp thị xã,	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Tìm nguồn kinh phí tăng mức thưởng cho đội ngũ giáo viên hướng dẫn học sinh thi KHKT, sáng tạo TTNNĐ và viết đề tài khoa học, SKKN, giải pháp sáng tạo đạt giải cấp thị xã, cấp tỉnh	Các năm học	Chưa xác định được
		Đưa vào Hội nghị cán bộ, viên chức, lao động chỉ tiêu về giáo viên nghiên cứu khoa học		Không
		Đề nghị khen thưởng, ưu tiên		Nguồn

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
cấp tỉnh		xét tăng lương sớm cho các đồng chí giáo viên nghiên cứu khoa học đạt giải cao.		chi thường xuyên

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

2.3. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 02 nhân viên trong biên chế và 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm (đồng chí Ngô Thị Thành). Đồng chí Đoàn Thị Hương Giang là nhân viên thư viện thiết bị; đồng chí Nguyễn Thị Huệ là nhân viên văn thư hành chính, kiêm nhiệm công tác y tế và công tác thủ quỹ. Số lượng nhân viên đảm bảo định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định hiện hành khác. Nhà trường đều có quyết định điều động, phân công nhiệm vụ và các nhiệm vụ kiêm nhiệm cho giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm về công tác thiết bị, thủ quỹ, y tế theo quy định. Ngoài ra, trường còn có 03 hợp đồng lao động làm công tác bảo vệ, phục vụ dọn vệ sinh (đồng chí Nguyễn Văn Trí, Phạm Dũng Tiến là nhân viên bảo vệ; đồng chí Trần Thị Oanh là nhân viên phục vụ dọn vệ sinh) [H13-2.3-02]; [H7-1.7-03].

b) Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU của Tỉnh ủy về Đề án "Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế", nhà trường thực hiện việc phân công công việc các nhân viên phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H13-2.3-02]; [H7-

1.7-03].

c) Các nhân viên trong nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H13-2.3-01]. Kế toán quản lý về tài chính không sai sót; đảm chế độ lương và phụ cấp cho CB-GV-NV; Nhân viên thư viện- thiết bị sắp xếp, quản lý phòng thư viện, thiết bị khoa học. Nhân viên y tế cập nhật sổ sách kịp thời tình hình sức khỏe của học sinh trên phần mềm SMAS mục thông tin sức khỏe học sinh, cập nhật thường xuyên các công văn chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng dịch, đặc biệt là dịch Covid-19. Nhân viên bảo vệ đảm bảo an ninh trật tự và các tài sản, CSVC trong trường học, không để xảy ra hiện tượng mất cắp tài sản. Nhân viên phục vụ dọn vệ sinh đảm bảo cảnh quan, khuôn viên nhà trường luôn sạch, đẹp. Vì vậy, trong 05 năm học, nhân viên nhà trường đều xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.1-06];[H7-1.7-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí làm việc và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28/8/2017) và thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023. Nhà trường phân công công việc các nhân viên phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người ít nhất kiêm nhiệm 2 nhiệm vụ để bảo đảm có 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm phụ trách công tác văn thư - thủ quỹ và 01 nhân viên thư viện thiết bị. Hằng năm, nhà trường đều có quyết định phân công các nhiệm vụ kiêm nhiệm cho nhân viên kiêm nhiệm về công tác thiết bị, thủ quỹ, y tế theo quy định. Ngoài ra, trường còn có 03 hợp đồng lao động làm công tác bảo vệ, lao công thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự và vệ sinh khuôn viên, cảnh quan trong trường học [H13-2.3-02]; [H7-1.7-03].

b) Hằng năm, nhân viên của nhà trường đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao gồm: công tác kế toán, thủ quỹ luôn đảm bảo tiền lương và hoạt động thu chi trong nhà trường theo đúng quy định; công tác thiết bị, thư viện đáp ứng nhu cầu dạy và học và các hoạt động giáo dục khác của giáo viên và học sinh [H13-2.3-01]. Vì thế trong 05 năm liên tiếp tính đến năm 2024, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-06] [H7-1.7-02].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán (kiêm nhiệm), 01 nhân viên thiết bị - thư viện, 01 nhân viên văn thư - hành chính đều có trình độ Đại học. Ngoài ra, nhân viên được bồi dưỡng về nghiệp vụ để phục vụ phù hợp đúng với công việc được nhà trường giao phụ trách [H7-1.7-03].

b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Lãnh đạo nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ hoặc được cử dự các lớp tập huấn do các cấp tổ chức nhằm nâng cao năng lực làm việc cho đội ngũ [H13-2.3-03]; [H13-2.3-04].

Cụ thể:

- Nhân viên Kế toán: Được dự các lớp tập huấn về sử dụng phần mềm quản lý tài chính như phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Misa ...

- Nhân viên Hành chính: Được tham gia dự tập huấn các phần mềm quản lý nhà trường, phần mềm quản lý nhân sự, quản trị hệ thống website, kỹ thuật họp trực tuyến.

- Nhân viên kiêm nhiệm công tác y tế: Được tập huấn công tác y tế trường học như công tác phòng dịch covid, cập nhật kiến thức về phòng chống yếu tố nguy cơ gây bệnh không lây nhiễm và lây nhiễm trong trường học, YTTH, VSATTP, phòng chống tai nạn thương tích trong trường học,....

- Nhân viên phụ trách quản lý thư viện - thiết bị dạy học: Được tham gia lớp bồi dưỡng Thiết bị - Thư viện trường học như tập huấn nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thư viện trong trường học, phần mềm EMIS thiết bị, quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học...

2.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, các nhân viên đều có trình độ đại học; được phân công công việc đúng theo năng lực, trình độ.

Trong các năm học, tất cả các nhân viên của nhà trường đều hoàn thành tốt, nhiệm vụ được phân công, có đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được UBND Thị xã tặng Giấy khen.

Nhà trường chăm lo tốt đến đời sống vật chất và tinh thần, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Được đảm bảo về chế độ, chính sách theo quy định.

2.3.3. Điểm yếu

Nhân viên phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên hiệu quả công việc đôi lúc chưa cao.

Có thời điểm, một vài vị trí việc làm của nhân viên còn thiếu, phải bố trí công tác kiêm nhiệm do đó ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

Nhân viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ y tế.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các nhân viên tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chủ động, sáng tạo trong

công việc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nâng cao tinh thần trách nhiệm, sắp xếp thời gian khoa học trong công việc	Nhân viên	Cá nhân tự sắp xếp công việc hợp lý, tự học, tự bồi dưỡng kiến thức để đáp ứng yêu cầu của công việc.	Từ năm 2023-2024 và các năm tiếp theo	
Bồi dưỡng thêm về công tác kiêm nhiệm y tế	Nhân viên	Cá nhân cần có kế hoạch tự bồi dưỡng, học hỏi từ các trường có nhân viên đúng chuyên môn, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn.	Từ năm 2023-2024 và các năm tiếp theo.	

2.3.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

2.4. Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a, Trong các năm qua, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về độ tuổi học sinh trung học theo Điều lệ trường trung học. Độ tuổi học sinh nhà trường trong các năm qua đều từ 11 đến 15 tuổi. Hằng năm, nhà trường thống kê danh sách học sinh có đầy đủ các thông tin về năm sinh, theo dõi lý lịch học sinh thông qua sổ đăng bộ **[H5-1.5-01]**; sổ chủ nhiệm **[H5-1.5-02]**; sổ gọi tên ghi điểm **[H5-1.5-03]**.

b, Học sinh nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh theo

quy định tại Điều 34-Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Điều lệ trường trung học: thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường **[H1-1.1-06]; [H5-1.5-02]**.

c, Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền theo Điều 35-Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Điều lệ trường trung học, được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà. Được cung cấp thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình; được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường theo quy định. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện. Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình. Học sinh được hỗ trợ tư vấn giáo dục kỹ năng sống, được giáo dục đạo đức toàn diện của người công dân mới: kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, chấp hành pháp luật của Nhà nước. Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt; được chuyển trường nếu đủ điều kiện theo quy định; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật **[H1-1.1-06]; [H5-1.5-02]; [H14-2.4-01]**.

Mức 2:

Nhà trường có đội ngũ GVCN, tổng phụ trách đội, đội cờ đỏ, đội trật tự viên hỗ trợ việc giáo dục cũng như phát hiện kịp thời các hành vi học sinh không được làm theo Điều lệ trường trung học. Các biện pháp giáo dục phù hợp được GVCN, tổng phụ trách đội, Ban tư vấn học đường sử dụng để tư vấn, giáo dục cho các em như: chia sẻ, động viên, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, đồng cảm, làm bạn, nêu gương, khen thưởng, phê bình **[H3-1.3-02]; [H14-2.4-01]**. Đồng thời nhà trường làm tốt công tác phối hợp với CMHS để giáo dục các em. Sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường mang lại nhiều kết quả tích cực trong giáo dục học sinh. Đa số các em đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm. Trong các năm qua, nhà trường không có học sinh bị kỷ luật **[H5-1.5-02]; [H1-1.1-06]**.

Mức 3:

Nhà trường cũng luôn chú trọng phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến. Hằng năm, nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích trong học tập và rèn luyện. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực/rèn luyện đạt mức giỏi (tốt) và khá của nhà trường đạt trên 62%, nhiều lượt học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học, sáng tạo TTNND các

cấp. Vì vậy, những học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đều được các cấp khen thưởng, động viên kịp thời và có tác động tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H14-2.4-02]; [H1-1.1-06].

2.4.2. Điểm mạnh

100% học sinh đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học. Học sinh đi học đúng độ tuổi quy định. Học sinh có ý thức tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ của người học sinh và quy định về các hành vi không được làm(không có học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình).

Nhà trường phối kết hợp tốt với CMHS và GVCN, các đoàn thể trong công tác giáo dục học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp phù hợp giúp đỡ những học sinh nghèo vượt khó.

Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện, được động viên khen thưởng kịp thời từ cấp trường đến cấp thị xã và cấp tỉnh, đồng thời tham gia tích cực nhiều các hoạt động khác.

2.4.3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện các nhiệm vụ về học tập và chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể của nhà trường tổ chức.

2.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng môi trường thân thiện, đoàn kết giữa các học sinh trong lớp với nhau và trong toàn trường.	CBQL, GVCN, Tổng phụ trách đội	Tăng cường hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt tập thể để học sinh có điều kiện bộc lộ năng khiếu của mình, biết hoà đồng vào tập thể.	Hàng năm	
Lựa chọn, bồi dưỡng Đội cờ đỏ đủ tiêu chuẩn, năng động, nghiêm túc để giám sát việc thực hiện nội quy, quy định của Nhà trường	Tổng phụ trách Đội, GVCN	Đoàn, Đội thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo sâu sát việc thực hiện nề nếp của đội Cờ đỏ	Hàng năm	
	CBQL,	Mở các lớp bồi		

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tăng cường tổ chức, bồi dưỡng học sinh năng khiếu	GVCN	duyệt phát hiện năng khiếu và tài năng của học sinh. Khuyến khích các em tham gia các cuộc thi, ...	Hàng năm	

2.4.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Đội ngũ CB, GV, NV của trường THCS Yên Đức đạt tiêu chuẩn theo vị trí việc làm, thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường. CBQL đảm bảo về trình độ chuyên môn, quản lý và chính trị, được tập thể sư phạm tin nhiệm, được học sinh và PHHS kính trọng.

Hàng năm có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó mức tốt đạt từ 71,4% đến 100% Tập thể giáo viên, nhân viên của nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công tác, luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, quyết tâm xây dựng nhà trường vững mạnh về mọi mặt.

Trường có 100% học sinh đảm bảo quy định về độ tuổi, đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các em chăm ngoan, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần phấn đấu vươn lên, có hành vi giao tiếp ứng xử văn minh, lịch sự, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ bạn bè. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

Tuy nhiên, nhà trường cũng vẫn còn một số hạn chế nhất định mang tính thời điểm là số giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và giáo viên tham gia viết đề tài khoa học, SKKN, giải pháp sáng tạo cấp thị xã và cấp tỉnh chưa nhiều. Có thời điểm, một vài vị trí việc làm của nhân viên còn thiếu, phải bố trí công tác kiêm nhiệm do đó ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

- Số tiêu chí TĐG đạt: 04/04, số tiêu chí TĐG không đạt: 0. Trong đó:

TĐG tiêu chí Mức 1:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 04/04 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/04 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 2:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 04/04 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/04 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 3:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 04/04 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/04 - Tỉ lệ: 0%

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của ngành, các cấp chính quyền đầu tư sửa chữa, nâng cấp CSVC, tăng cường trang thiết bị dạy học và quy hoạch ổn định khuôn viên nhà trường.

Nhà trường có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, có bảng chống lóa, tivi, máy chiếu, bảng thông minh và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, khối phòng hành chính quản trị đảm bảo yêu cầu. Có nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu, công trình nhà vệ sinh, nhà để xe đạt chuẩn bảo đảm tốt cho các hoạt động của nhà trường. Những năm qua, nhà trường đã rà soát, tham mưu với cấp trên bổ sung mua sắm CSVC, trang thiết bị dạy học, đảm bảo theo các tiêu chí xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nhà trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo quy định và môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

Trang thiết bị, đồ dùng dạy học của trường đảm bảo theo quy định, đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy của CB, GV, NV; đáp ứng việc học tập và tìm hiểu kiến thức khoa học của học sinh. Đặc biệt, trường có các trang thiết bị CNTT kết nối internet phục vụ yêu cầu các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3.1. Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

3.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổng diện tích sử dụng của nhà trường là 10.510 m², đảm bảo bình quân 31,84m²/học sinh đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất [H15-3.1-01].

Các hạng mục công trình được bố trí hợp lý theo hồ sơ thiết kế đã được UBND thị xã Đông Triều phê duyệt. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn đảm bảo các điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H15-3.1-02].

b) Nhà trường có cổng trường, có biển tên trường phù hợp với cấp học được quản lý, có tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố đảm bảo an ninh, an toàn trường học. Biển tên trường gồm: Tên trường, địa chỉ, số điện thoại của trường đảm bảo đúng theo Điều lệ trường trung học. Cổng trường được đặt tại vị trí thuận lợi phù hợp với khuôn viên nhà trường [H15-3.1-03].

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn cho hoạt động luyện tập TDTT và các hoạt động giáo dục thể chất khác. Nhà trường thường xuyên rà soát đánh giá thực trạng về sân chơi, bãi tập đảm bảo các hoạt động giáo dục trong báo cáo tổng kết hàng năm [H15-3.1-03]; [H11-1.1-06].

Mức 2:

Khu sân chơi luôn sạch sẽ, thoáng mát, cây xanh được bố trí hợp lý. Khu giáo dục thể chất gồm có: 01 sân cỏ nhân tạo, 01 nhà đa năng đảm bảo an toàn cho học sinh luyện tập TDTT trong các giờ giáo dục thể chất cũng như các hoạt động TDTT khác, thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa [H15-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có tổng diện tích sân chơi, bãi tập là 5656,7m² (trong đó diện tích sân chơi là 3891 m², bãi tập là 1765,7m²) với số lượng học sinh trung bình hàng năm là 288 em thì diện tích cho 01 học sinh đạt khoảng 19,64 m²/học sinh, đảm bảo tiêu chí ít nhất là 10m²/học sinh. So với tổng diện tích sử dụng của trường 10.510 m², diện tích sân chơi, bãi tập chiếm 53,82%, đảm bảo tiêu chí có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]. Sân chơi được bố trí hợp lý với hệ thống cây bóng mát có đường kính lớn bao quanh sân trường, ghé đá được kê dưới các gốc cây lớn để lấy bóng mát, tạo cảnh quan nhà trường khang trang, xanh, sạch, đẹp. Sân trường được nhà trường thuê 02 nhân viên lao công quét dọn hàng ngày và hàng tuần tổng vệ sinh một lần theo kế hoạch của Đội TNTP nhằm đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trong toàn bộ khuôn viên trường [H15-3.1-03].

3.1.2. Điểm mạnh

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch phù hợp với quy hoạch giáo dục của địa phương, thuận tiện về an toàn giao thông, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

Nhà trường luôn quan tâm giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ CSVN, chăm sóc cây xanh, xây dựng cảnh quan luôn xanh - sạch - đẹp và an toàn.

3.1.3. Điểm yếu

Nhà đa năng được xây dựng lâu đến nay một số hạng mục xuống cấp (cửa sổ, mái nhà). Vị trí của hồ nhảy xa chưa hợp lý, đường chạy hẹp.

3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền tới học sinh và các lực lượng giáo dục tổ chức các hoạt động chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường.

CB, GV, NV, học sinh nâng cao ý thức bảo vệ tài sản nhà trường. Thường xuyên giáo dục học sinh chăm sóc cây xanh, giữ gìn cảnh quan nhà trường đảm bảo luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Đồng thời đề nghị lãnh đạo Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều, UBND xã Yên Đức tham mưu UBND thị xã Đông Triều tiếp tục đầu tư, nâng cấp các hạng mục CSVN, thời gian dự kiến trong năm 2024.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
- Tiếp tục phát huy các điểm mạnh sẵn có bằng cách luôn giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ CSVN, chăm sóc cây xanh, xây dựng cảnh quan luôn xanh - sạch - đẹp và an toàn. - Tiếp tục tham mưu, đề xuất cấp trên đầu tư CSVN, sửa chữa và nâng cấp các hạng mục đáp ứng tiêu chí trường chuẩn (đặc biệt khắc phục Nhà tập đa năng đang xuống cấp ở vị trí mái che, cửa sổ; hồ nhảy xa cần sửa chữa lại về kích thước và điều chỉnh đường chạy đà cho an toàn)	Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, học sinh toàn trường	Báo cáo thực trạng và đề xuất giải pháp	Năm 2024	- Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng, dự án: Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học, trường THCS Yên Đức, tại xã Yên Đức, thị xã Đông Triều;

3.1.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

3.2. Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tâm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (HSKT).

3.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 06 phòng học dành cho 08 đến 09 lớp học, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh của cấp học; diện tích phòng học: 50,8m²/phòng học. Số lượng phòng học đảm bảo việc tổ chức các hoạt động dạy học; các trang thiết bị trong mỗi phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế gồm: Bảng chống lóa, bàn ghế giáo viên và bàn ghế học sinh đúng quy cách, phù hợp với lứa tuổi THCS, đủ về số lượng cho mỗi lớp học sinh; có nguồn điện ổn định, hệ thống đèn thấp sáng, quạt mát (đảm bảo tiêu chuẩn ánh sáng do Bộ Y tế quy định theo Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế); có hệ thống cửa sổ kính, rèm cửa đảm bảo thông thoáng về mùa hè, kín gió về mùa đông; có hệ thống điều hòa không khí. Tất cả được theo dõi trong sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục, biên bản kiểm kê tài sản, biên bản bàn giao tài sản lớp học [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

b) Khôi phòng học bộ môn: nhà trường có 09 phòng học bộ môn: 01 phòng Tiếng Anh, 02 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng Tin học, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học xã hội, 01 phòng Công nghệ, 01 phòng đa chức năng [H16-3.2-01]; [H15-3.1-02].

c) Nhà trường hiện có một số phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng truyền thống, 01 phòng thư viện; 01 phòng Đoàn - Đội [H16-3.2-01]; [H15-3.1-02].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể:

Khối phòng học tập của nhà trường bao gồm 06 phòng, diện tích 50,8m²/ phòng;

Khối phòng học bộ môn: gồm 09 phòng, cụ thể: phòng Khoa học tự nhiên (02 phòng): 77,7m²/phòng; phòng Tin học (60m²); phòng Tiếng Anh (60m²); phòng Khoa học xã hội (60m²), phòng đa chức năng (60 m²), phòng Âm nhạc (60m²); phòng Mỹ thuật (60 m²); phòng học Công nghệ(60m²);

Các phòng học bộ môn có đầy đủ trang thiết bị đồ dùng, được lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, quạt điện, bảng chống lóa, bàn ghế chuyên dụng, thiết bị thí nghiệm phục vụ cho thực hành và nghiên cứu khoa học đảm bảo các điều kiện dạy và học đúng đặc trưng bộ môn. Các thiết bị dạy học được đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, đặc biệt thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hoà nhập [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

b) Khối phòng phục vụ học tập đáp ứng đủ yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định bao gồm: 01 phòng truyền thống, 01 phòng thư viện; 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng thiết bị giáo dục; 01 phòng tư vấn học đường. Các khối phục vụ học tập hiện có đảm bảo diện tích, được trang bị đủ bàn ghế và thiết bị theo quy định [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường hiện có đều được trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng phục vụ cho hoạt động dạy học [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02].

3.2.2. Điểm mạnh

Trường có CSVC khang trang phục vụ cho công tác dạy và học.

Hệ thống CNTT kết nối internet và website của nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường.

Nhà trường đã có biện pháp để thực hiện tốt việc bảo vệ tài sản chung.

3.2.3. Điểm yếu

Các thiết bị chưa đồng bộ nên ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động nhóm, các trò chơi... trong công tác giảng dạy của giáo viên.

3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục có kế hoạch tham mưu với các cấp có thẩm quyền đẩy nhanh tiến độ bổ sung thêm các hạng mục CSVC cho nhà trường trong năm 2024.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
1. Đề nghị cấp trên đẩy nhanh tiến	CBQL, kế toán, nhân	Tham mưu với phòng	Trong năm học	- Nguồn kinh phí của thị xã - Nguồn kinh phí của tỉnh (mua sắm tập trung)

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
độ thực hiện công tác mua sắm thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018	viên thiết bị, các tổ chuyên môn	GD&ĐT và UBND thị xã	2023-2024	
2. Đề xuất xây bổ sung các phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập theo quy định	Hiệu trưởng, Bộ phận văn phòng	Tham mưu với phòng GD&ĐT và UBND thị xã	Năm 2024	- Căn cứ Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học, THCS Yên Đức tại xã Yên Đức, thị xã Đông Triều; Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024;

3.2.5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

3.3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

3.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các phòng phục vụ công tác hành chính - quản trị gồm: 01 văn phòng với diện tích 64,8 m² được trang bị đầy đủ các đồ dùng, thiết bị phục vụ hoạt động chung của nhà trường; 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 01 phòng làm việc của Phó Hiệu trưởng, mỗi phòng có diện tích 21,6 m² với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà trường; 01 phòng Công đoàn có diện tích 21,6 m² [H17-3.3-02]; [H16-3.2-01].

Các phòng thuộc khối hành chính - quản trị đều được xây kiên cố, đảm bảo diện tích sử dụng. CSVC của các phòng làm việc đảm bảo phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường và được thực hiện kiểm kê, rà soát và bàn giao cụ thể cho các cá nhân, đoàn thể quản lý và sử dụng [H6-1.6-02].

b) Nhà trường có đủ nhà để xe cho CB, GV, NV và học sinh. Khu nhà để xe được bố trí trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự và thuận tiện cho các hoạt động của giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu để xe cho học sinh có diện tích 170 m² đủ cho trên 300 xe trong một ca học; khu để xe của giáo viên có diện tích 73,2 m² [H17-3.3-02]; [H16-3.2-01].

c) Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung bàn ghế, trang thiết bị, tiến hành bảo dưỡng, bổ sung các thiết bị phục vụ công tác hành chính quản trị theo định kỳ, đảm bảo các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, công tác hành chính của nhà trường [H17-3.3-01].

Mức 2:

Khu hành chính – quản trị của nhà trường được bố trí riêng biệt, đảm bảo về diện tích, cảnh quan, góp phần đáp ứng yêu cầu công việc của CB, GV, NV và nhiệm vụ học tập của học sinh [H17-3.3-02]; [H16-3.2-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường: các phòng đều được trang bị đủ bàn ghế làm việc, tủ tài liệu, máy tính, máy in được trang bị tại các phòng làm việc và 100% được kết nối Internet phục vụ cho công tác quản lý [H17-3.3-02]; [H16-3.2-01].

3.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị được bố trí hợp lý, đảm bảo về an toàn, trật tự đáp ứng được yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Hệ thống máy móc văn phòng được sử dụng và phát huy tối đa công năng. Vào cuối mỗi năm học, nhà trường đều cho kiểm kê cụ thể hiện trạng các trang thiết bị. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị, có kế hoạch bảo trì, sửa chữa các thiết bị hỏng. Hệ thống internet được trang bị đầy đủ cho khối hành chính quản trị, phục vụ tốt các hoạt động.

3.3.3. Điểm yếu

Công tác bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa, bổ sung CSVC khởi hành chính-quản trị có lúc chưa kịp thời.

3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Khai thác hiệu quả các phòng chức năng và các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho công tác quản lý và hoạt động dạy - học.	CBQL; Tổ trưởng chuyên môn; giáo viên bộ môn	Kiểm tra việc lập kế hoạch và thực hiện công tác sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên	Các tuần lên đăng ký sử dụng thiết bị dạy học.	Không
Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý - dạy học; Tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư, cải tạo khởi hành chính quản trị đáp ứng nhu cầu sử dụng	Ban CSVC	Nguồn kinh phí cấp	Định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm học.	40-50 triệu/năm
Duy trì và làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục để không ngừng nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục	CBQL, Ban đại diện CMHS, các mạnh thường quân	Sự hỗ trợ của phụ huynh, các mạnh thường quân	Các năm học	Bằng hiện vật hoặc tiền mặt

3.3.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

3.4. Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

3.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 03 khu vệ sinh dùng riêng cho CB, GV, NV và học sinh. Các công trình vệ sinh hiện đại riêng cho học sinh với diện tích 72m². Khu vệ sinh của học sinh nam, học sinh nữ được đặt tại các vị trí hợp lý với các thiết bị đồng bộ, hiện đại, đủ nước, ánh sáng, có hệ thống bể phốt chìm đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường. Các thiết bị vệ sinh thuận tiện cho học sinh sử dụng, đảm bảo an toàn và sạch sẽ. Vị trí các công trình vệ sinh được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, phù hợp và thuận tiện cho học sinh khuyết tật [H18-3.4-03].

b) Nhà trường đã hợp đồng với Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp xã Yên Đức lắp đặt hệ thống nước máy là nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sử dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Riêng nước uống cho CB, GV, NV và học sinh, nhà trường hợp đồng mua nước lọc tinh khiết của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Thiên Quý được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế Hải Dương phê duyệt [H18-3.4-01]

Nhà trường xây dựng hệ thống thoát nước ngầm cho tất cả các khu vực trong khuôn viên theo quy định tại khoản 3 điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống mương thoát nước được nạo vét hằng năm trước mùa mưa; Trường cũng thực hiện đánh giá tình hình thực tế về hệ thống thoát nước hàng năm trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H18-3.4-02]; [H1-1.1-06].

c) Nhà trường thực hiện ký kết hợp đồng lao động với nhân viên lao công để quét dọn toàn bộ các khu vực trong khuôn viên trường, đã bố trí các thùng đựng rác ở nhiều vị trí hợp lý tạo điều kiện cho học sinh thực hiện tốt các biện pháp phân loại rác thải. Khu tập trung rác thải được bố trí tách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, với khoảng cách hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan nhà trường luôn sạch, đẹp. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác của nhà trường được Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp xã Yên Đức hỗ trợ dọn rác từ năm 2019 đến năm 2023. Năm 2024 nhà trường ký hợp đồng Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp xã Yên Đức đảm bảo yêu cầu công tác vệ sinh cảnh quan sạch, đẹp [H18-3.4-02].

Mức 2:

a) Các khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện cho các bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường; luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng và không bị ô nhiễm môi trường [H18-3.4-01]; [H18-3.4-04].

b) Nhà trường có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và học sinh, đảm bảo tiêu chuẩn về nước uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN01: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống; về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt. Nhà trường có hợp đồng mua nước lọc tinh khiết với Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Thiên Quý được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế Hải Dương phê duyệt [H18-3.4-01].

Nhà trường thực hiện thu gom rác đúng quy định, đảm bảo môi trường sạch đẹp và cuối năm học nhà trường luôn đánh giá về đảm bảo vệ sinh [H18-3.4-02]; [H1-1.1-06].

3.4.2. Điểm mạnh

Các khu nhà vệ sinh cũng bố trí riêng biệt từng khu phù hợp với khuôn viên của nhà trường, đảm bảo vệ sinh, có hệ thống cấp, thoát nước đầy đủ.

Nhà trường đã lắp đặt hệ thống nước cho học sinh vệ sinh sau các hoạt động học tập và rèn luyện.

3.4.3. Điểm yếu

Việc thu gom rác thải của công ty ký hợp đồng đôi lúc chưa thường xuyên dẫn đến việc rác còn bị tồn đọng.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp, vệ sinh môi trường thông qua hệ thống phát thanh măng non, qua sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và tham gia các hoạt động “Ngày hội vệ sinh trường học”, ngày hội "Làm cho thế giới sạch hơn" và một số hoạt động ngoại khóa khác. Tham mưu cấp trên đầu tư cải tạo hệ thống mương thoát nước nhà trường.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu gom rác thải với công ty ký hợp đồng	Hiệu trưởng	Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp xã Yên Đức	Năm 2024	Ngân sách nhà nước

3.4.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

3.5. Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THCS Yên Đức được công nhận đạt Chuẩn Quốc gia giai đoạn năm 2017-2022 theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường, đặc biệt là trang thiết bị để thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác quản lý. Thiết bị phục vụ các hoạt động của khối văn phòng được trang cấp đầy đủ như: 05 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 04 máy in, 01 máy scan, 11 tủ hồ sơ, 12 bàn làm việc. **[H17-3.3-01]**.

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với tất cả các môn học ở các khối lớp và được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại kho thiết bị và các phòng học bộ môn thuận tiện cho công tác quản lý cũng như sử dụng của giáo viên.

Trong những năm qua, nhà trường trang bị tương đối đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Tận dụng tối đa các thiết bị dạy học sẵn có và tự làm để đảm bảo cho hoạt động dạy học theo chương trình 2006 và chương trình giáo dục phổ thông 2018. Mỗi phòng học đều có đủ thiết bị dạy học cơ bản, có dây kết nối internet, 01 tivi màn hình lớn. Có 01 phòng tin học được kết nối internet phục vụ công tác giảng dạy bộ môn Tin học. Các phòng thực hành phục vụ giảng dạy cho bộ môn Khoa học tự nhiên với đầy đủ thiết bị theo quy định. Các phòng bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ đảm bảo đủ trang thiết bị **[H16-3.2-02]**.

c) Hàng năm, các tổ chuyên môn phối hợp với nhân viên quản lý thiết bị tiến hành rà soát, tổng hợp lại số lượng, chất lượng, tình trạng sử dụng của các thiết bị máy móc. Từ đó, đề xuất, kiến nghị với nhà trường để có kế hoạch bổ sung, sửa chữa thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Bên cạnh đó, nhà trường luôn động viên, khuyến khích giáo viên khai thác và sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học tự làm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy **[H16-3.2-02]**.

Mức 2:

a) Nhà trường trang bị phòng Tin học với 09 máy tính được kết nối internet phục vụ công tác giảng dạy bộ môn Tin học. Nhà trường đã đăng ký mua thêm 11 máy tính để đủ 02 học sinh/01 máy theo quy định. Tại các phòng chức năng đều có hệ thống máy tính và tại các phòng học đều được trang bị hệ thống dây để kết nối internet phục vụ cho công tác quản lý và dạy học **[H19-3.5-01]**.

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Mỗi phòng học đều có đủ thiết bị dạy học cơ bản, ngoài ra các lớp được trang bị 01 ti vi màn hình lớn **[H16-3.2-02]**.

c) Hàng năm, nhà trường được cấp bổ sung thêm các thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng như máy tính, máy in, các thiết bị thí nghiệm, các phần mềm phục vụ cho việc giảng dạy. Nhà trường khuyến khích giáo viên hàng năm tự làm đồ dùng dạy học **[H16-3.2-02]**.

Mức 3:

Các tổ chuyên môn phối hợp với nhân viên quản lý thiết bị tiến hành rà soát, tổng hợp lại số lượng, chất lượng, tình trạng sử dụng của các thiết bị máy móc. Từ đó, đề xuất, kiến nghị với nhà trường để có kế hoạch bổ sung, sửa chữa thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Nhà trường luôn động viên, khuyến khích giáo viên khai thác và sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học tự làm, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Giáo viên của các tổ chuyên môn tích cực tự làm đồ dùng dạy học. Tất cả các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường **[H16-3.2-02]**.

3.5.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học, thiết bị CNTT phục vụ các hoạt động giáo dục. Giáo viên nhà trường sử dụng thành thạo các thiết bị dạy hiện đại và sử dụng các thiết bị dạy học thường xuyên đạt hiệu quả tốt góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Hệ thống máy tính trong toàn trường được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung kịp thời.

3.5.3. Điểm yếu

Công tác đăng ký mua sắm thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018 còn đang vướng mắc chưa đảm bảo kịp thời.

3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo CB, GV, NV tăng cường sử dụng các trang thiết bị hiện có một cách triệt để. Bên cạnh đó, có kế hoạch rà soát, đánh giá thiết bị kịp thời. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thêm nghiệp vụ cho nhân viên phụ trách thiết bị dạy học.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Đẩy nhanh công tác mua sắm thiết bị dạy học theo chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.	Hiệu trưởng	Đề nghị Phòng GD&ĐT, UBND thị xã Đông Triều	Năm học 2023 - 2024	Ngân sách nhà nước

3.5.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

3.6. Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện có đầy đủ các loại sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ các hoạt động nghiên cứu, dạy học và giáo dục toàn diện của nhà trường; Các loại sách, báo đều được ghi chép danh mục, được quản lý chặt chẽ trong hồ sơ quản lý của cán bộ thư viện và được sắp xếp khoa học, thuận tiện phục vụ người đọc. Hàng năm,

nhà trường đều bổ sung thêm các sách, báo và tài liệu tham khảo phù hợp với yêu cầu đổi mới dạy học. Các ấn phẩm này khi bổ sung được ghi chép lại đầy đủ tên ấn phẩm, số lượng, ngày, tháng nhập [H20-3.6-02].

Việc mượn trả sách giáo khoa theo đúng quy định về hoạt động của thư viện phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh. Thư viện phục vụ tốt các hoạt động ngoại khóa của nhà trường và tổ chức những hình thức hoạt động phù hợp với điều kiện của từng trường như: giới thiệu sách, điểm sách, thông báo sách mới nhập, triển lãm trưng bày sách mới, tranh ảnh,...phối hợp với các bộ phận liên quan để tổ chức thi kể chuyện theo sách, vận động học sinh làm theo sách dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng nhà trường và các cấp quản lý giáo dục [H20-3.6-02].

Căn cứ vào nội dung hoạt động của thư viện, nhà trường đã sắp xếp lịch để học sinh, giáo viên mượn được các tài liệu tham khảo và truyện, sách, báo... Đồng thời trong quá trình mượn, trả tài liệu, mỗi giáo viên, học sinh đều thực hiện nghiêm túc nội quy ra vào, tra cứu, mượn tài liệu để nâng cao kiến thức cho mình phục vụ cho bài giảng, học sinh mượn tài liệu, đọc truyện để tham khảo phục vụ học tập và mở rộng hiểu biết [H20-3.6-02].

b) Nhà trường đã xây dựng được nội quy hoạt động của thư viện khoa học, cụ thể bám sát nhiệm vụ giáo dục, bám sát mục tiêu giáo dục đề ra.

Các loại sách báo, tài liệu của thư viện được giới thiệu, công khai đầy đủ và cập nhật thường xuyên. Việc mượn trả sách, báo, tài liệu theo đúng quy định về hoạt động của thư viện. Thư viện đã làm tốt các hoạt động ngoại khóa của nhà trường như: giới thiệu sách, điểm sách, thông báo sách mới nhập, triển lãm trưng bày sách mới, tranh ảnh. Hàng năm, cán bộ thư viện tham mưu cho Ban giám hiệu tổ chức "Ngày hội văn hóa đọc", giới thiệu "Mỗi tuần một cuốn sách" trong các buổi chào cờ hàng tuần. Nhân viên phụ trách thư viện theo dõi, ghi chép và quản lý việc mượn, trả các loại sách của giáo viên và học sinh [H20-3.6-02]; [H2-1.2-06].

c) Định kỳ hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát kiểm kê, tổng hợp danh mục các loại sách báo, từ đó xây dựng kế hoạch bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo đảm bảo phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường có hiệu quả [H20-3.6-02]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Thư viện được bố trí hợp lý, yên tĩnh, thông thoáng, có đủ ánh sáng. Nhà trường tiếp tục duy trì kế hoạch hoạt động của thư viện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo. Thư viện có 01 phòng đọc dành cho học sinh, 01 kho sách và 01 phòng đọc giáo viên với tổng diện tích là 75m², có bàn ghế, kệ tủ, sách báo, máy tính, máy in, hồ sơ sổ sách,... Nhà trường đã xây dựng được nội quy hoạt động của thư viện khoa học, cụ thể bám sát nhiệm

vụ giáo dục, bám sát mục tiêu giáo dục đề ra. Các loại sách báo, tài liệu của thư viện được giới thiệu, công khai đầy đủ và cập nhật thường xuyên. Thư viện nhà trường đã đạt chuẩn mức độ 1 năm 2023 theo Thông tư 16/2022 [H20-3.6-01]; [H20-3.6-02].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt chuẩn mức độ 1, hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Website của nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin về các hoạt động dạy học, quản lý đáp ứng các nhu cầu về các hoạt động của thư viện [H20-3.6-01]; [H20-3.6-02];

3.6.2. Điểm mạnh

Hàng năm, thư viện nhà trường được đầu tư các loại sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách tham khảo phục vụ cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hàng năm, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Hệ thống trang thiết bị CNTT đáp ứng tốt các nhu cầu về hoạt động của thư viện.

3.6.3. Điểm yếu

Thư viện nhà trường chưa thường xuyên tổ chức đều đặn các phong trào tuyên truyền giới thiệu sách để gây hứng thú cho học sinh đọc sách.

Chưa huy động được nhiều CMHS tham gia vào các hoạt động của thư viện.

3.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các năm học tiếp theo, tăng cường huy động các nguồn lực, bổ sung thêm đầu sách tham khảo, nhất là các đầu sách của chương trình giáo dục phổ thông 2018 để giúp giáo viên và học sinh được cập nhật những nội dung mới. Cán bộ phụ trách thư viện và giáo viên làm công tác chủ nhiệm tăng cường công tác tuyên truyền để học sinh hiểu về hoạt động của thư viện.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục bổ sung máy tính để phát triển thư viện điện tử, giải quyết nhu cầu tra cứu thông tin cho học sinh	Hiệu trưởng Ban CMHS	Nguồn kinh phí từ ngân sách và huy động tài trợ	Năm 2024	30 triệu
Tiếp tục đầu tư sách, báo, tài liệu phục vụ nhu cầu	CBQL, nhân viên	Nguồn kinh phí từ ngân	Năm học	Trên 20

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
ngiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục; phối hợp các thư viện trường học trong và ngoài thị xã trao đổi, thuê, mượn tài liệu cho thư viện	thư viện	sách và huy động tài trợ	2023-2024	triệu
Tổ chức tuyên truyền giới thiệu sách trong giờ chào cờ sáng thứ Hai tuần đầu tiên hàng tháng và có các chuyên đề giới thiệu sách trong năm học	Nhân viên thư viện	Tổ chức hoạt động tập trung sinh hoạt dưới cờ	Trong các năm học	Không

3.6.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường THCS Yên Đức có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong sạch thoáng mát theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Khuôn viên nhà trường được giữ gìn vệ sinh, đảm bảo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện.

Khu sân chơi, bãi tập thoáng mát, vệ sinh, đủ diện tích và thuận lợi cho học sinh luyện tập TDTT, vui chơi và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhà trường có khối phòng học, phòng thực hành bộ môn được xây dựng kiên cố. Phòng học có đủ bàn ghế, bảng, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng, mát an toàn để phục vụ dạy học. Các phòng học bộ môn có trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác quản lý dạy và học. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Khu vệ sinh của học sinh được xây dựng chuẩn theo quy định, có đầy đủ các thiết bị cần thiết. Khu để xe đáp ứng yêu cầu. Hệ thống cấp thoát nước, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Học sinh có ý thức trong việc bảo vệ cơ sở vật chất, giữ gìn vệ sinh trường lớp, bỏ rác đúng nơi quy định nên cảnh quan nhà trường luôn sạch, đẹp.

Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức đạt hiệu quả, phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập, thúc đẩy phong trào đọc sách, nâng cao văn hóa đọc của giáo viên và học sinh. Thư viện nhà trường đã đạt chuẩn mức độ 1 năm

2023 theo Thông tư 16/2022. Hàng năm nhà trường đều chú trọng đầu tư bổ sung thêm nguồn sách và tài liệu tham khảo phong phú theo nhu cầu của giáo viên và phù hợp với học sinh cấp THCS.

CSVC nhà trường hàng năm được rà soát, kiểm tra, đánh giá kịp thời để bổ sung, điều chỉnh cho khang trang hơn, đảm bảo an toàn cho giáo viên, học sinh.

Tuy nhiên một số CSVC nhà trường ở một vài thời điểm chưa đáp ứng đủ cho hoạt động dạy-học: nhà đa năng được xây dựng lâu đến nay một số hạng mục xuống cấp (cửa sổ, mái nhà); vị trí của hố nhảy xa chưa hợp lý, đường chạy hẹp; Công tác bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa, bổ sung CSVC khởi hành chính-quản trị, công tác đăng ký mua sắm thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018 còn đang vướng mắc chưa đảm bảo kịp thời.

- Số tiêu chí TĐG đạt: 06/06, số tiêu chí TĐG không đạt: 0. Trong đó:

TĐG tiêu chí Mức 1:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 06/06 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/06 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 2:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 06/06 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/06 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 3:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 05/05 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/05 - Tỉ lệ: 0%

4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong các năm học, trường THCS Yên Đức đã chủ động phối hợp chặt chẽ, giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Sự phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường đã tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể, Ban đại diện CMHS, huy động tất cả các nguồn lực về tinh thần và vật chất trong công tác xây dựng nhà trường, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc. Ban đại diện CMHS nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc giáo dục con em, thường xuyên hỗ trợ nhà trường trong việc vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, quan tâm đến học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Nhà trường cũng đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hóa dân tộc, giáo dục đạo đức, pháp luật, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục hướng nghiệp và kỹ năng sống cho học sinh nhằm thực hiện giáo dục toàn diện.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục được giao, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng CSVN, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến học sinh; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, TDTT phù hợp với lứa tuổi, xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

4.1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Ban đại diện CMHS trường THCS Yên Đức được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã tổ chức cuộc họp toàn thể CMHS các lớp để triển khai kế hoạch năm học của nhà trường và bầu ra Ban đại diện CMHS các lớp, mỗi lớp có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 ủy viên. Nhà trường tổ chức hội nghị Ban đại diện CMHS các lớp để triển khai nhiệm vụ năm học mới và bầu Ban đại diện CMHS nhà trường. Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT [H21-4.1-01].

Trong 05 năm liên tiếp, Ban đại diện CMHS nhà trường và các lớp tiến hành các nhiệm vụ phối hợp với Hiệu trưởng, GVCN tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường, phối hợp tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách, giáo dục đạo đức học sinh, có kế hoạch hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT. Ban đại diện CMHS họp định kỳ 03 lần/năm học.

Nội dung các cuộc họp được thể hiện đầy đủ trong các biên bản [H21-4.1-02]; [H21-4.1-04].

b) Ban đại diện CMHS nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động ngay từ đầu năm học trên cơ sở kế hoạch của nhà trường và căn cứ tình hình thực tế. Kế hoạch được thông qua trước cuộc họp toàn thể ban đại diện CMHS các lớp [H21-4.1-02].

c) Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động đúng tiến độ, đúng kế hoạch đề ra từ đầu năm học. Trên cơ sở của Điều lệ trường Trung học, Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành, Ban đại diện CMHS nhà trường đã xây dựng Quy chế hoạt động rõ ràng, chặt chẽ và công khai. Trong năm học, Ban đại diện CMHS nhà trường có các báo cáo về hoạt động của tổ chức theo từng học kỳ và năm học [H21-4.1-03]; [H21-4.1-04].

Ban đại diện CMHS phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ ban đại diện CMHS về công tác huy động các nguồn lực xã hội. Từ đó hỗ trợ tích cực cho mục tiêu giáo dục của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục khen thưởng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, biện pháp giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và đóng góp ý kiến đối với hoạt động của Ban đại diện CMHS. Nhà trường luôn cử đại diện lãnh đạo làm nhiệm vụ phối hợp với Ban đại diện CMHS trong công tác tổ chức, điều hành các hoạt động của Ban và hoạt động của CMHS toàn trường và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban đại diện CMHS đã phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách giáo dục học sinh. Ban đại diện CMHS của lớp, của trường họp định kỳ 03 lần/năm học vào các thời điểm đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối năm học để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của CMHS và đóng góp ý kiến của nhà trường đối với hoạt động của Ban đại diện CMHS. Ngoài ra, khi có việc cần, sẽ triệu tập họp hoặc trao đổi qua điện thoại, tin nhắn để linh hoạt trong xử lý công việc nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. [H21-4.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS các lớp chủ động phối hợp với Ban đại diện CMHS nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. GVCN lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để biện pháp giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó hoặc chậm tiến bộ trong học tập, huy động học sinh đến trường. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các hội thi, phong trào thi đua [H21-4.1-03]; [H21-4.1-05].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch sinh hoạt định kỳ với Ban đại diện CMHS từng lớp và Ban đại diện CMHS toàn trường. Với những trường hợp cần

có ý kiến của CMHS về các vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục của nhà trường, Hiệu trưởng đã phối hợp với trưởng ban đại diện CMHS các lớp, triệu tập các cuộc họp đột xuất để triển khai, trao đổi, nắm bắt tình hình, ý kiến phản hồi của phụ huynh về các hoạt động của trường, lớp và giải quyết những ý kiến đề xuất từ phía CMHS đối với nhà trường. Các cuộc họp của Ban đại diện CMHS đều có biên bản kèm theo [H21-4.1-04]; [H21-4.1-05].

Ban đại diện CMHS nhà trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các hội thi, phong trào thi đua. Đồng thời góp ý cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, tham gia các hoạt động ngoại khóa của nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS từng lớp (về việc phòng chống ma túy, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích và chống đuối nước, phòng chống dịch bệnh [H21-4.1-03]; [H21-4.1-05].

Đồng thời nhà trường và Ban đại diện CMHS trường có ứng dụng tốt việc sử dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, các ứng dụng trên điện thoại thông minh trong triển khai, phổ biến các hoạt động tới Ban đại diện CMHS các lớp. Các cuộc họp của Ban đại diện CMHS đều có biên bản kèm theo [H21-4.1-02]; [H21-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS luôn luôn đóng góp ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, phối hợp tích cực với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp giáo dục học sinh. Ban đại diện CMHS giải quyết các kiến nghị của CMHS trong việc phối kết hợp với nhà trường giáo dục toàn diện học sinh. Nhà trường thường xuyên trao đổi đóng góp ý kiến với Ban đại diện CMHS để hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường đạt chất lượng cao [H21-4.1-02]; [H21-4.1-03];

Hàng năm Ban đại diện CMHS luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Ban đại diện CMHS [H1-1.1-06].

Nhà trường luôn huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng CSVC, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học, khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hồ sơ theo dõi kinh phí ủng hộ từ các tổ chức cá nhân được nhà trường lưu trữ đầy đủ [H21-4.1-03].

4.1.2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhà trường thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và thực hiện các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ tối ưu đến các hoạt động giáo dục của nhà trường, thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện CMHS luôn thực hiện tốt nhiệm vụ quyền hạn theo đúng Điều lệ.

Ban đại diện CMHS của trường, của lớp luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến công tác hỗ trợ học sinh khó khăn, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động học tập của học sinh như hỗ trợ học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi các cấp, khen thưởng cho các tập thể lớp, các học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, đạt giải trong các cuộc thi, hội thi và phối kết hợp giáo dục học sinh chậm tiến bộ, vận động xã hội hóa giáo dục. Đặc biệt ban đại diện CMHS đã có nhiều biện pháp tích cực tham mưu, phối hợp với nhà trường làm tốt các công tác tuyên truyền công tác xã hội hóa giáo dục. Ban đại diện CMHS trường, lớp có kế hoạch phối hợp với Ban giám hiệu, GVCN trong việc tuyên truyền đến các bậc CMHS có trách nhiệm phối hợp quản lý, giáo dục học sinh. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giúp nhà trường hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học.

Tổng nguồn kinh phí hỗ trợ hàng năm cụ thể như sau:

STT	Năm học	Tổng số tiền hỗ trợ cho các hoạt động		Ghi chú
		Dự chi	Chi thực	
1	2019 -2020	43.000.000	43.000.000	
2	2020-2021	13.060.000	13.060.000	
3	2021-2022	14.420.000	14.420.000	
4	2022-2023	29.200.000	29.200.000	
5	2023-2024	31.050.000	31.050.000	

4.1.3. Điểm yếu

Việc phối hợp giữa nhà trường, GVCN và gia đình học sinh của một số CMHS chưa thường xuyên (do bố mẹ đi làm xa học sinh ở với ông bà già yếu), công tác tuyên truyền đến gia đình học sinh có lúc, có việc hiệu quả chưa thực sự cao.

4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý học sinh. Thiết lập các kênh zalo lớp để GVCN liên hệ kịp thời với CMHS. Xây dựng kế hoạch theo tháng, tổ chức các cuộc họp định kì, thành lập nhóm zalo.	CBQL, GVCN, CMHS	Thực hiện liên lạc qua hòm thư điện tử, điện thoại, gặp gỡ trực tiếp	Thường xuyên trong năm học	Không
Nhà trường xây dựng kế	CBQL,	Ban hành	Trong	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
hoạch phối hợp với Ban đại diện CMHS, đảm bảo thời gian sinh hoạt định kỳ, tăng cường trao đổi với CMHS về việc học tập và rèn luyện của các học sinh để giáo dục các em học sinh học tập tiến bộ, đặc biệt CMHS làm ăn xa qua điện thoại, tin nhắn điện tử	GVCN, CMHS	văn bản; Thực hiện liên lạc qua điện thoại, gặp gỡ trực tiếp	năm học 2023-2024	
Bố trí, sắp xếp thời gian cuộc họp CMHS hợp lý	GVCN, CMHS	Thực hiện thông báo trước 3-4 ngày để CMHS sắp xếp công việc	Tháng 9, tháng 01, tháng 5 hàng năm	Không
Tiếp tục duy trì mối quan hệ giữa nhà trường với CMHS, GVCN trong việc phối hợp công tác quản lý giáo dục học sinh, giúp đỡ học sinh khó khăn, khen thưởng học sinh có thành tích.	GVCN, CMHS	Thực hiện liên lạc qua hòm thư điện tử, điện thoại, gặp gỡ trực tiếp	Thường xuyên trong các tuần năm học	Không

4.1.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

4.2. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương rất quan tâm đến mọi hoạt động giáo dục của nhà trường. Định kỳ hàng tháng, thông qua cuộc họp của BCH Đảng ủy mở rộng tại UBND xã Yên Đức, nhà trường đã chủ động tham gia góp ý kiến, tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường. Hàng năm, nhà trường báo cáo với địa phương về phương hướng thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H22-4.2-01];

Nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thông qua báo cáo kết quả thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường hàng năm [H1-1.1-10].

b) Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau: qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông, ngoại khóa. Qua các cuộc họp CMHS, tuyên truyền phổ biến pháp luật, kế hoạch giáo dục nhà trường, các kế hoạch cụ thể triển khai nhiệm vụ năm học [H1-1.1-06].

c) Nhà trường cũng đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H22-4.2-02]. [H22-4.2-05].

Mức 2:

a) Công tác phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh được nhà trường xây dựng cụ thể phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường. Nhà trường tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã Yên Đức về kế hoạch phát triển chiến lược theo từng giai đoạn và năm học cụ thể. Thực hiện tốt công tác tham mưu về phổ cập giáo dục, xã hội hóa giáo dục, y tế học đường, các phương án đảm bảo an toàn cho học sinh và xây dựng mục tiêu giáo dục [H1-1.1-10].

b) Nhà trường chủ động phối hợp với mặt trận tổ quốc các đoàn thể của xã, với Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên xã... để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử hàng 73, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H22- 4.2-02]. Việc thực hiện chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, gia đình có công với cách mạng làm được thường xuyên và có ý nghĩa giáo dục tốt tới học sinh nhà trường [H22-4.2-03]; [H1-1.1-06]; [H3-1.3-05].

Mức 3:

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường cũng thường xuyên phối kết hợp với các cá nhân, các tổ chức đoàn thể như: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS nhà trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao; chăm sóc các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, chăm sóc các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Các hoạt động này được tổ chức thường xuyên, có tác dụng và hiệu quả tốt, góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa - giáo dục, là địa chỉ đáng tin cậy của nhân dân địa phương, góp phần nâng cao vị thế của nhà trường trong sự nghiệp giáo dục chung [H22-4.2-02]; [H22-4.2-03]. Nhà trường hoàn thiện hồ sơ và được Liên đoàn Lao động thị xã Đông Triều công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” theo quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 30/03/2021 của UBND thị xã Đông Triều [H22-4.2-04].

4.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, tạo điều kiện thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Huy động cộng đồng góp phần xây dựng CSVN, thiết bị chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của địa phương, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao phù hợp với lứa tuổi.

Nhà trường làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, có nhiều hình thức hỗ trợ, động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, rèn luyện.

4.2.3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí để thực hiện, tổ chức tuyên truyền việc phát huy, bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa tại địa phương một số năm còn hạn hẹp.

4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn xã và thị xã để làm tốt công tác xã hội hóa của nhà trường.	Hiệu trưởng.	Trong năm học	Bám sát vào tình hình thực tế để nhà trường thực hiện	chưa xác định
Công khai, minh bạch các kế hoạch, kết quả xã hội hóa để tăng cường niềm tin của người dân với nhà trường	Hiệu trưởng.	Trong năm học	Từ năm học 2024-2025 đến các năm học tiếp theo	chưa xác định

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Trong 5 năm học, kết quả hoạt động giáo dục về mọi mặt của nhà trường có sự chuyển biến tích cực. Đạt được những thành quả ấy là nhờ có sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của nhà trường và sự đóng góp to lớn của các đoàn thể địa phương, Ban đại diện CMHS, của toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện CMHS trường, lớp hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ. Các chủ trương kế hoạch

của nhà trường nhận được sự đồng thuận ủng hộ cao của Ban đại diện và CMHS trong toàn trường.

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường phối kết hợp chặt chẽ các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cộng đồng xã hội, với CMHS trong việc giáo dục học sinh, huy động các nguồn lực để xây dựng CSVC của trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện.

Tuy nhiên, ngoài những thành quả đã đạt được, để phát triển giáo dục theo chiều sâu và lâu dài, nhà trường cần phải tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động sự đóng góp của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn và nhân dân để xây dựng CSVC, thực hiện, tổ chức tuyên truyền việc phát huy, bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa tại địa phương; tăng cường phối kết hợp tốt với CMHS trong việc giáo dục toàn diện học sinh.

- Số tiêu chí TĐG đạt: 02/02, số tiêu chí TĐG không đạt: 0. Trong đó:

TĐG tiêu chí Mức 1:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 02/02 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/02 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 2:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 02/02 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/02 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 3:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 02/02 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/02 - Tỉ lệ: 0%

5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hàng năm, Trường THCS Yên Đức triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và triển khai thực hiện nghiêm túc chương trình, nội dung kế hoạch dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT, cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Các nhiệm vụ, chỉ tiêu năm học được thông qua tại Hội nghị cán bộ viên chức, lao động hàng năm, nhà trường đề ra các biện pháp tích cực, phù hợp với tình hình nhà trường để đẩy mạnh công tác giảng dạy, công tác hỗ trợ giáo dục như các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thể xã hội và thường xuyên nâng cao hiệu quả các hoạt động. Nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tinh thần tự học, tự rèn luyện của học sinh. Thực hiện có hiệu quả hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh có học lực yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường và quy định của các cấp quản lý giáo dục.

Việc đánh giá kết quả giáo dục đảm bảo chính xác, toàn diện, công bằng, khách quan, công khai thông qua việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ GD&ĐT ban hành.

Trong những năm học chịu ảnh hưởng, tác động của dịch Covid-19, nhà trường đã linh hoạt trong tổ chức các hoạt động dạy và học, vừa phòng, chống dịch bệnh vừa hoàn thành chương trình, nội dung kế hoạch giáo dục theo khung thời gian quy định.

5.1. Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

5.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 và Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 (đối với khối lớp 6 năm học 2021-2022; khối lớp 6,7 năm học 2022-2023) và khối lớp 6,7,8 năm học 2023-2024) của Bộ GD&ĐT. Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục và kế hoạch thời gian năm học của ngành, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường [H8-1.8-01], kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H8-1.8-03], kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp [H8-1.8-02]. Các kế hoạch đã chỉ đạo cụ thể việc tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong phiên họp Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.1-04]. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, các tổ chuyên môn đã họp triển khai đến giáo viên để mỗi giáo viên thực hiện việc xây dựng kế hoạch môn học do mình phụ trách và tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định và được thể hiện cụ thể trên thời khoá biểu [H8-1.8-04], sổ ghi đầu bài [H8-1.8-05], sổ ghi chép sinh hoạt tổ chuyên môn, biên bản sinh hoạt tổ-nhóm, sổ ghi kế hoạch giảng dạy (lịch báo giảng), ghi chép sinh hoạt chuyên môn của mỗi giáo viên [H23-5.1-01].

b) Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, triển khai tới cán bộ giáo viên về việc tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H23-5.1-06] ;

Trong kế hoạch bài dạy của giáo viên luôn quan tâm yêu cầu học sinh nghiên cứu bài học, xây dựng sơ đồ tư duy, thực hiện các nhiệm vụ cá nhân, nhóm,... nhằm bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng mục tiêu tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong các giờ dạy giáo viên thường xuyên sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như: dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác nhóm, dạy học theo dự án, kỹ thuật khăn trải bàn, mảnh ghép,... Tuy nhiên, một số giáo viên sử dụng phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực chưa linh hoạt, đôi khi chưa sát đối tượng học sinh, chưa chú trọng nhiều đến khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh.

Ngoài ra, học sinh còn được giáo viên hướng dẫn thuyết minh về một vấn đề, nghiên cứu đề tài, dự án khoa học dựa vào kiến thức đã học. Bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh, phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, [H23-5.1-05]. Nhà trường đã tổ chức các chuyên đề cấp trường, phối kết hợp tổ chức chuyên đề cấp cụm, tạo điều kiện để giáo viên tham dự Hội giảng, Hội nghị tập huấn. Nhờ đó, nhiều bài học hay, nhiều kinh nghiệm quý đã được chia sẻ, áp dụng trong dạy - học góp phần đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với học sinh và điều kiện nhà trường [H23-5.1-04].

Các nội dung trên được minh chứng qua đánh giá tiết dạy của giáo viên trong phiếu dự giờ của lãnh đạo nhà trường, sổ dự giờ của giáo viên [H23-5.1-01] cũng như qua nhận xét đánh giá tại các cuộc họp tổ nhóm chuyên môn [H4-1.4-02]; trong báo cáo tổng kết của nhà trường về việc thực hiện chuyên môn [H1-1.1-06]. Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, triển khai tới cán bộ giáo viên về việc rà soát, xây dựng, tổng hợp các chủ đề dạy học, tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Bên cạnh đó, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo quy định. Trong các buổi sinh hoạt, các tổ chuyên môn thực hiện việc rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình; có thảo luận để thống nhất điều chỉnh chương trình giáo dục [H23-5.1-03]; [H4-1.4-02]. Tuy nhiên, công tác dự giờ thăm lớp để học tập, chia sẻ kinh nghiệm của một vài giáo viên chưa thực sự hiệu quả.

Nhà trường chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau, dạy học gắn với trải nghiệm, gắn với mục tiêu giáo dục cụ thể. Giáo viên trong các tổ chuyên môn luôn chú ý tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp hình thức dạy học thông qua việc dự giờ, rút kinh nghiệm đồng nghiệp. Cuối mỗi năm học, nhà trường có đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục đối với tổ chuyên môn và

mỗi giáo viên [H23-5.1-01]; [H1-1.1-06].

c) Từ năm học 2019-2020, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc đổi mới việc kiểm tra đánh giá học sinh theo công văn số 2369/SGDĐT-GDTrH, ngày 13/9/2018 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Năm học 2020-2021, bổ sung đánh giá theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT.

Năm học 2021-2022 thực hiện đánh giá đối với lớp 6; năm học 2022-2023 thực hiện đánh giá đối với lớp 6,7; năm học 2023-2024 thực hiện đánh giá đối với lớp 6,7,8 theo thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Theo các công văn trên, nhà trường đã chú trọng thực hiện đổi mới việc kiểm tra đánh giá theo hướng vì sự tiến bộ của người học. Cán bộ, giáo viên nhà trường đã linh hoạt các hình thức kiểm tra: kiểm tra định kì đúng quy định trong kế hoạch dạy học và kiểm tra thường xuyên. Chú trọng đánh giá quá trình: đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án; bài thuyết trình; kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành. Kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra định kì. Trong thời gian học trực tuyến, nhà trường thực hiện linh hoạt việc kiểm tra, vận dụng các công cụ kiểm tra đánh giá trực tuyến (Google Forms, Azota, Quizizz,...) đảm bảo tiến độ và khách quan. Các đợt kiểm tra định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ) được tổ chức khách quan, hiệu quả [H23-5.1-02].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng việc đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học, đảm bảo tiến độ và khách quan. Việc đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá của nhà trường trong những năm qua đã đảm bảo khách quan, công bằng, công khai, đảm bảo tính giáo dục, tính phát triển và tính toàn diện trong công tác giáo dục. Do đó, kết quả giáo dục của nhà trường được nâng lên rõ rệt. Cuối mỗi kỳ học, mỗi năm học, nhà trường tổ chức rà soát, sơ kết, tổng kết để phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh [H23-5.1-02]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Hàng năm nhà trường giao cho các tổ, nhóm chuyên môn rà soát, xây dựng phân phối chương trình và tổ chức thực hiện đúng kế hoạch môn học đã được phê duyệt. Việc lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học và phân loại đối tượng đã được thể hiện trong kế hoạch môn học và giáo án (kế hoạch bài dạy) của giáo viên được tổ chuyên môn duyệt trước khi tuần học mới bắt đầu. Giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy (giáo án) đảm bảo nội dung, phương pháp phù hợp đối tượng học sinh, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, yêu cầu cần đạt của mỗi môn học. Kế hoạch bài dạy của giáo viên đã thể hiện rõ đổi mới phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, có tính khả thi; trong đó chú trọng việc hướng dẫn học sinh tự học, chú trọng phát triển tư duy sáng tạo thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập phù hợp dành riêng cho từng đối tượng học sinh nhờ đó mà chất lượng học tập của học sinh được đảm bảo [H23-5.1-02]; [H23-5.1-03];

b) Vào đầu các năm học, nhà trường yêu cầu giáo viên giảng dạy các bộ môn kết hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp rà soát lựa chọn ra những học sinh có năng khiếu ở các môn học văn hóa cũng như năng khiếu văn nghệ, thành lập đội tuyển, thành lập câu lạc bộ để phân công giáo viên bồi dưỡng. Chỉ đạo chuyên môn tổ chức dạy kèm, phụ đạo thêm cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thực hiện ngay từ đầu các năm học và được đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học [H1-1.1-06].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Việc làm này được thực hiện thông qua các cuộc họp chuyên môn của tổ [H23-5.1-03], qua hội nghị chuyên đề các cấp [H23-5.1-04], kết quả giáo dục của học sinh trong các năm học và qua cuộc họp đánh giá của Hội đồng trường [H1-1.1-05]. Từ năm học 2021-2022, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, nhà trường thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa cho năm học mới nhận xét, góp ý sách giáo khoa sau mỗi năm thực hiện nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H4-1.4-02]. Nhà trường cũng thực hiện đánh giá cụ thể các hoạt động giáo dục qua báo cáo tổng kết hàng năm [H1-1.1-06].

5.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục hàng năm theo quy định Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, theo kế hoạch của nhà trường đã được hội đồng trường phê duyệt, đảm bảo mục tiêu giáo dục hàng năm.

Giáo viên nhà trường đã chủ động tìm hiểu, học hỏi và vận dụng các

phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

5.1.3. Điểm yếu

Trong việc đổi mới phương pháp dạy học, hình thức, kỹ thuật dạy học còn một số giáo viên chưa thực sự linh hoạt, đôi khi chưa bám sát đối tượng học sinh, chưa chú trọng nhiều đến khả năng tự học, làm việc theo nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh.

Công tác dự giờ thăm lớp để học tập, chia sẻ kinh nghiệm của một vài giáo viên chưa thực sự hiệu quả.

5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã đạt được, khắc phục các điểm yếu.

Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch thường xuyên để rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Các tổ, nhóm chuyên thường xuyên tổ chức công tác trao đổi phương pháp, kỹ thuật dạy học, nghiên cứu chuyên môn, nâng cao hiệu quả bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu theo nhóm.

Các giáo viên bộ môn soạn giảng đúng phân phối chương trình, không ngừng tự bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao hiệu quả giảng dạy, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phát huy năng lực học sinh	Phó Hiệu trưởng, Giáo viên bộ môn	Theo kế hoạch	Các năm học	Không
Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra; tăng cường sử dụng các phần mềm, tiện ích kiểm tra, đánh giá: Quizizz, google driver, olm,...	Phó Hiệu trưởng, Giáo viên bộ môn	Phù hợp với đối tượng học sinh	Các năm học	Không
Tổ chức các chuyên đề cấp trường, liên trường về đổi mới phương pháp dạy học. chú trọng đến khả năng tự học của học sinh	Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn	Có sự phối hợp giữa các trường trong cụm sinh hoạt chuyên môn	Theo kế hoạch	Theo quy chế chi tiêu nội bộ

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng giáo viên sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với đối tượng học sinh, chú trọng đến khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và vận kiến thức vào thực tiễn của học sinh.	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, Giáo viên bộ môn	Phù hợp với điều kiện nhà trường	Đầu các năm học	Không
Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn đặc biệt bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Tuyên truyền, động viên giáo viên thực hiện đào tạo trình độ trên chuẩn nâng cao chất lượng đội ngũ	Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng; Giáo viên	Dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn	Trong năm học	Ngân sách
Tổ chức việc dự giờ, thăm lớp, xây dựng các chủ đề sinh hoạt chuyên môn tập trung vào những môn học khó, những môn thi THPT	Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng; Tổ chuyên môn	Dự giờ, hội nghị phân tích chất lượng ít nhất 4 lần/năm	Từ đầu năm học	Không

5.1.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

5.2. Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh khuyết tật; bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cho học sinh khuyết tật; bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh khuyết tật; bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu

Mức 2:

Học sinh khuyết tật, học sinh giỏi, học sinh yếu đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh khuyết tật, học sinh giỏi các môn được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

5.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo các GVCN rà soát lập danh sách học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh năng khiếu, học sinh có sở trường về từng mặt: văn hóa, văn nghệ, TDTT. Rà soát chất lượng đầu năm để thành lập đội tuyển học sinh giỏi các bộ môn văn hóa và lập danh sách những học sinh yếu kém các môn học ở tất cả các khối lớp. Từ đó nhà trường đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo dạy bổ sung kiến thức cho học sinh yếu kém nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, đồng thời bồi dưỡng học sinh giỏi, có năng khiếu tạo điều kiện cho học sinh có năng lực phát triển bản thân **[H23-5.1-05]**.

Đối với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, hàng năm nhà trường thành lập đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa thực hiện khảo sát, phân tích mặt mạnh để sàng lọc lựa chọn đội tuyển tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh. Xây dựng kế hoạch luyện tập cho học sinh năng khiếu tham gia thi các giải TDTT, hội khỏe phù đổng, văn nghệ, KHKT, Sáng tạo TTNND... do trường, phòng GD&ĐT, thị xã tổ chức **[H24-5.2-02]; [H23-5.1-06]**.

Đối với học sinh khuyết tật có kế hoạch chỉ đạo dạy học học sinh khuyết tật, quyết định kiện toàn ban chỉ đạo, kế hoạch giáo dục cá nhân từng học sinh khuyết tật, đánh giá học sinh khuyết tật lấy sự quan tâm, gần gũi, động viên để các em tự tin, khích lệ tinh thần. Các kế hoạch được triển khai tới từng tổ, cá nhân giáo viên thực hiện **[H24-5.2-01]**.

b) Căn cứ kế hoạch chỉ đạo của nhà trường, giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục phù hợp, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập nhà trường đã lập hồ sơ theo dõi học sinh khuyết tật học hòa nhập, giáo dục cho các em. Nhà trường chú trọng việc phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, GVCN, giáo viên bộ môn và các đoàn thể tổ chức các hoạt động ngoài giờ tạo nhiều sân chơi bổ ích hướng các em hòa nhập và tiến bộ, đảm bảo cho học sinh khuyết tật được tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác và được tham gia bình đẳng trong mọi hoạt động giáo dục hướng các em hòa nhập và tiến bộ **[H24-5.2-01]**.

Đối với các đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hoá, ngay từ đầu năm học nhà trường đã thành lập và sàng lọc đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa dựa trên cơ sở các đội tuyển đã được lựa chọn từ cuối năm học trước. Nhà

trường xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng để học sinh dự thi chọn học sinh giỏi các cấp **[H23-5.1-05]**. Ngoài 2 đến 3 buổi/tuần ôn theo thời khóa biểu của nhà trường, giáo viên chú trọng bồi dưỡng cho học sinh ngay trong các tiết dạy, hướng dẫn các em tự học, tự nghiên cứu. Tổ chức kiểm tra khảo sát rút kinh nghiệm qua mỗi chuyên đề.

Đối với học sinh yếu, giáo viên bộ môn, GVCN luôn phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ các em trong mỗi tiết học trên lớp, ngoài ra còn nâng cao vai trò của ban cán sự lớp, những bạn học sinh khá, giỏi trong việc kèm cặp, giúp đỡ để các em yếu kém vươn lên trong học tập cấp **[H23-5.1-05]**.

Đối với những học sinh có năng khiếu văn nghệ, TDTT, GVCN cùng giáo viên bộ môn có trách nhiệm bồi dưỡng thường xuyên thông qua các tiết dạy chính khoá, các hoạt động ngoại khoá. Tăng cường tập luyện dưới sự hướng dẫn của giáo viên thể dục phối hợp với CMHS bồi dưỡng, luyện tập cho các em ở tại nhà. Trong 5 năm, nhà trường đều tổ chức cho học sinh có năng khiếu về TDTT luyện tập tham gia thi đấu tại Hội khỏe Phù Đổng các cấp. **[H24-5.2-02]**.

c) Hằng năm, khi kết thúc năm học, nhà trường đều tổ chức tổng kết năm học theo quy định, đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên và kết quả học tập của học sinh, đặc biệt là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh khuyết tật. So sánh với chất lượng năm học trước, đánh giá kết quả đạt được và điều chỉnh biện pháp thực hiện nhiệm vụ giảng dạy để đạt mục tiêu đề ra **[H24-5.2-01]; [H1-1.1-06]**.

Mức 2:

Với sự quan tâm của CBQL, ngay từ đầu năm học, thông qua việc rà soát chất lượng đầu năm, GVCN của các lớp đã nắm bắt được từng đối tượng học sinh trong lớp **[H5-1.5-02]**, có kiến nghị với nhà trường cũng như các tổ chuyên môn để có kế hoạch phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện **[H23-5.1-06]**. Huy động các tổ chức trong và ngoài nhà trường về vật chất, tinh thần, trao quà nhân ngày khai giảng, tết Trung thu, tết Nguyên đán,... Qua đó, giúp các em tự tin, phấn đấu vươn lên trong học tập, 100% các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã vươn lên trong học tập và đạt kết quả học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Học sinh có năng khiếu đều đủ điều kiện tham dự các cuộc thi học sinh giỏi cấp thị xã. Tuy nhiên, CSVC của nhà trường phục vụ dạy học các môn năng khiếu nghệ thuật còn thiếu **[H23-5.1-06]; [H14-2.4-02]**.

Mức 3:

Trong các năm, nhà trường luôn có học sinh khuyết tật, học sinh giỏi các môn văn hóa, thể thao được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Hằng năm, đội tuyển học sinh giỏi các bộ môn văn hoá của nhà trường tham dự kì thi cấp thị xã đều

đạt giải từ 08 đến 14 giải, và trong 3 năm từ 2021-2023 trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, nhà trường đã đạt được từ 01 đến 05 giải. Riêng trong lĩnh vực TDTT, nhà trường luôn đạt thành tích cao ở cấp thị xã, cấp tỉnh trong các Hội khoẻ Phù Đổng: năm 2019-2020, đạt giải Nhì toàn đoàn cấp thị xã với 13 HCV, 19 HCB, 20 HCD; cấp tỉnh đạt 07 HCV, 08 HCB, 02 HCD; năm 2020-2021 đạt nhất toàn đoàn giải điền kinh cấp thị xã khối THCS; năm 2022-2023 đạt giải Ba điền kinh và giải Ba võ cổ truyền cấp thị xã; năm 2023-2024 tại Hội khoẻ Phù Đổng, cấp thị xã nhà trường đạt 02 nhất, 01 nhì, 10 ba và 04 khuyến khích ở các môn cầu lông, bóng bàn, điền kinh, võ cổ truyền và võ Vivonam; tại giải cầu lông cấp tỉnh nhà trường đạt 01 HCV, 01 HCB. Danh sách học sinh tiêu biểu được vinh danh tại phòng truyền thống của nhà trường. Tỷ lệ học sinh giỏi các môn văn hoá thường tập trung ở một số môn như: môn Hóa học, Vật lý, Ngữ văn, Giáo dục công dân, số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh chưa đều hàng năm [H24-5.2-01]; [H14-2.4-02].

5.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng được kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt kết quả cao.

Hàng năm đều thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để tiếp tục đưa ra các biện pháp khác triển khai thực hiện có hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường đều duy trì có học sinh giỏi các bộ môn văn hóa và TDTT, KHKT, sáng tạo TTNND cấp thị xã và tỉnh.

5.2.3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh giỏi các môn văn hoá còn tập trung ở một số môn, nhất là học sinh giỏi cấp tỉnh.

CSVC của nhà trường phục vụ dạy học các môn năng khiếu nghệ thuật còn thiếu.

5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch hoạt động, các câu lạc bộ để thường xuyên phát hiện học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi để tạo nguồn ngay từ các lớp đầu cấp.	Giáo viên bộ môn	Có đủ phòng học	Từ năm học 2023-2024	Ngân sách

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng các hình thức khen thưởng động viên nhằm khuyến khích học sinh tự giác học tập.	Hội đồng thi đua	Dựa trên quy chế thi đua khen thưởng.	Từ năm 2023-2024	Ngân sách
Nhà trường xây dựng các kế hoạch hoạt động, các câu lạc bộ để thường xuyên phát hiện học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật.	Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn	Dựa vào các kế hoạch	Từ năm học 2023 - 2024	Không
Tổ chức các cuộc thi TDTT, năng khiếu cấp trường lựa chọn học sinh có năng khiếu.	Hiệu trưởng; GVCN; Giáo viên bộ môn	Dựa vào các kế hoạch	Trong các năm học	Ngân sách
Tham mưu chính quyền các cấp đầu tư xây dựng sân tập, phòng chức năng, mua sắm trang thiết bị phục vụ các môn học nghệ thuật, giáo dục thể chất.	Hiệu trưởng	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Từ năm học 2023 - 2024	Ngân sách

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

5.3. Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

5.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch đề ra, theo các quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ năm học 2014-2015.

Chương trình GDPT 2006 được tổ chức giảng dạy thành các tiết quy định trong kế hoạch môn học đối với các môn: Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn và có tài liệu riêng của tỉnh **[H23-5.1-06]; [H8-1.8-04]**. Môn Lịch sử với mục đích giáo dục cho học sinh những hiểu biết đầy đủ và có tình yêu thương sâu sắc đối với quê hương, đất nước. Môn Địa lý giúp học sinh nhận biết và phân tích được một số hiện tượng địa lý của quê hương mình, từ đó, giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương, trách nhiệm đóng góp sức lực và trí tuệ vào sự phát triển quê hương. Môn Ngữ văn với mục đích liên hệ chặt chẽ những kiến thức đã học được với những hiểu biết về quê hương và văn học, văn hóa quê hương. Khai thác, bổ sung và phát huy vốn hiểu biết về văn học địa phương. **[H25-5.3-01]**.

Từ năm học 2021-2022, nội dung giáo dục địa phương được sắp xếp thành môn học riêng và được biên soạn thành tài liệu, được thực hiện 1 tiết/tuần theo chương trình GDPT 2018 **[H8-1.8-01]; [H8-1.8-04]; [H8-1.8-05]**. Môn học này giúp học sinh tìm hiểu thêm và sâu hơn về các vấn đề: Văn hoá, lịch sử truyền thống; Địa lý địa phương; Kinh tế, hướng nghiệp; Chính trị - xã hội; Môi trường của địa phương. Học sinh được trải nghiệm quay video, nghe thuyết minh, viết bài thu hoạch... giới thiệu về chùa Cảnh Huống, Hang 73, các hoạt động du lịch làng quê Yên Đức, Quảng Ninh Gate, Bạch Đằng Giang, Hang Vừng Đục... Thông qua những hoạt động trong các chủ đề, học sinh sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử quê hương, danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh và các địa danh của đất nước. Qua đó, các em được phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết, được bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước **[H25-5.3-02]**.

b) Thông qua nội dung giáo dục địa phương, học sinh tìm hiểu về truyền thống quê hương Yên Đức, Hoàng Quế,... Đông Triều, Quảng Yên, Cẩm Phả... Quảng Ninh. Không có học sinh vi phạm về chuẩn mực đạo đức, văn hóa địa phương, văn hóa vùng miền. Qua các bài kiểm tra, bài thu hoạch, học sinh phát huy được hiểu biết, có niềm tự hào về quê hương đất nước, đặc biệt là ý thức trách nhiệm trong quảng bá, lan toả giá trị văn hóa, lịch sử... truyền thống của địa phương **[H5-1.5-03]**.

c) Hằng năm, việc tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương đã được tổ chuyên môn tiến hành thường xuyên đúng quy định (thông qua các Cổng Thông tin điện tử của ngành, các trang web về Lịch sử, Địa lý, các câu lạc bộ Văn học - Nghệ thuật của Tỉnh, ...). Tăng cường đổi mới cách thức tổ chức dạy học: dạy học diễn ra trong hoặc ngoài lớp học trong

phạm vi nhà trường: Khi muốn tìm hiểu về anh Lý Tự Trọng, giáo viên thực hiện tiết dạy ngoài lớp học tại khuôn viên trường nơi có tượng đài anh Lý Tự Trọng. Tuy vậy, một số ít giáo viên cập nhật thông tin về nội dung giáo dục địa phương trên các trang thông tin điện tử chưa thường xuyên. [H25-5.3-01]; [H25-5.3-02]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Việc triển khai nội dung dạy học giáo dục địa phương đã giúp học sinh hiểu biết thêm về văn hóa, Lịch sử, Địa lý, con người, các hoạt động lao động sản xuất của địa phương Đông Triều nói riêng, của tỉnh Quảng Ninh nói chung [H25-5.3-01]; [H25-5.3-02]. Nội dung giáo dục địa phương được xây dựng sát, phù hợp, đi đôi lý luận gắn với thực tiễn [H8-1.8-01]. Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, nhà trường mời Hội cựu chiến binh xã Yên Đức đến tuyên truyền, nói chuyện cho các em về truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với lớp 9 (Chương trình GDPT 2006) và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của lớp 6,7,8 (Chương trình GDPT 2018) học sinh đã được tham quan trải nghiệm những nơi này qua thực tế và phim ảnh... Qua đó học sinh được hiểu biết thêm truyền thống văn hóa, lịch sử; vẻ đẹp quê hương của địa phương; giáo dục lòng biết ơn, niềm tự hào dân tộc. Tuy nhiên, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa được phong phú. [H8-1.8-02].

5.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của các cấp về nội dung giáo dục địa phương. Học sinh được tiếp cận những nội dung kiến thức về Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử, văn hóa địa phương kịp thời. Thông qua hoạt động giáo dục địa phương, học sinh được tham quan thực tế các di tích lịch sử, địa lý ở địa phương, làm tăng vốn hiểu biết về truyền thống lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, giáo dục lòng tự hào về quê hương, đất nước. Tài liệu về địa phương phổ biến rộng rãi, giáo viên và học sinh có điều kiện để tham gia tìm hiểu và học tập.

Nhà trường đã thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

5.3.3. Điểm yếu

Một số giáo viên cập nhật thông tin về nội dung giáo dục địa phương trên các trang thông tin điện tử chưa thường xuyên.

Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa được phong phú.

5.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Giáo viên phải nghiên cứu kỹ chương trình giáo dục địa phương tại thư viện và các trang https://e-learning.dongtrieu.edu.vn và các Website của địa phương về các nội dung học tập gắn với quê hương, đất nước.	Tổ chuyên môn, Giáo viên	Tài liệu tuyên truyền của địa phương, Internet	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tổ chức các hoạt động thực hiện nội dung giáo dục địa phương thông qua các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, tham quan, học tập các vấn đề thực tế thông qua các chương trình như: hành trình về nguồn; thăm các di tích lịch sử, văn hóa; giao lưu với các nhân chứng lịch sử ở quê hương...	Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, giáo viên, CMHS	Xây dựng kế hoạch cụ thể, phối hợp với CMHS	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Tổ chức các chuyên đề cấp trường, liên trường về đổi mới phương pháp dạy học các nội dung liên quan đến giáo dục địa phương	Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, giáo viên	Có sự phối hợp giữa các trường trong cụm sinh hoạt chuyên môn	Trong năm học	3 triệu đồng
Phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc quản lý việc học của các em và tạo điều kiện, nhất là nguồn kinh phí cho các em tham gia các hoạt động tham quan, trải nghiệm thực tế, chăm sóc các di tích lịch sử tại địa phương	GVCN, CMHS	Thời gian, kinh phí	Trong năm học	Theo thực tế
Tăng thêm nguồn kinh phí hoạt động của trường cho nội dung giáo dục địa	Hiệu trưởng	Ban CMHS, các tổ chức chính trị, cơ	Trong năm học	Xã hội hóa

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
phương; đồng thời phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện tốt công tác xã hội hóa tạo nguồn lực cho thực hiện các hoạt động giáo dục địa phương		quan doanh nghiệp trên địa bàn thị xã và tỉnh		

5.3.5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

5.4. Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

5.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học do hội đồng trường phê duyệt. Xác định mục tiêu, xây dựng chỉ tiêu và biện pháp thực hiện cụ thể ngay từ đầu năm học chỉ đạo tới các tổ chuyên môn, giáo viên, triển khai tới toàn thể CMHS học sinh rõ ràng, thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế, kế hoạch hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H26-5.4-01]; [H26-5.4-02]; [H8-1.8-01].

Đối với chương trình GDPT 2006, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với lớp 6,7,8,9, kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp đối với lớp 9 trong đó có nội dung tổ chức các hoạt động trải nghiệm [H26-5.4-01]; [H8-1.8-01]. Bên cạnh đó, thực hiện công tác tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS [H26-5.4-04].

Đối với chương trình GDPT 2018, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc được quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT. Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H8-1.8-01]; [H8-1.8-03]. Qua đó giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nề nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản [H26-5.4-02]; [H26-5.4-03]; [H1-1.1-06];

b) Hàng năm, nhà trường kết hợp với GVCN và CMHS đã tổ chức tư vấn hướng nghiệp và tổ chức cho học sinh các lớp tham gia hoạt động trải nghiệm, học tập thực tế góp phần định hướng nghề nghiệp, giáo dục toàn diện, phát triển năng lực học sinh. Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt đầu năm, các đoàn thể, tổ chuyên môn chỉ đạo thực hiện các hoạt động, dạy học trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch đề ra. Nhà trường đã thực hiện nội dung hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 với thời lượng 9 tiết/năm học theo quy định (chương trình GDPT 2006) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương [H26-5.4-01]; [H8-1.8-01]. Tổ chức cho học sinh lớp 9 đi tham quan và học tập trải nghiệm thực tế, tham quan doanh nghiệp Cơ khí Yên Thọ, Trường Đại học công nghiệp, công ty sản xuất giày da Yên Thọ, khu sản xuất nông nghiệp chất lượng cao Hồng Thái Tây... Đối với lớp 6,7,8(chương trình GDPT 2018) tham quan học tập thực tế các điểm khu di tích Bạch Đằng Giang, Hang Vừng Đục, Hang 73, Quảng Ninh Gate...góp phần định hướng nghề nghiệp, giáo dục toàn diện, phát triển năng lực học sinh. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức được cho học sinh tham gia tìm hiểu một số nghề truyền thống phù hợp với sự phát triển của các địa phương trên địa bàn thị xã và tỉnh. [H26-5.4-02]; [H26-5.4-03].

c) Đối với hoạt động hướng nghiệp, nhà trường phân công một đồng chí CBQL phụ trách, một đồng chí giáo viên trực tiếp giảng dạy theo phân phối chương trình quy định. Nhà trường đã chú trọng chỉ đạo, tập huấn, triển khai tiến hành cụ thể các hoạt động dạy nghề, hoạt động hướng nghiệp [H26-5.4-01]. Đối với các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường căn cứ vào vai trò, chức năng các nhiệm vụ, vị trí, nội dung công việc để phân công cho các đoàn thể (Đoàn thanh niên, Đội TNTP), giáo viên, nhân viên tiến hành thực hiện các

hoạt động đó một cách có hiệu quả, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, phát huy được khả năng của học sinh **[H8-1.8-03]**.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức định hướng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương. Trong các năm học gần đây trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm kết hợp với giáo dục lịch sử, văn học thông qua các cuộc dã ngoại đến các di tích như: khu di tích núi Canh Yên Đức, chùa Cảnh Huống Yên Đức, tượng đài Đông Triều...**[H26-5.4-03]**. Công tác hướng nghiệp kết hợp với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh nên đã đạt kết quả thiết thực. Từ năm học 2019-2020 đến nay, việc định hướng nghề nghiệp được tích hợp lồng ghép trong bài học ở các bộ môn. Đối với các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (theo chương trình GDPT 20018), nhà trường căn cứ vào vai trò, chức năng các nhiệm vụ, vị trí, nội dung công việc để phân công cán bộ, giáo viên tiến hành thực hiện các hoạt động đó một cách có hiệu quả, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, phát huy được khả năng của học sinh. Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. Học sinh được tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp học trong phạm vi nhà trường như các trò chơi, diễn đàn, sân khấu hoá, hoạt động giao lưu, tổ chức sự kiện. Tuy nhiên, một số học sinh chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp nên các em tham gia chưa tích cực; một số em còn rụt rè, thiếu tự tin, chưa mạnh dạn khi tham gia các hoạt động tập thể. **[H8-1.8-02]**.

b) Sau mỗi buổi tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm: đánh giá những ưu điểm, những điểm còn tồn tại, hạn chế về công tác tổ chức như việc quản lý học sinh, sức khỏe học sinh; yêu cầu học sinh nộp bài thu hoạch sau buổi trải nghiệm. Các hoạt động hướng nghiệp được tổ chức đa dạng: thông qua các bài học, tọa đàm tư vấn định hướng nghề nghiệp, tham quan trải nghiệm ... Ngoài ra, nhà trường còn tiến hành rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm định kỳ theo quy định **[H26-5.4-01]; [H26-5.4-02]**.

5.4.2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, được sự đồng tình cao của CMHS cũng như sự tham gia nhiệt tình của học sinh.

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn, phù hợp với học sinh, thu hút nhiều học sinh tham gia, đạt được hiệu quả thiết thực. Nhà trường đã kết hợp tốt với các trường Đại học

công nghiệp tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh nên hàng năm tỉ lệ công tác phân luồng sau tốt nghiệp THCS đạt theo kế hoạch.

5.4.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức được cho học sinh tham gia tìm hiểu một số nghề truyền thống phù hợp với sự phát triển của các địa phương trên địa bàn thị xã và tỉnh.

Một số học sinh chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp nên các em tham gia chưa tích cực; một số em còn rụt rè, thiếu tự tin, chưa mạnh dạn khi tham gia các hoạt động tập thể.

5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức tìm hiểu một số nghề truyền thống như làm gốm sứ Vĩnh Hồng, Đông Triều; nghề đan ngư cụ Hưng Học, Quảng Yên; mỹ nghệ than đá Hạ Long, Cẩm phả; Trồng hoa Hoành Bồ; nuôi cấy ngọc trai ở Hạ Long... phù hợp với sự phát triển của tỉnh.	CBQL, Phó Bí thư Đoàn thanh niên, tổng phụ trách Đội, giáo viên.	Sưu tầm một số tài liệu, đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho việc dạy giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường	Các năm học	Kinh phí theo thực tế
Thực hiện công tác tư vấn, tuyên truyền tới CMHS và học sinh ý nghĩa của việc học tập thực tế, trải nghiệm hướng nghiệp	Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên, GVCN	Thời gian, giáo viên có kinh nghiệm trong công tác tư vấn hướng nghiệp	Các năm học	Kinh phí theo thực tế
Phối hợp, mời một số trường nghề trong và ngoài thị xã hàng năm tổ chức tư vấn giúp các em tìm hiểu các nghề, nhu cầu thị trường lao động hiện nay từ đó các em có ý thức, biết định hướng nghề nghiệp cho bản	CBQL, Phó Bí thư Đoàn thanh niên	Mời giáo viên tư vấn các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường cao đẳng, trung cấp nghề về tư vấn cho học	Các năm học	Kinh phí theo thực tế

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
thân.		sinh, CMHS		
Tạo mọi điều kiện cho giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về công tác giáo dục hướng nghiệp	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Tham mưu với Phòng GD&ĐT tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên về công tác giáo dục hướng nghiệp	Các năm học	Không

5.4.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2.

5.5. Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết TĐG kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

5.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có chỉ đạo, định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống dựa trên công văn chỉ đạo của ngành và thực tế học sinh nhà trường **[H8-1.8-01]**. Cùng với việc giảng dạy các bộ môn văn hóa, nhà

trường luôn coi trọng công tác xây dựng giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, hồ sơ an toàn trường học, y tế cho học sinh thông qua thực hiện dạy tích hợp trong các bộ môn văn hóa và hoạt động ngoài giờ lên lớp [H10-1.10-01]. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của các em, phù hợp với điều kiện nhà trường và địa phương ngay từ đầu năm học [H27-5.5-01]. Tất cả giáo viên trong nhà trường trong các buổi sinh hoạt chuyên môn đều có nhiệm vụ giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh. Việc thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được tổ chức một cách đa dạng, dưới nhiều hình thức: các cuộc thi tìm hiểu, diễn đàn, sân khấu hoá, các câu lạc bộ... Bên cạnh đó, một số giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm chuyên sâu trong tổ chức các hoạt động về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh [H27-5.5-02]; [H23-5.1-01].

b) Qua quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, học sinh nhà trường đã có chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động thông qua các hoạt động giáo dục. Ngay từ đầu năm học, thông qua việc rà soát chất lượng đầu năm, GNCN lớp cùng với tổng phụ trách đội trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, các buổi ngoại khóa của Liên đội, vệ sinh môi trường, tích hợp trong các bài giảng, sổ ghi kế hoạch môn học đã thực hiện giáo dục các kỹ năng sống như: các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh, kỹ năng phòng tránh tai nạn và tham gia giao thông an toàn [H5-1.5-02].... Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển, kỹ năng sống và hiểu biết xã hội của học sinh được nâng cao. Các em đã có ý thức thực hiện các quy định của pháp luật như: chấp hành tốt luật giao thông, gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống; có các kỹ năng phòng chống tai nạn, phòng chống đuối nước [H10-1.10-02]. thực hiện các quy định ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau; có hiểu biết chính xác và tương đối sâu sắc về các vấn đề xã hội, biết tự bảo vệ sức khỏe của bản thân, có đủ các kỹ năng để có thể giải quyết tình huống bất ngờ xảy ra; hiểu biết xã hội và chấp hành đúng pháp luật [H27-5.5-02]; [H27-5.5-03];

c) Qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, phong trào tương thân tương ái ủng hộ bạn nghèo đạo đức, lối sống của các em từng bước được hình thành, phát triển. Các em có suy nghĩ, nhận thức và hành động đúng, phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán của địa phương, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Các em biết ứng xử có văn hoá, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. Đặc biệt, các em có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, biết ứng xử đúng mực trong mối quan hệ với thầy cô, bạn bè và mọi người xung quanh. Nhà trường kết hợp với gia đình và địa phương quan

tâm đến giáo dục việc hình thành, phát triển đạo đức và nhân cách của học sinh. Nhờ sự phối kết hợp của nhà trường và sự quan tâm giáo dục của gia đình nên trong các năm qua, tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện và xếp loại hạnh kiểm tốt của nhà trường luôn đạt từ 93,9% đến 96,9%. Nhiều năm qua, nhà trường không có học sinh vi phạm pháp luật, vi phạm các tệ nạn xã hội. Các hoạt động tổ chức hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh liên quan đến giáo dục đạo đức lối sống, phong tục tập quán địa phương, truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam đều được lưu lại thông tin qua các hình ảnh và báo cáo [H27-5.5-02].

Mức 2:

a) Trong các giờ học, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa, dưới sự hướng dẫn của giáo viên học sinh luôn được tạo điều kiện cho nhận xét theo nhóm TĐG kết quả học tập và rèn luyện của bản thân mình, thấy được ưu điểm, hạn chế của mình cũng như tham gia đánh giá các học sinh khác [H27-5.5-02]; [H8-1.8-02].

b) Trong nhiều năm liên tục, thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, nhiều học sinh đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở mức phát hiện được vấn đề, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, chăm sóc sức khỏe bản thân tham gia các câu lạc bộ STEM, tham gia cuộc thi KHKT, sáng tạo TTNND, tích cực tham gia các hoạt động TDTT do lớp, trường và địa phương tổ chức [H27-5.5-02]; Một số học sinh có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn tạo ra các sản phẩm phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường [H27-5.5-03].

Mức 3:

Nhà trường thành lập Câu lạc bộ STEM và tiến hành hoạt động thường xuyên theo lịch. Nhà trường cũng đã tổ chức được các chuyên đề hội thảo về STEM, tổ chức ngày hội STEM. Học sinh được hướng dẫn cụ thể đã có kỹ năng nghiên cứu và sáng tạo một số sản phẩm về khoa học, công nghệ có chất lượng, đáp ứng hoạt động nghiên cứu KHKT gắn thực tiễn hiện nay. Bằng các hình thức khác nhau, nhà trường đã bước đầu hình thành cho học sinh phương pháp nghiên cứu khoa học. Hướng dẫn và khích lệ học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu KHKT, sáng tạo TTNND do tỉnh Quảng Ninh tổ chức. Dưới sự giám sát và chỉ dẫn của các thầy cô giáo, trong các năm học từ 2019 - 2020 trở lại đây, học sinh nhà trường luôn có sản phẩm đạt giải trong các cuộc thi KHKT sáng tạo TTNND cấp thị xã và cấp tỉnh. [H27-5.5-03]; Cụ thể: Năm học 2020 – 2021, tham gia thi KHKT dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích, cấp Tỉnh đạt 01 giải Ba; tham gia thi Sáng tạo TTNND dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải Khuyến khích. Năm học 2021 – 2022, tham gia thi KHKT dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải tư; tham gia

thi sáng tạo TTNND dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải Nhì. Năm học 2022 – 2023, tham gia thi KHKT dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải tư; tham gia thi sáng tạo TTNND dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải nhì, 02 giải khuyến khích. Năm học 2023 – 2024, tham gia thi sáng tạo TTNND dành cho học sinh THCS cấp thị xã đạt 01 giải nhì, 02 giải khuyến khích. Trong quá trình triển khai, nhà trường chưa phát huy được hết tiềm năng xã hội hóa để nâng cao CSVC, kinh phí, chế độ hỗ trợ, khen thưởng cho học sinh và giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHKT [H27-5.5-04].

5.5.2. Điểm mạnh

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống được tổ chức thường xuyên thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa và thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh. Đa số học sinh bước đầu có khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày, có sự tiến bộ trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Một bộ phận học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ dưới sự hướng dẫn của giáo viên, hàng năm nhà trường đều có sản phẩm đạt giải trong cuộc thi KHKT và Sáng tạo TTNND các cấp.

5.5.3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa có kinh nghiệm, chưa được tập huấn bài bản về giáo dục kỹ năng sống.

Chưa phát huy được hết tiềm năng xã hội hóa để nâng cao CSVC, kinh phí, chế độ hỗ trợ, khen thưởng cho học sinh và giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHKT.

5.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thường xuyên chỉ đạo và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho các GVCN, giáo viên bộ môn và Tổng phụ trách Đội. Nâng cao nhận thức của GVCN trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, thu hút sự tham gia tích cực của học sinh.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
- Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống - Tham gia đầy đủ lớp tập huấn giáo dục kỹ năng sống - Tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giáo	Hiệu trưởng Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Theo kế hoạch Có lớp tập huấn Theo kế hoạch năm	Đầu năm học	Không Chưa xác định

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
dục kỹ năng sống cho học sinh:	Giáo viên	học		
Tuyên dương khen thưởng giáo viên, học sinh tham gia, đạt giải trong các cuộc thi KHKT, sáng tạo TTNND	Hiệu trưởng Hội đồng giáo dục	Có học sinh đạt giải KHKT, sáng tạo TTNND	Các năm học	Chưa xác định
Vận động CMHS, các tổ chức doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu khoa học đầu tư, đỡ đầu, hỗ trợ về vật chất, kỹ thuật cho các sản phẩm KHKT, sáng tạo TTNND	CMHS, Hiệu trưởng, GVCN, GV hướng dẫn	Theo kế hoạch năm học	Các năm học	Chưa xác định

5.5.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

5.6. Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS), 20% đối với trường THPT (hoặc cấp THPT) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS), 25% đối với trường THPT (hoặc cấp THPT) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS) và trường THPT (hoặc cấp THPT), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS) và trường THPT (hoặc cấp THPT), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường THCS (hoặc cấp THCS), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

5.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được thông qua kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Hàng năm nhà trường không ngừng cải tiến đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục học sinh nhằm đạt được các tiêu chí về chất lượng giáo dục toàn diện **[H8-1.8-03]**; Theo quy định tại Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, Thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021, nhà trường đánh giá xếp loại học lực học sinh vào cuối học kỳ I và cuối năm học. Những học sinh có học lực loại yếu được bồi dưỡng thêm để phấn đấu có đủ điều kiện lên lớp. Trong 05 năm liên tiếp kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, kết quả học tập của một

số học sinh còn lệch giữa các bộ môn do lười học, chưa tự giác **[H5-1.5-03]; [H1-1.1-06]**.

Trong 5 năm qua không có học sinh vi phạm kỉ luật buộc thôi học, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, kết quả học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) của học sinh có chuyển biến tích cực. Nhà trường phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nâng cao ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức cho học sinh. Do đó tỷ lệ học sinh được xếp loại học lực/học tập giỏi từ 22,49% đến 26,7%; xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện tốt đạt từ 92,42% đến 96,9% **[H1-1.1-06]; [H28-5.6-01]**.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt từ 99,58% đến 100% (riêng năm 2019-2020 có 01 học sinh đạt yếu, sau thi lại đã được lên lớp, đưa tỉ lệ lên lớp hàng năm đạt 100%) và tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%. Nhờ làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng dạy nên tỉ lệ học sinh giỏi và học sinh tiên tiến luôn được giữ vững. Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, nhà trường không có học sinh bỏ học, không có học sinh lưu ban **[H23-5.1-02]; [H28-5.6-02]**.

c) Nhà trường chú trọng định hướng phân luồng cho học sinh theo kế hoạch đề ra ngay từ đầu năm học. Nhà trường cũng đã liên kết với một số cơ sở đào tạo học nghề như Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã, trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, trường Cao đẳng Công nghiệp và xây dựng Quảng Ninh để tổ chức tuyên truyền cho học sinh nắm bắt được phương thức đào tạo của các nhà trường **[H26-5.4-05]**. Chính vì vậy, từ năm 2019-2020 đến nay, tỉ lệ học sinh tham gia học nghề sau tốt nghiệp THCS của nhà trường luôn đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học trường nghề chưa cao **[H1-1.1-06]**.

Mức 2:

a) Chất lượng học sinh đạt kết quả học lực/học tập khá giỏi luôn có những chuyển biến tích cực trong 5 năm liên tiếp. Nhà trường thường xuyên phối hợp với các lực lượng giáo dục tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nâng cao ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức cho học sinh. Công tác giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật luôn được chú trọng thông qua tích hợp giảng dạy các bộ môn văn hóa, qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp... 100% học sinh trường THCS Yên Đức thực hiện tốt Điều lệ trường trung học quy định các hành vi học sinh không được làm. Bởi vậy, trong 05 năm qua, nhà trường không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không có học sinh vi phạm kỷ luật bị buộc thôi học. **[H1-1.1-06]; [H23-5.1-02]**.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp luôn có chuyển biến tích cực. Từ năm học 2019-2020 đến nay, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt từ 99,58% đến

100% và sau thi lại đạt 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm của nhà trường luôn đạt 100% **[H1-1.1-06]; [H28-5.6-02]**.

Mức 3:

a) Nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi nên tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi cao, công tác phụ đạo học sinh học lực yếu cũng được nhà trường chú trọng đầu tư, quan tâm đúng mức. Do đó chất lượng đại trà từng bước được nâng lên. Số lượng học sinh được xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện khá, tốt hàng năm chiếm tỷ lệ 100%, trong đó tỉ lệ xếp loại tốt đạt 92,42% đến 96,9%, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực/học tập giỏi (tốt), khá đạt từ 62,78% đến 75,08% trong đó tỉ lệ học sinh được xếp loại học lực/học tập giỏi (tốt) từ 22,5% đến 29,4%. Trong các năm học, số học sinh xếp loại học lực (học tập) yếu chỉ chiếm 0,42% (năm học 2019-2020) và sau thi lại học sinh đã được lên lớp. **[H1-1.1-06]; [H23-5.1-02]**.

b) Từ năm học 2019-2020 đến nay, tỉ lệ học sinh kiểm tra lại luôn đảm bảo dưới mức quy định (chỉ chiếm 0,42%, năm 2019-2020), không có học sinh lưu ban. Hàng năm nhà trường không có học sinh bỏ học, học kì I, năm học 2023-2024 có 02 học sinh nghỉ học, bảo lưu kết quả do sức khỏe **[H1-1.1-06]; [H23-5.1-02]**.

5.6.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các biện pháp tích cực trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, chất lượng giáo dục toàn diện do đó tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi cao, chất lượng đại trà được duy trì ổn định. Công tác phụ đạo học sinh học lực yếu được nhà trường chú trọng đầu tư, quan tâm. Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực, tốt nghiệp đối với cấp THCS hàng năm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, CMHS đồng tình ủng hộ, quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

5.6.3. Điểm yếu

Một số ít học sinh vẫn còn lười học, chưa tự giác dẫn đến kết quả học tập còn lệch giữa các bộ môn.

Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học trường nghề chưa cao do CMHS còn có quan điểm học sinh tuổi còn nhỏ xa bố mẹ, xa gia đình không yên tâm, chưa tự tin định hướng cho con học nghề.

5.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Thực hiện công khai những chủ trương, kế hoạch, chất lượng giáo dục của nhà	CBQL	Bảng văn bản, họp CMHS, qua website	Tháng 9, tháng 01 và tháng 5	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
trường để CMHS quan tâm nhiều hơn đến việc học của con nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường		của nhà trường, zalo nhóm	trong năm học	
- Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục hàng năm. - Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ (100% tham gia tập huấn chương trình GDPT 2018) - Tăng cường ứng dụng CNTT trong các tiết dạy. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra; tăng cường sử dụng các phần mềm, tiện ích kiểm tra, đánh giá: Quizizz, google driver, olm,... - Tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.	CBQL, Giáo viên	Căn cứ kế hoạch phát triển và kế hoạch năm học	- Các năm học - Các năm học - Các năm học	Không
Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc dạy và học của giáo viên, học sinh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hai mặt của nhà trường	CBQL, tổ trưởng chuyên môn	Theo kế hoạch, đột xuất	Thường xuyên trong năm học	Không
Nâng cao tỉ lệ phân luồng sau tốt nghiệp THCS: Tích cực tuyên truyền, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh ngay trong năm học.	- CBQL GVCN 9, Trường đào tạo nghề	Căn cứ học lực của học sinh. Nội dung tư vấn của các trường đào tạo nghề cần có tính thuyết phục cao	- Đầu năm học - Tháng 4,5 các năm học	Không

5.6.5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trong 05 năm học vừa qua, trường THCS Yên Đức luôn chú trọng công tác đổi mới các hoạt động giáo dục và đa dạng hóa các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Nhà trường đã chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm đảm bảo khoa học, khả thi và sát với tình hình thực tế, đặc biệt trong việc rà soát, xây dựng kế hoạch theo Chương trình GDPT 2018. Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của ngành và chương trình giáo dục theo nhiệm vụ từng năm học; thực hiện nghiêm túc khung chương trình và kế hoạch giáo dục đã phê duyệt.

Nhà trường hằng năm làm tốt việc tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa, văn nghệ, TDTT với sự tham gia tích cực của học sinh. Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo kế hoạch góp phần giáo dục học sinh lòng yêu nước, tự hào về truyền thống của quê hương, dân tộc. Công tác rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thực hiện hiệu quả thông qua các hoạt động giáo dục trong cũng như ngoài giờ lên lớp.

Kết quả đánh giá xếp loại học lực/học tập và hạnh kiểm/rèn luyện của học sinh hằng năm đáp ứng được mục tiêu giáo dục và chất lượng ngày càng cao. Tỷ lệ học lực/học tập của học sinh đạt khá, giỏi (tốt) hằng năm đạt từ 62,78% đến 75,08%, tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện tốt, khá đạt 100%, không có học sinh xếp loại trung bình/đạt và yếu/chưa đạt. Kết quả hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong trường đáp ứng được yêu cầu kế hoạch đề ra hằng năm.

Tuy nhiên, công tác đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực ở một số ít giáo viên chưa thật linh hoạt, chưa phát huy hết khả năng tự học của học sinh; việc cập nhật thông tin về nội dung giáo dục địa phương trên các trang thông tin điện tử chưa thật thường xuyên. Tỷ lệ học sinh giỏi các môn văn hoá còn tập trung ở một số môn, nhất là học sinh giỏi cấp tỉnh. Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa thật phong phú, một số ít học sinh tham gia chưa thật tích cực; một số em còn rụt rè, thiếu tự tin, chưa mạnh dạn khi tham gia các hoạt động tập thể. Chưa phát huy được hết tiềm năng xã hội hóa để nâng cao CSVC, kinh phí, chế độ hỗ trợ, khen thưởng cho học sinh và giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHKT; CSVC của nhà trường phục vụ dạy học các môn năng khiếu nghệ thuật còn thiếu. Một số ít học sinh vẫn còn lười học, chưa tự giác dẫn đến kết quả học tập còn lệch giữa các bộ môn. Công tác định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS kết quả chưa cao.

- Số tiêu chí TĐG đạt: 06/06, số tiêu chí TĐG không đạt: 0. Trong đó:

TĐG tiêu chí Mức 1:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 06/06 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/06 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 2:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 06/06 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/06 - Tỉ lệ: 0%

TĐG tiêu chí Mức 3:

- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 04/04 - Tỉ lệ: 100%
- + Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/04 - Tỉ lệ: 0%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Mở đầu:

Trong xu thế hội nhập hiện nay, giáo dục Việt Nam đang từng bước hội nhập theo xu hướng toàn cầu hóa, tiếp thu tinh hoa từ các nước có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của xã hội. Trường THCS Yên Đức cũng từng bước phấn đấu vươn lên với mục tiêu trong tương lai xây dựng trường học tiên tiến hiện đại, phát triển toàn diện học sinh.

1. Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của trường THCS Yên Đức chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.2. Điểm mạnh: Không

1.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ những năm học tiếp theo nhà trường lập kế hoạch cho cán bộ giáo viên, nhân viên tự bồi dưỡng, học tập chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của các phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Kế hoạch giáo dục của nhà trường có	Hiệu trưởng,	Có tài liệu được dịch sang Tiếng	Giai đoạn 2025-	Chưa xác định

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.	Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn	Viết hoặc có đội ngũ giáo viên có khả năng Ngoại ngữ tốt hoặc thuê chuyên gia	2030	

1.5 Tự đánh giá: Không đạt

2. Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan

2.1. Mô tả hiện trạng

Trong năm, nhà trường có học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu theo học. Nhà trường có kế hoạch riêng nhằm giúp đỡ phần nào cho các em có hoàn cảnh khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần, góp phần thúc đẩy các em cố gắng vươn lên trong học tập như cùng với Ban đại diện CMHS quan tâm tặng quà cho các em trong những ngày lễ, tết; miễn giảm học phí và các khoản đóng góp theo quy định;... Nhà trường cũng có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu; kế hoạch tập luyện bồi dưỡng các nội dung TDTT cho học sinh có năng khiếu; kế hoạch hoạt động chuyên môn có nội dung giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu trong học tập và rèn luyện **[H24-5.2-01]; [H24-5.2-02]**.

Tuy nhiên, nhà trường chưa huy động được sự tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan để đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

2.2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để từng em học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoà nhập tốt với bạn bè, hoàn thành các nhiệm vụ trong năm học, vươn lên trong học tập và cuộc sống. Những em học sinh có năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng để phát triển được khả năng của mình.

2.3. Điểm yếu

Chưa huy động được sự tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan hỗ trợ những học sinh có năng khiếu được đảm bảo điều kiện hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân chưa thể hiện tính lâu dài.

2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường từng bước lập kế hoạch và huy động các tổ chức cá nhân tham gia để đảm bảo 100% cho học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.	CBQL; GVCN; Các ban ngành đoàn thể	Theo kế hoạch năm học và thực tế	Giai đoạn 2025-2030	Chưa xác định

2.5. Tự đánh giá: Không đạt

3. Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

3.1. Mô tả hiện trạng

Trong các năm học nhà trường đều có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Học sinh tham gia vào các cuộc thi khoa học kỹ thuật, sáng tạo TTNNĐ tuy nhiên số lượng chưa nhiều, có sản phẩm chất lượng chưa cao, chưa có sự đầu tư nhiều. Trong 3 năm học (2020-2021 đến 2022-2023) nhà trường đều có sản phẩm đạt giải trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật, Sáng tạo TTNNĐ cấp thị xã và năm học 2020-2021 có đạt giải KHKT cấp tỉnh **[H27-5.5-04]**.

3.2. Điểm mạnh

Giáo viên và học sinh có ý thức tham gia tìm tòi và nghiên cứu các đề tài khoa học kỹ thuật. Nhà trường có các đề tài tham gia cuộc thi vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

3.3. Điểm yếu

Kinh phí nhà trường hạn hẹp vì thế sự đầu tư cho lĩnh vực nghiên cứu còn hạn chế vì thế số lượng sản phẩm có chất lượng chưa nhiều, số lượng học sinh tham gia nghiên cứu cũng chưa thật nhiều.

3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục phát huy và nâng cao tỉ lệ học sinh nghiên cứu khoa học	Hiệu trưởng Hội đồng giáo dục	Có học sinh đạt giải KHKT, sáng tạo TTNNĐ	Các năm học	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa

3.5. Tự đánh giá: Đạt

4. Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường

4.1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của nhà trường được đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng như: giá đựng sách báo, bàn ghế cho bạn đọc, bảng giới thiệu sách... có số lượng sách, tài liệu, tạp chí... phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Các loại sách báo, tài liệu đều được mã hoá, sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, khoa học theo nghiệp vụ thư viện **[H20-3.6-02]**.

Tuy nhiên thư viện nhà trường chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế; chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4.2. Điểm mạnh:

Không

4.3. Điểm yếu:

Thư viện nhà trường chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế; chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Đề xuất với UBND thị xã, Phòng GD&ĐT Đông Triều trang cấp hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ hiện đại xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế.	Hiệu trưởng, nhân viên thư viện	Theo Kế hoạch phát triển của nhà trường và thị xã	Giai đoạn 2025-2030	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa

4.5 Tự đánh giá: Không đạt

5. Tiêu chí 5: Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường

5.1. Mô tả hiện trạng

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã đề ra các giải pháp nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, hướng tới đạt được các mục tiêu đặt ra trong phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Nhà trường tiến hành

rà soát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như: mục tiêu về chất lượng giáo dục, đội ngũ, CSVC, phổ cập giáo dục, kiểm định chất lượng.... Qua kết quả TĐG của nhà trường, trong những năm học qua nhà trường thực hiện tốt một số mục tiêu trong chiến lược phát triển như chất lượng hai mặt giáo dục đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, chất lượng giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08]; [H1-1.1-06];

Tuy nhiên do một số quy định trong Luật giáo dục 2019, do công tác tham mưu của nhà trường đôi khi chưa hiệu quả nên có một số nội dung trong phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường chưa đạt mục tiêu đề ra như: mục tiêu về CSVC cho cả giai đoạn 2020 - 2025. [H16-3.2-01];

5.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện chỉ tiêu về chất lượng hai mặt giáo dục luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

5.3 Điểm yếu

Mục tiêu về CSVC cho cả giai đoạn 2020 – 2025 chưa đạt.

Số lượng giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường chưa có.

5.4 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Đề xuất với UBND TX Đông Triều, Phòng GD&ĐT đầu tư CSVC	Hiệu trưởng,	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Giai đoạn 2025-2030	Ngân sách nhà nước
Khuyến khích, động viên giáo viên nâng chuẩn trình độ đào tạo	BGH, GV	Thời gian	Từ năm học 2024-2025	Không

5.5. Tự đánh giá: Không đạt

6. Tiêu chí 6: Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

6.1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có đủ 02 năm kết quả tất cả các hoạt động giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận **[H23-5.1-02]; .[H14-2.4-02];**

[H1-1.1-06].**6.2. Điểm mạnh: Không****6.3. Điểm yếu**

Kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường nhiều lúc chưa được vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

Trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi nhà trường chưa đạt được nhiều thành tích cao.

6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ giáo viên cốt cán	Hiệu trưởng	Theo kế hoạch phát triển và đội ngũ	Các năm học	Không

6.5. Tự đánh giá: Không đạt**Kết luận về Tiêu chí mức 4:**

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.

Hàng năm nhà trường luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược đề ra.

Tuy nhiên nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Kế hoạch để đảm bảo 100% cho học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan chưa có tính dài hơi.

Một số năm, kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường chưa được vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

TĐG tiêu chí Mức 4: Không đạt

- Số lượng tiêu chí đạt: 01/06

- Số lượng tiêu chí không đạt: 5/06

Phần III**KẾT LUẬN CHUNG**

Với mục tiêu nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất

lượng giáo dục, trong suốt thời gian qua, trường THCS Yên Đức đã huy động mọi nguồn lực thực hiện quá trình tự đánh giá.

Tập thể CB, GV, NV, học sinh và CMHS trường THCS Yên Đức hết sức tự hào về những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong năm qua; về chiến lược phát triển nhà trường; công tác quản lý và tổ chức; chất lượng đội ngũ CBQL và giáo viên; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; về công tác quản lý tài chính và CSVC; sự phối hợp giữa nhà trường với CMHS học sinh và kết quả giáo dục học sinh.

Với từng yêu cầu nhiệm vụ được giao, nhà trường luôn hoàn thành sứ mệnh của mình, làm tốt chức năng tham mưu về công tác giáo dục góp phần xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương, luôn là địa chỉ đáng tin cậy của CMHS, học sinh và của ngành giáo dục Đông Triều.

Các kết quả đạt được thể hiện trong báo cáo thể hiện thành quả to lớn của nhà trường đạt được trong công tác quản lý, trong hoạt động dạy và học, công tác giáo dục toàn diện của nhà trường. Báo cáo TĐG giúp các cấp quản lý giáo dục, tập thể, CB, GV, NV, học sinh, CMHS đánh giá kết quả cụ thể của nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao đồng thời tạo động lực để nhà trường không ngừng phấn đấu, nâng cao chất lượng toàn diện, khẳng định vị thế và uy tín, từng bước phát triển, đáp ứng các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia. Những thành quả đạt được một cách toàn diện theo kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường về công tác quản lý, đội ngũ và tổ chức, việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục, công tác quản lý tài chính, CSVC, công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức trong và ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Bên cạnh những thành quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại hạn chế cần rút ra bài học kinh nghiệm từ quá trình tự đánh giá, nhà trường tiếp tục đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng, khắc phục các tồn tại hạn chế nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình thay sách giáo khoa (Chương trình GDPT 2018).

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường THCS được Bộ GD&ĐT ban hành, trường THCS Yên Đức TĐG thấy được những mặt mạnh, mặt còn hạn chế qua từng chỉ số, đồng thời đề xuất được những biện pháp cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường trong những năm tiếp theo. Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

- Các tiêu chí đạt và không đạt ở Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
- + Các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 đạt 100%
- + Các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 đạt 100%

- + Các tiêu chí đạt Mức 3: 20/20 đạt 100%
- + Các tiêu chí không đạt Mức 3: 0/20 đạt 0%
- Các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- + Các tiêu chí đạt Mức 4: 01/06 đạt 16,7%
- + Các tiêu chí không đạt Mức 4: 05/06 đạt 83,3%
- Mức TĐG của nhà trường: Mức 3.

Trường THCS Yên Đức đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(b/c);
- Phòng GD&ĐT(b/c);
- Đoàn đánh giá ngoài(b/c);
- CBGV, NV nhà trường;
- Lưu: HS, trang ĐTNT.

Đông Triều, ngày 21 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Oanh

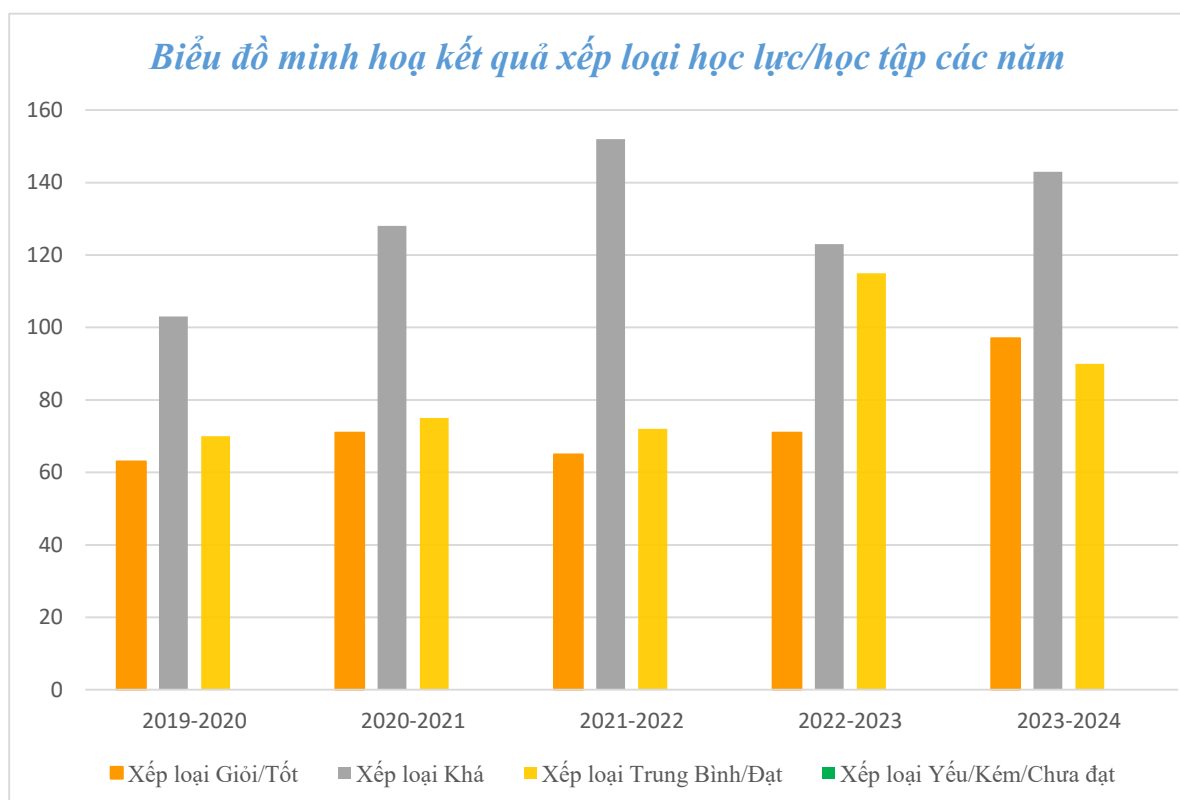
PHỤ LỤC

1. Chất lượng giáo dục của nhà trường

1.1. Chất lượng hai mặt giáo dục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024

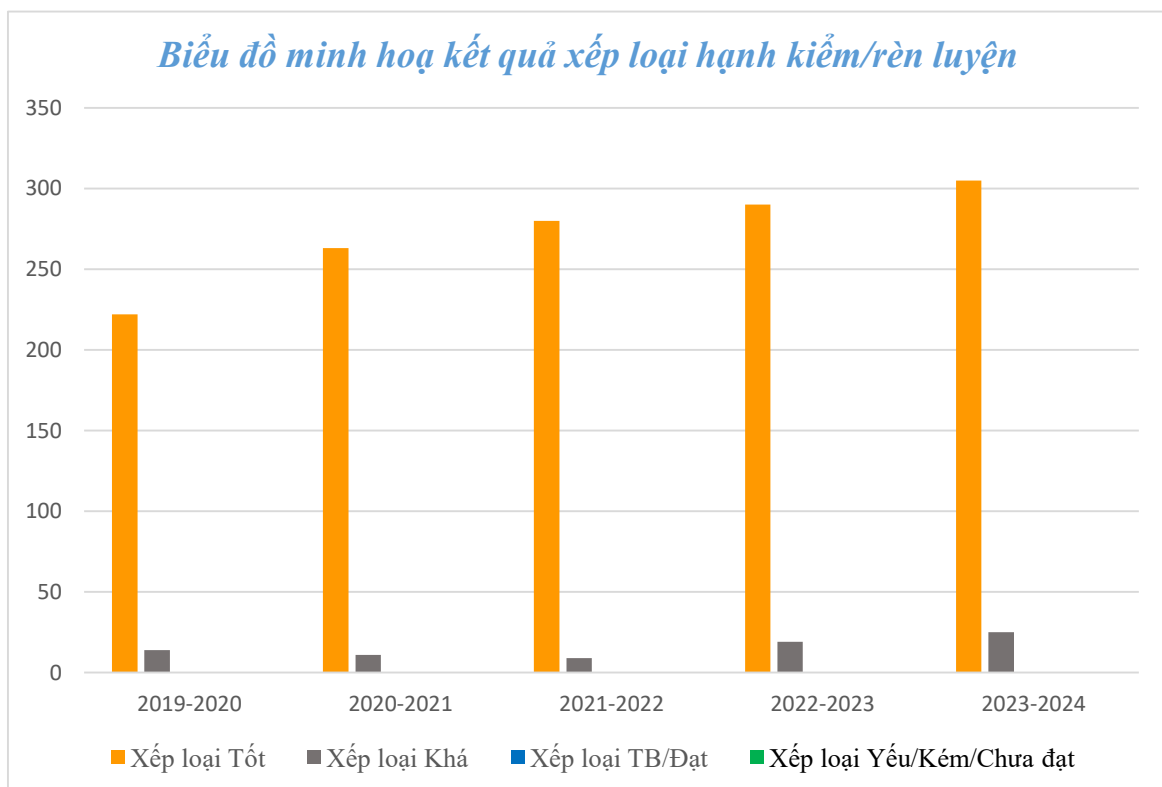
** Học lực/Học tập*

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Số học sinh xếp loại Giỏi/Tốt	63	71	65	71	97	
Số học sinh xếp loại Khá	103	128	152	123	143	
Số học sinh xếp loại Trung bình/Đạt	70	75	72	115	90	
Số học sinh xếp loại Yếu, Kém/Chưa đạt	0	0	0	0	0	



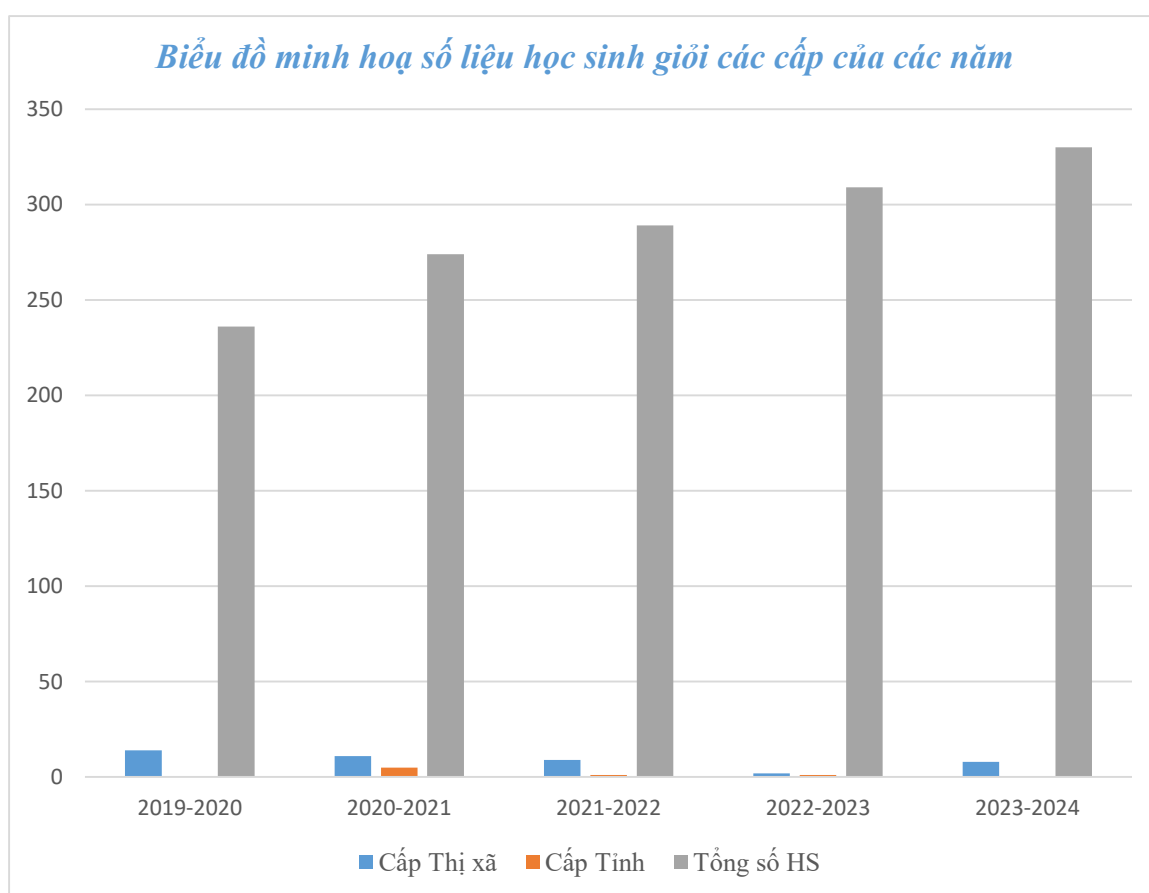
*** Hạnh kiểm/Rèn luyện**

Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
Số học sinh xếp loại Tốt	222	263	280	290	305	
Số học sinh xếp loại Khá	14	11	9	19	25	
Số học sinh xếp loại Trung bình/Đạt	0	0	0	0	0	
Số học sinh xếp loại Yếu/Chưa đạt	0	0	0	0	0	



1.2. Học sinh đạt giải các cuộc thi các cấp:

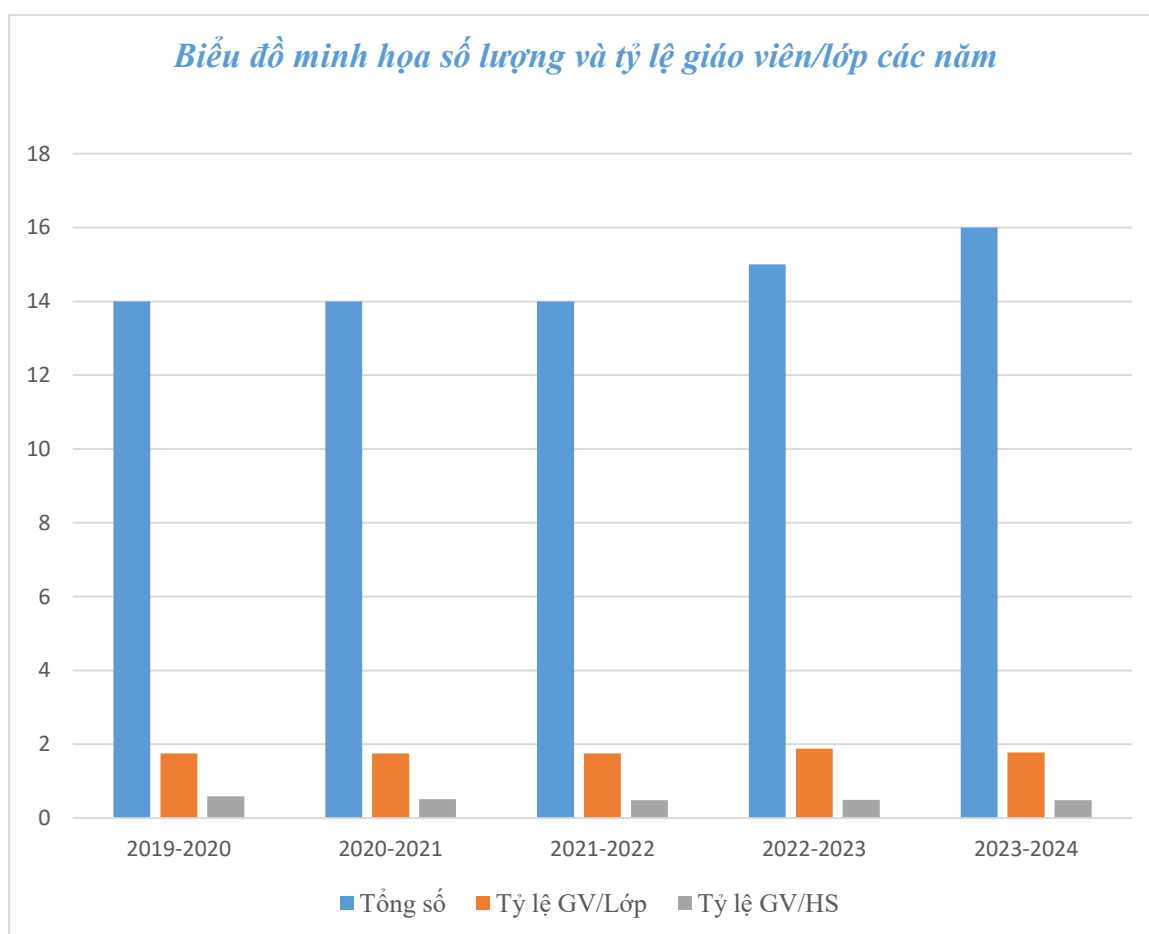
Cấp	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
Cấp Thị xã	14	11	9	2	8
Cấp Tỉnh	0	5	1	1	0
Tổng số học sinh toàn trường	236	274	289	309	330



2. Đội ngũ

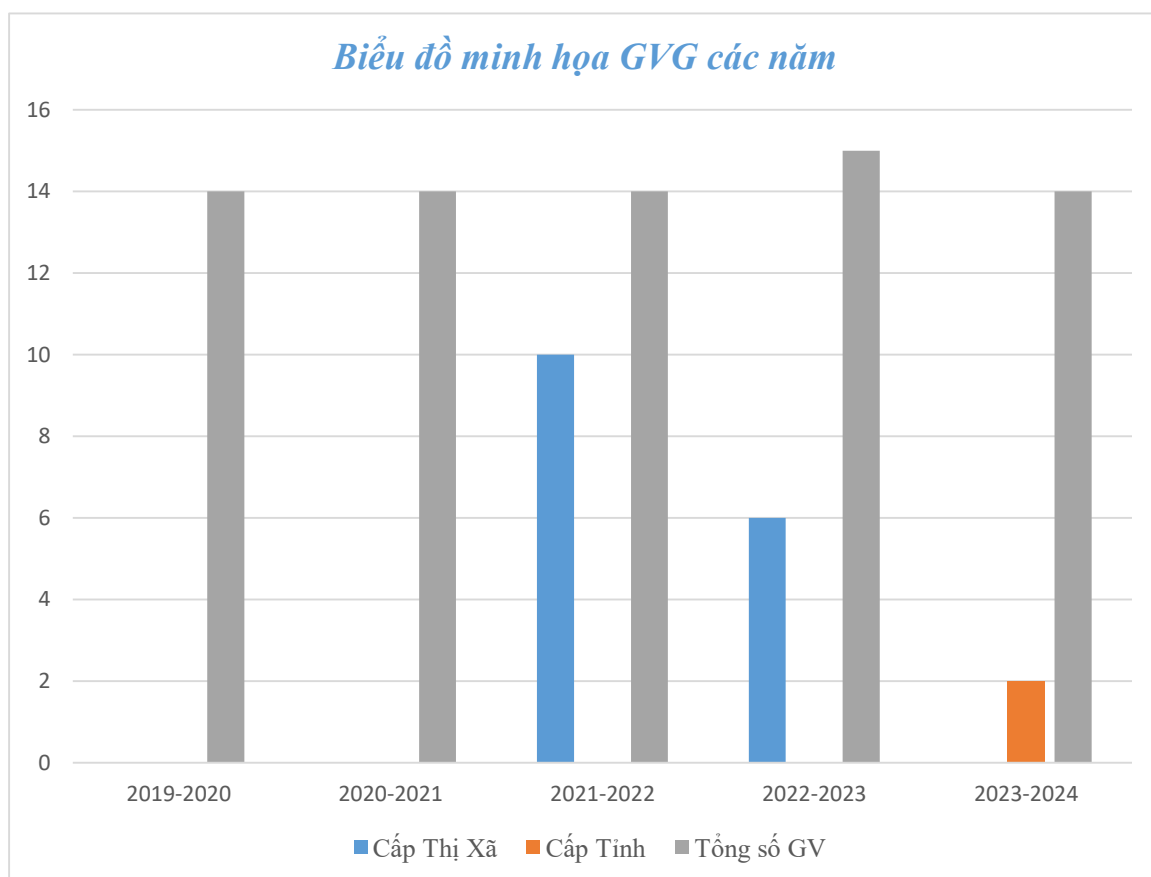
2.1. Số lượng và tỷ lệ giáo viên/lớp qua các năm:

Đội ngũ	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
Tổng số	14	14	14	15	16
Tỷ lệ GV/Lớp	1,75	1,75	1,75	1,88	1,78
Tỷ lệ GV/HS	0,59	0,51	0,48	0,49	0,48



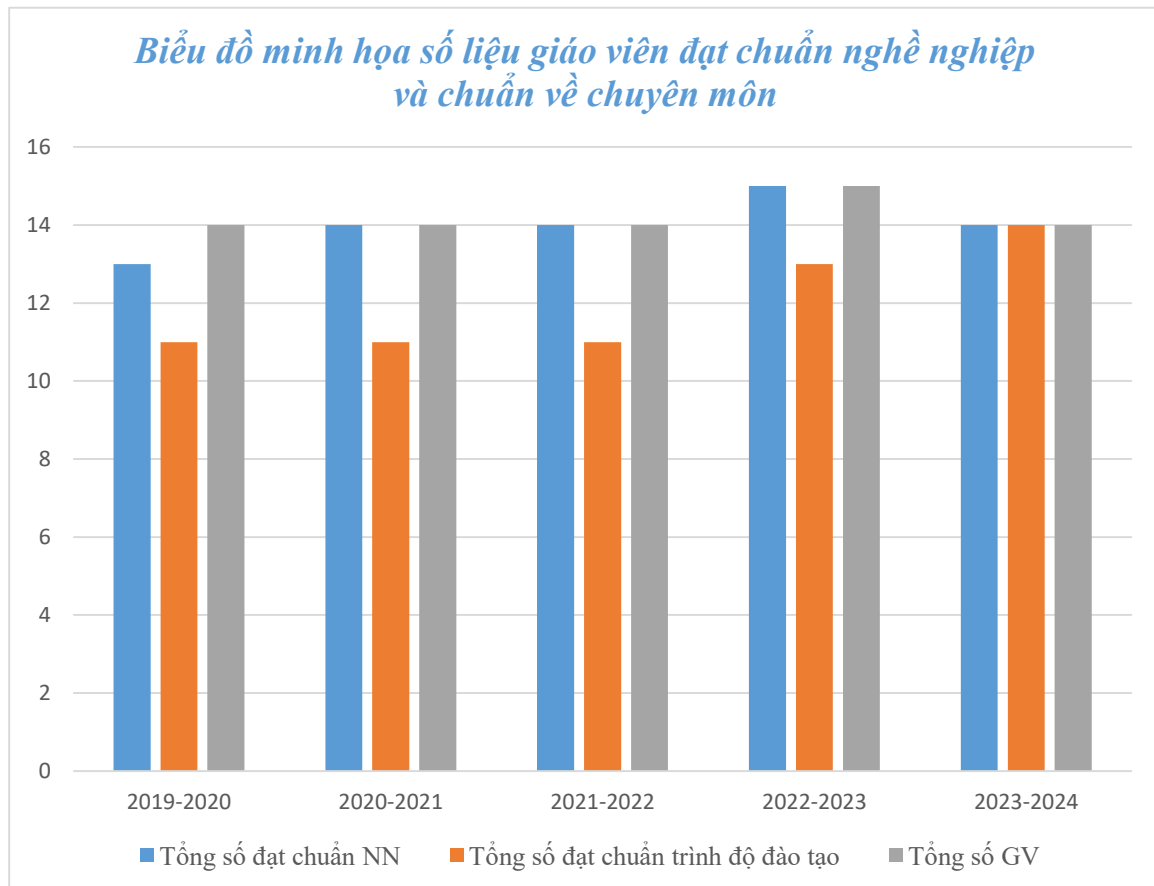
2.2. Số lượng giáo viên dạy giỏi các năm:

Cấp	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
Cấp Thị xã	0	0	10	6 (GVCM)	0
Cấp Tỉnh	0	0	0	0	2
Tổng số GV	14	14	14	15	14



2.3. Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, chuyên môn:

Cấp	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
Tổng số đạt chuẩn NN	13 (01 không đánh giá)	14	14	15	14
Tổng số đạt chuẩn trình độ đào tạo	11	11	11	13	14
Tổng số GV	14	14	14	15	14



3. Kế hoạch phát triển

Nội dung	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
Quy mô lớp học	8	8	8	8	9
Tổng số HS	236	274	289	309	330
Đội ngũ viên chức	18	18	18	19	20

